

THÔNG BÁO

THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 13/9/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 13/9/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 13/9/2024: Trước 16h30' ngày 10/9/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 10/9/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



GIÁM ĐỐC

Lâm Thị Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 13/9/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 10/9/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	51L-868.86	Hồ Chí Minh	1001	30L-586.86	Hà Nội	2001	30L-879.79	Hà Nội
2	60K-598.89	Đồng Nai	1002	30L-696.96	Hà Nội	2002	30L-969.69	Hà Nội
3	61K-488.88	Bình Dương	1003	34A-898.98	Hải Dương	2003	36K-186.86	Thanh Hóa
4	67C-188.88	An Giang	1004	60K-596.69	Đồng Nai	2004	51D-886.86	Hồ Chí Minh
5	88A-766.66	Vĩnh Phúc	1005	79A-566.88	Khánh Hòa	2005	73C-188.66	Quảng Bình
6	30K-647.86	Hà Nội	1006	30K-627.39	Hà Nội	2006	30K-634.44	Hà Nội
7	30K-650.79	Hà Nội	1007	30K-657.86	Hà Nội	2007	30K-651.39	Hà Nội
8	30K-672.72	Hà Nội	1008	30K-671.89	Hà Nội	2008	30K-672.99	Hà Nội
9	30K-705.99	Hà Nội	1009	30K-672.88	Hà Nội	2009	30K-703.69	Hà Nội
10	30K-708.39	Hà Nội	1010	30K-713.66	Hà Nội	2010	30K-704.68	Hà Nội
11	30K-710.89	Hà Nội	1011	30K-715.68	Hà Nội	2011	30K-705.66	Hà Nội
12	30K-713.88	Hà Nội	1012	30K-723.23	Hà Nội	2012	30K-706.88	Hà Nội
13	30K-714.66	Hà Nội	1013	30K-724.66	Hà Nội	2013	30K-716.39	Hà Nội
14	30K-720.99	Hà Nội	1014	30K-724.86	Hà Nội	2014	30K-720.86	Hà Nội
15	30K-729.68	Hà Nội	1015	30K-729.88	Hà Nội	2015	30K-727.39	Hà Nội
16	30K-739.93	Hà Nội	1016	30K-730.99	Hà Nội	2016	30K-728.89	Hà Nội
17	30K-741.86	Hà Nội	1017	30K-732.69	Hà Nội	2017	30K-729.39	Hà Nội
18	30K-744.88	Hà Nội	1018	30K-733.86	Hà Nội	2018	30K-730.39	Hà Nội
19	30K-746.68	Hà Nội	1019	30K-739.88	Hà Nội	2019	30K-730.68	Hà Nội
20	30K-747.79	Hà Nội	1020	30K-741.11	Hà Nội	2020	30K-731.66	Hà Nội
21	30K-751.99	Hà Nội	1021	30K-748.89	Hà Nội	2021	30K-737.88	Hà Nội
22	30K-753.99	Hà Nội	1022	30K-754.68	Hà Nội	2022	30K-745.79	Hà Nội
23	30K-765.88	Hà Nội	1023	30K-759.69	Hà Nội	2023	30K-751.89	Hà Nội
24	30K-770.00	Hà Nội	1024	30K-761.11	Hà Nội	2024	30K-761.39	Hà Nội
25	30K-770.39	Hà Nội	1025	30K-761.69	Hà Nội	2025	30K-774.79	Hà Nội
26	30K-771.89	Hà Nội	1026	30K-780.99	Hà Nội	2026	30K-814.44	Hà Nội
27	30K-773.89	Hà Nội	1027	30K-807.66	Hà Nội	2027	30K-815.69	Hà Nội
28	30K-783.79	Hà Nội	1028	30K-815.39	Hà Nội	2028	30K-821.39	Hà Nội
29	30K-790.66	Hà Nội	1029	30K-843.99	Hà Nội	2029	30K-824.86	Hà Nội
30	30K-809.88	Hà Nội	1030	30K-847.66	Hà Nội	2030	30K-837.79	Hà Nội
31	30K-814.86	Hà Nội	1031	30K-851.11	Hà Nội	2031	30K-841.99	Hà Nội
32	30K-815.89	Hà Nội	1032	30K-853.69	Hà Nội	2032	30K-852.86	Hà Nội
33	30K-832.38	Hà Nội	1033	30K-870.39	Hà Nội	2033	30K-857.86	Hà Nội
34	30K-833.44	Hà Nội	1034	30K-870.99	Hà Nội	2034	30K-873.68	Hà Nội
35	30K-834.79	Hà Nội	1035	30K-871.79	Hà Nội	2035	30K-887.69	Hà Nội
36	30K-850.99	Hà Nội	1036	30K-872.79	Hà Nội	2036	30K-902.88	Hà Nội
37	30K-870.68	Hà Nội	1037	30K-881.69	Hà Nội	2037	30K-905.68	Hà Nội
38	30K-873.99	Hà Nội	1038	30K-902.39	Hà Nội	2038	30K-920.86	Hà Nội
39	30K-875.39	Hà Nội	1039	30K-907.69	Hà Nội	2039	30K-930.69	Hà Nội
40	30K-905.69	Hà Nội	1040	30K-908.08	Hà Nội	2040	30K-938.69	Hà Nội
41	30K-925.66	Hà Nội	1041	30K-911.44	Hà Nội	2041	30K-943.69	Hà Nội
42	30K-943.39	Hà Nội	1042	30K-913.88	Hà Nội	2042	30K-947.68	Hà Nội
43	30K-951.88	Hà Nội	1043	30K-922.39	Hà Nội	2043	30K-957.88	Hà Nội
44	30K-960.79	Hà Nội	1044	30K-923.66	Hà Nội	2044	30K-971.88	Hà Nội
45	30K-961.89	Hà Nội	1045	30K-926.39	Hà Nội	2045	30K-974.44	Hà Nội
46	30K-981.11	Hà Nội	1046	30K-930.79	Hà Nội	2046	30K-977.86	Hà Nội
47	30K-994.44	Hà Nội	1047	30K-930.86	Hà Nội	2047	30K-985.79	Hà Nội
48	30L-005.50	Hà Nội	1048	30K-940.39	Hà Nội	2048	30L-008.79	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30L-018.79	Hà Nội	1049	30K-947.79	Hà Nội	2049	30L-014.79	Hà Nội
50	30L-043.66	Hà Nội	1050	30K-952.86	Hà Nội	2050	30L-034.69	Hà Nội
51	30L-049.39	Hà Nội	1051	30K-964.99	Hà Nội	2051	30L-037.69	Hà Nội
52	30L-052.52	Hà Nội	1052	30K-980.00	Hà Nội	2052	30L-043.89	Hà Nội
53	30L-052.99	Hà Nội	1053	30L-008.69	Hà Nội	2053	30L-051.89	Hà Nội
54	30L-080.69	Hà Nội	1054	30L-009.39	Hà Nội	2054	30L-060.06	Hà Nội
55	30L-090.69	Hà Nội	1055	30L-014.99	Hà Nội	2055	30L-092.39	Hà Nội
56	30L-091.89	Hà Nội	1056	30L-015.66	Hà Nội	2056	30L-107.86	Hà Nội
57	30L-097.39	Hà Nội	1057	30L-020.39	Hà Nội	2057	30L-110.66	Hà Nội
58	30L-098.69	Hà Nội	1058	30L-022.89	Hà Nội	2058	30L-130.88	Hà Nội
59	30L-100.33	Hà Nội	1059	30L-026.69	Hà Nội	2059	30L-143.86	Hà Nội
60	30L-100.77	Hà Nội	1060	30L-031.68	Hà Nội	2060	30L-145.79	Hà Nội
61	30L-101.79	Hà Nội	1061	30L-043.88	Hà Nội	2061	30L-147.39	Hà Nội
62	30L-108.39	Hà Nội	1062	30L-045.99	Hà Nội	2062	30L-155.39	Hà Nội
63	30L-114.69	Hà Nội	1063	30L-054.68	Hà Nội	2063	30L-174.68	Hà Nội
64	30L-117.69	Hà Nội	1064	30L-058.79	Hà Nội	2064	30L-178.86	Hà Nội
65	30L-142.39	Hà Nội	1065	30L-073.68	Hà Nội	2065	30L-187.39	Hà Nội
66	30L-144.66	Hà Nội	1066	30L-081.39	Hà Nội	2066	30L-199.00	Hà Nội
67	30L-150.39	Hà Nội	1067	30L-082.66	Hà Nội	2067	30L-207.68	Hà Nội
68	30L-153.39	Hà Nội	1068	30L-084.39	Hà Nội	2068	30L-221.11	Hà Nội
69	30L-164.86	Hà Nội	1069	30L-088.77	Hà Nội	2069	30L-241.39	Hà Nội
70	30L-174.88	Hà Nội	1070	30L-095.68	Hà Nội	2070	30L-262.39	Hà Nội
71	30L-175.99	Hà Nội	1071	30L-095.89	Hà Nội	2071	30L-266.11	Hà Nội
72	30L-177.66	Hà Nội	1072	30L-107.99	Hà Nội	2072	30L-271.66	Hà Nội
73	30L-182.39	Hà Nội	1073	30L-145.68	Hà Nội	2073	30L-272.27	Hà Nội
74	30L-182.69	Hà Nội	1074	30L-148.66	Hà Nội	2074	30L-274.74	Hà Nội
75	30L-185.79	Hà Nội	1075	30L-149.66	Hà Nội	2075	30L-278.69	Hà Nội
76	30L-201.69	Hà Nội	1076	30L-153.53	Hà Nội	2076	30L-290.00	Hà Nội
77	30L-201.88	Hà Nội	1077	30L-154.99	Hà Nội	2077	30L-301.39	Hà Nội
78	30L-213.69	Hà Nội	1078	30L-163.39	Hà Nội	2078	30L-306.60	Hà Nội
79	30L-220.02	Hà Nội	1079	30L-173.89	Hà Nội	2079	30L-310.89	Hà Nội
80	30L-222.48	Hà Nội	1080	30L-190.68	Hà Nội	2080	30L-314.39	Hà Nội
81	30L-224.69	Hà Nội	1081	30L-197.88	Hà Nội	2081	30L-314.99	Hà Nội
82	30L-227.72	Hà Nội	1082	30L-201.11	Hà Nội	2082	30L-316.39	Hà Nội
83	30L-230.89	Hà Nội	1083	30L-213.88	Hà Nội	2083	30L-320.39	Hà Nội
84	30L-244.68	Hà Nội	1084	30L-214.44	Hà Nội	2084	30L-324.89	Hà Nội
85	30L-287.86	Hà Nội	1085	30L-231.31	Hà Nội	2085	30L-334.79	Hà Nội
86	30L-298.79	Hà Nội	1086	30L-240.66	Hà Nội	2086	30L-347.39	Hà Nội
87	30L-302.69	Hà Nội	1087	30L-247.69	Hà Nội	2087	30L-351.66	Hà Nội
88	30L-309.86	Hà Nội	1088	30L-247.89	Hà Nội	2088	30L-364.79	Hà Nội
89	30L-312.39	Hà Nội	1089	30L-250.39	Hà Nội	2089	30L-364.89	Hà Nội
90	30L-315.99	Hà Nội	1090	30L-250.89	Hà Nội	2090	30L-371.66	Hà Nội
91	30L-320.86	Hà Nội	1091	30L-254.44	Hà Nội	2091	30L-374.89	Hà Nội
92	30L-321.79	Hà Nội	1092	30L-261.11	Hà Nội	2092	30L-384.69	Hà Nội
93	30L-324.88	Hà Nội	1093	30L-294.39	Hà Nội	2093	30L-388.44	Hà Nội
94	30L-341.86	Hà Nội	1094	30L-304.40	Hà Nội	2094	30L-397.69	Hà Nội
95	30L-343.34	Hà Nội	1095	30L-312.86	Hà Nội	2095	30L-405.68	Hà Nội
96	30L-345.45	Hà Nội	1096	30L-313.69	Hà Nội	2096	30L-407.86	Hà Nội
97	30L-346.89	Hà Nội	1097	30L-317.69	Hà Nội	2097	30L-410.39	Hà Nội
98	30L-348.86	Hà Nội	1098	30L-321.12	Hà Nội	2098	30L-411.99	Hà Nội
99	30L-349.39	Hà Nội	1099	30L-322.77	Hà Nội	2099	30L-419.95	Hà Nội

41
NG T
U GI
DAN
T NA
IAN - T

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-352.99	Hà Nội	1100	30L-325.26	Hà Nội	2100	30L-425.52	Hà Nội
101	30L-360.06	Hà Nội	1101	30L-340.66	Hà Nội	2101	30L-428.86	Hà Nội
102	30L-367.39	Hà Nội	1102	30L-347.66	Hà Nội	2102	30L-429.68	Hà Nội
103	30L-395.69	Hà Nội	1103	30L-350.99	Hà Nội	2103	30L-432.66	Hà Nội
104	30L-405.66	Hà Nội	1104	30L-360.86	Hà Nội	2104	30L-436.68	Hà Nội
105	30L-405.69	Hà Nội	1105	30L-361.69	Hà Nội	2105	30L-439.86	Hà Nội
106	30L-418.89	Hà Nội	1106	30L-372.68	Hà Nội	2106	30L-440.69	Hà Nội
107	30L-421.99	Hà Nội	1107	30L-388.77	Hà Nội	2107	30L-443.69	Hà Nội
108	30L-424.39	Hà Nội	1108	30L-400.79	Hà Nội	2108	30L-444.03	Hà Nội
109	30L-426.26	Hà Nội	1109	30L-403.69	Hà Nội	2109	30L-445.45	Hà Nội
110	30L-426.39	Hà Nội	1110	30L-408.79	Hà Nội	2110	30L-445.54	Hà Nội
111	30L-426.68	Hà Nội	1111	30L-408.80	Hà Nội	2111	30L-445.88	Hà Nội
112	30L-427.89	Hà Nội	1112	30L-413.31	Hà Nội	2112	30L-452.22	Hà Nội
113	30L-433.39	Hà Nội	1113	30L-425.39	Hà Nội	2113	30L-453.33	Hà Nội
114	30L-433.68	Hà Nội	1114	30L-425.68	Hà Nội	2114	30L-455.44	Hà Nội
115	30L-435.86	Hà Nội	1115	30L-427.39	Hà Nội	2115	30L-457.88	Hà Nội
116	30L-438.66	Hà Nội	1116	30L-429.69	Hà Nội	2116	30L-459.95	Hà Nội
117	30L-440.66	Hà Nội	1117	30L-430.00	Hà Nội	2117	30L-463.39	Hà Nội
118	30L-445.69	Hà Nội	1118	30L-431.66	Hà Nội	2118	30L-464.44	Hà Nội
119	30L-447.69	Hà Nội	1119	30L-434.89	Hà Nội	2119	30L-465.88	Hà Nội
120	30L-461.86	Hà Nội	1120	30L-436.69	Hà Nội	2120	30L-470.89	Hà Nội
121	30L-464.66	Hà Nội	1121	30L-443.34	Hà Nội	2121	30L-472.22	Hà Nội
122	30L-467.68	Hà Nội	1122	30L-444.12	Hà Nội	2122	30L-479.89	Hà Nội
123	30L-471.11	Hà Nội	1123	30L-448.99	Hà Nội	2123	30L-491.19	Hà Nội
124	30L-472.39	Hà Nội	1124	30L-452.25	Hà Nội	2124	30L-494.39	Hà Nội
125	30L-473.69	Hà Nội	1125	30L-453.68	Hà Nội	2125	30L-495.89	Hà Nội
126	30L-491.69	Hà Nội	1126	30L-454.69	Hà Nội	2126	30L-497.77	Hà Nội
127	30L-495.39	Hà Nội	1127	30L-454.88	Hà Nội	2127	30L-500.33	Hà Nội
128	30L-495.88	Hà Nội	1128	30L-455.89	Hà Nội	2128	30L-501.69	Hà Nội
129	30L-502.20	Hà Nội	1129	30L-465.39	Hà Nội	2129	30L-504.44	Hà Nội
130	30L-502.22	Hà Nội	1130	30L-467.66	Hà Nội	2130	30L-508.89	Hà Nội
131	30L-503.69	Hà Nội	1131	30L-472.72	Hà Nội	2131	30L-514.44	Hà Nội
132	30L-504.69	Hà Nội	1132	30L-485.99	Hà Nội	2132	30L-520.66	Hà Nội
133	30L-522.00	Hà Nội	1133	30L-488.79	Hà Nội	2133	30L-521.39	Hà Nội
134	30L-526.52	Hà Nội	1134	30L-490.86	Hà Nội	2134	30L-524.79	Hà Nội
135	30L-527.79	Hà Nội	1135	30L-493.68	Hà Nội	2135	30L-528.69	Hà Nội
136	30L-531.88	Hà Nội	1136	30L-499.33	Hà Nội	2136	30L-534.44	Hà Nội
137	30L-534.43	Hà Nội	1137	30L-507.39	Hà Nội	2137	30L-537.69	Hà Nội
138	30L-541.99	Hà Nội	1138	30L-514.39	Hà Nội	2138	30L-541.68	Hà Nội
139	30L-548.45	Hà Nội	1139	30L-527.99	Hà Nội	2139	30L-543.34	Hà Nội
140	30L-549.68	Hà Nội	1140	30L-529.52	Hà Nội	2140	30L-544.39	Hà Nội
141	30L-554.66	Hà Nội	1141	30L-530.88	Hà Nội	2141	30L-545.66	Hà Nội
142	30L-560.86	Hà Nội	1142	30L-538.66	Hà Nội	2142	30L-546.79	Hà Nội
143	30L-561.25	Hà Nội	1143	30L-540.79	Hà Nội	2143	30L-547.47	Hà Nội
144	30L-563.86	Hà Nội	1144	30L-540.99	Hà Nội	2144	30L-547.93	Hà Nội
145	30L-566.00	Hà Nội	1145	30L-542.66	Hà Nội	2145	30L-549.38	Hà Nội
146	30L-570.88	Hà Nội	1146	30L-543.68	Hà Nội	2146	30L-549.49	Hà Nội
147	30L-573.95	Hà Nội	1147	30L-543.99	Hà Nội	2147	30L-550.28	Hà Nội
148	30L-576.36	Hà Nội	1148	30L-545.39	Hà Nội	2148	30L-552.09	Hà Nội
149	30L-580.79	Hà Nội	1149	30L-547.74	Hà Nội	2149	30L-555.41	Hà Nội
150	30L-594.68	Hà Nội	1150	30L-547.88	Hà Nội	2150	30L-561.97	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-595.93	Hà Nội	1151	30L-551.52	Hà Nội	2151	30L-572.22	Hà Nội
152	30L-596.98	Hà Nội	1152	30L-551.79	Hà Nội	2152	30L-574.66	Hà Nội
153	30L-598.56	Hà Nội	1153	30L-553.54	Hà Nội	2153	30L-580.66	Hà Nội
154	30L-598.59	Hà Nội	1154	30L-558.93	Hà Nội	2154	30L-582.99	Hà Nội
155	30L-599.44	Hà Nội	1155	30L-564.88	Hà Nội	2155	30L-587.77	Hà Nội
156	30L-600.33	Hà Nội	1156	30L-568.36	Hà Nội	2156	30L-588.22	Hà Nội
157	30L-600.39	Hà Nội	1157	30L-571.75	Hà Nội	2157	30L-593.00	Hà Nội
158	30L-603.86	Hà Nội	1158	30L-572.58	Hà Nội	2158	30L-597.68	Hà Nội
159	30L-603.99	Hà Nội	1159	30L-575.16	Hà Nội	2159	30L-601.97	Hà Nội
160	30L-604.38	Hà Nội	1160	30L-597.77	Hà Nội	2160	30L-605.19	Hà Nội
161	30L-604.68	Hà Nội	1161	30L-601.88	Hà Nội	2161	30L-606.19	Hà Nội
162	30L-608.96	Hà Nội	1162	30L-602.20	Hà Nội	2162	30L-606.56	Hà Nội
163	30L-609.06	Hà Nội	1163	30L-602.69	Hà Nội	2163	30L-610.69	Hà Nội
164	30L-609.66	Hà Nội	1164	30L-604.79	Hà Nội	2164	30L-612.85	Hà Nội
165	30L-627.62	Hà Nội	1165	30L-605.36	Hà Nội	2165	30L-614.25	Hà Nội
166	30L-628.39	Hà Nội	1166	30L-606.18	Hà Nội	2166	30L-617.16	Hà Nội
167	30L-633.23	Hà Nội	1167	30L-613.36	Hà Nội	2167	30L-620.21	Hà Nội
168	30L-633.35	Hà Nội	1168	30L-615.99	Hà Nội	2168	30L-622.11	Hà Nội
169	30L-633.77	Hà Nội	1169	30L-617.66	Hà Nội	2169	30L-624.89	Hà Nội
170	30L-635.95	Hà Nội	1170	30L-618.16	Hà Nội	2170	30L-626.09	Hà Nội
171	30L-636.83	Hà Nội	1171	30L-620.35	Hà Nội	2171	30L-635.56	Hà Nội
172	30L-637.86	Hà Nội	1172	30L-621.09	Hà Nội	2172	30L-636.09	Hà Nội
173	30L-644.46	Hà Nội	1173	30L-628.22	Hà Nội	2173	30L-640.40	Hà Nội
174	30L-646.79	Hà Nội	1174	30L-629.09	Hà Nội	2174	30L-640.44	Hà Nội
175	30L-650.69	Hà Nội	1175	30L-632.79	Hà Nội	2175	30L-644.77	Hà Nội
176	30L-658.26	Hà Nội	1176	30L-634.89	Hà Nội	2176	30L-645.99	Hà Nội
177	30L-661.39	Hà Nội	1177	30L-638.23	Hà Nội	2177	30L-646.69	Hà Nội
178	30L-662.39	Hà Nội	1178	30L-639.06	Hà Nội	2178	30L-649.46	Hà Nội
179	30L-664.29	Hà Nội	1179	30L-645.64	Hà Nội	2179	30L-649.89	Hà Nội
180	30L-664.85	Hà Nội	1180	30L-646.56	Hà Nội	2180	30L-650.39	Hà Nội
181	30L-664.86	Hà Nội	1181	30L-661.44	Hà Nội	2181	30L-651.52	Hà Nội
182	30L-664.88	Hà Nội	1182	30L-666.12	Hà Nội	2182	30L-652.35	Hà Nội
183	30L-664.89	Hà Nội	1183	30L-671.17	Hà Nội	2183	30L-653.63	Hà Nội
184	30L-665.16	Hà Nội	1184	30L-671.69	Hà Nội	2184	30L-654.69	Hà Nội
185	30L-666.17	Hà Nội	1185	30L-673.85	Hà Nội	2185	30L-655.19	Hà Nội
186	30L-671.71	Hà Nội	1186	30L-676.65	Hà Nội	2186	30L-659.65	Hà Nội
187	30L-675.68	Hà Nội	1187	30L-677.35	Hà Nội	2187	30L-659.86	Hà Nội
188	30L-678.29	Hà Nội	1188	30L-677.68	Hà Nội	2188	30L-660.98	Hà Nội
189	30L-678.35	Hà Nội	1189	30L-680.18	Hà Nội	2189	30L-661.15	Hà Nội
190	30L-679.29	Hà Nội	1190	30L-684.48	Hà Nội	2190	30L-662.15	Hà Nội
191	30L-680.66	Hà Nội	1191	30L-684.99	Hà Nội	2191	30L-662.52	Hà Nội
192	30L-685.59	Hà Nội	1192	30L-700.22	Hà Nội	2192	30L-666.05	Hà Nội
193	30L-687.39	Hà Nội	1193	30L-700.39	Hà Nội	2193	30L-674.99	Hà Nội
194	30L-690.28	Hà Nội	1194	30L-710.86	Hà Nội	2194	30L-699.32	Hà Nội
195	30L-694.59	Hà Nội	1195	30L-715.16	Hà Nội	2195	30L-699.71	Hà Nội
196	30L-696.92	Hà Nội	1196	30L-716.25	Hà Nội	2196	30L-703.07	Hà Nội
197	30L-707.70	Hà Nội	1197	30L-718.39	Hà Nội	2197	30L-705.99	Hà Nội
198	30L-714.17	Hà Nội	1198	30L-719.78	Hà Nội	2198	30L-715.88	Hà Nội
199	30L-715.71	Hà Nội	1199	30L-721.28	Hà Nội	2199	30L-723.25	Hà Nội
200	30L-724.69	Hà Nội	1200	30L-722.86	Hà Nội	2200	30L-726.78	Hà Nội
201	30L-728.79	Hà Nội	1201	30L-724.72	Hà Nội	2201	30L-727.28	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-728.82	Hà Nội	1202	30L-730.00	Hà Nội	2202	30L-727.39	Hà Nội
203	30L-728.86	Hà Nội	1203	30L-731.99	Hà Nội	2203	30L-728.27	Hà Nội
204	30L-731.13	Hà Nội	1204	30L-732.33	Hà Nội	2204	30L-729.86	Hà Nội
205	30L-734.43	Hà Nội	1205	30L-732.37	Hà Nội	2205	30L-729.96	Hà Nội
206	30L-735.99	Hà Nội	1206	30L-734.96	Hà Nội	2206	30L-731.95	Hà Nội
207	30L-739.89	Hà Nội	1207	30L-735.18	Hà Nội	2207	30L-731.97	Hà Nội
208	30L-744.45	Hà Nội	1208	30L-748.44	Hà Nội	2208	30L-732.89	Hà Nội
209	30L-747.09	Hà Nội	1209	30L-754.44	Hà Nội	2209	30L-733.00	Hà Nội
210	30L-747.68	Hà Nội	1210	30L-755.00	Hà Nội	2210	30L-733.56	Hà Nội
211	30L-748.66	Hà Nội	1211	30L-760.79	Hà Nội	2211	30L-733.89	Hà Nội
212	30L-751.59	Hà Nội	1212	30L-766.45	Hà Nội	2212	30L-735.68	Hà Nội
213	30L-752.79	Hà Nội	1213	30L-775.88	Hà Nội	2213	30L-735.73	Hà Nội
214	30L-757.85	Hà Nội	1214	30L-779.15	Hà Nội	2214	30L-739.29	Hà Nội
215	30L-759.29	Hà Nội	1215	30L-783.66	Hà Nội	2215	30L-739.96	Hà Nội
216	30L-761.16	Hà Nội	1216	30L-788.61	Hà Nội	2216	30L-749.79	Hà Nội
217	30L-761.95	Hà Nội	1217	30L-790.22	Hà Nội	2217	30L-751.86	Hà Nội
218	30L-763.86	Hà Nội	1218	30L-790.88	Hà Nội	2218	30L-753.88	Hà Nội
219	30L-763.89	Hà Nội	1219	30L-792.97	Hà Nội	2219	30L-754.36	Hà Nội
220	30L-771.88	Hà Nội	1220	30L-793.94	Hà Nội	2220	30L-754.69	Hà Nội
221	30L-774.29	Hà Nội	1221	30L-794.66	Hà Nội	2221	30L-755.39	Hà Nội
222	30L-775.16	Hà Nội	1222	30L-794.89	Hà Nội	2222	30L-756.95	Hà Nội
223	30L-776.28	Hà Nội	1223	30L-797.06	Hà Nội	2223	30L-762.58	Hà Nội
224	30L-783.78	Hà Nội	1224	30L-798.15	Hà Nội	2224	30L-763.36	Hà Nội
225	30L-785.86	Hà Nội	1225	30L-802.22	Hà Nội	2225	30L-764.56	Hà Nội
226	30L-789.40	Hà Nội	1226	30L-803.08	Hà Nội	2226	30L-767.28	Hà Nội
227	30L-791.08	Hà Nội	1227	30L-804.39	Hà Nội	2227	30L-767.69	Hà Nội
228	30L-797.26	Hà Nội	1228	30L-806.00	Hà Nội	2228	30L-771.99	Hà Nội
229	30L-799.93	Hà Nội	1229	30L-806.35	Hà Nội	2229	30L-776.76	Hà Nội
230	30L-800.39	Hà Nội	1230	30L-814.39	Hà Nội	2230	30L-777.03	Hà Nội
231	30L-803.39	Hà Nội	1231	30L-816.36	Hà Nội	2231	30L-777.38	Hà Nội
232	30L-804.05	Hà Nội	1232	30L-819.83	Hà Nội	2232	30L-777.56	Hà Nội
233	30L-807.38	Hà Nội	1233	30L-821.21	Hà Nội	2233	30L-782.87	Hà Nội
234	30L-811.29	Hà Nội	1234	30L-821.28	Hà Nội	2234	30L-784.26	Hà Nội
235	30L-811.81	Hà Nội	1235	30L-822.35	Hà Nội	2235	30L-786.96	Hà Nội
236	30L-813.66	Hà Nội	1236	30L-823.19	Hà Nội	2236	30L-788.28	Hà Nội
237	30L-814.66	Hà Nội	1237	30L-824.39	Hà Nội	2237	30L-799.62	Hà Nội
238	30L-818.69	Hà Nội	1238	30L-827.83	Hà Nội	2238	30L-806.39	Hà Nội
239	30L-827.06	Hà Nội	1239	30L-836.09	Hà Nội	2239	30L-815.39	Hà Nội
240	30L-830.88	Hà Nội	1240	30L-842.89	Hà Nội	2240	30L-823.85	Hà Nội
241	30L-830.98	Hà Nội	1241	30L-844.66	Hà Nội	2241	30L-829.97	Hà Nội
242	30L-843.86	Hà Nội	1242	30L-844.68	Hà Nội	2242	30L-835.59	Hà Nội
243	30L-845.79	Hà Nội	1243	30L-844.89	Hà Nội	2243	30L-837.16	Hà Nội
244	30L-845.86	Hà Nội	1244	30L-845.69	Hà Nội	2244	30L-840.99	Hà Nội
245	30L-846.78	Hà Nội	1245	30L-849.69	Hà Nội	2245	30L-850.86	Hà Nội
246	30L-849.68	Hà Nội	1246	30L-849.94	Hà Nội	2246	30L-853.16	Hà Nội
247	30L-853.39	Hà Nội	1247	30L-850.18	Hà Nội	2247	30L-857.00	Hà Nội
248	30L-853.79	Hà Nội	1248	30L-851.56	Hà Nội	2248	30L-858.09	Hà Nội
249	30L-855.93	Hà Nội	1249	30L-851.89	Hà Nội	2249	30L-868.00	Hà Nội
250	30L-859.56	Hà Nội	1250	30L-853.59	Hà Nội	2250	30L-870.88	Hà Nội
251	30L-859.98	Hà Nội	1251	30L-857.39	Hà Nội	2251	30L-871.19	Hà Nội
252	30L-860.98	Hà Nội	1252	30L-859.19	Hà Nội	2252	30L-879.19	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	30L-861.33	Hà Nội	1253	30L-868.67	Hà Nội	2253	30L-879.65	Hà Nội
254	30L-866.97	Hà Nội	1254	30L-870.78	Hà Nội	2254	30L-880.65	Hà Nội
255	30L-872.89	Hà Nội	1255	30L-872.22	Hà Nội	2255	30L-883.63	Hà Nội
256	30L-872.98	Hà Nội	1256	30L-878.93	Hà Nội	2256	30L-886.02	Hà Nội
257	30L-875.86	Hà Nội	1257	30L-888.70	Hà Nội	2257	30L-888.10	Hà Nội
258	30L-884.68	Hà Nội	1258	30L-889.95	Hà Nội	2258	30L-892.65	Hà Nội
259	30L-888.09	Hà Nội	1259	30L-892.33	Hà Nội	2259	30L-892.79	Hà Nội
260	30L-889.35	Hà Nội	1260	30L-894.06	Hà Nội	2260	30L-895.56	Hà Nội
261	30L-900.89	Hà Nội	1261	30L-894.44	Hà Nội	2261	30L-906.29	Hà Nội
262	30L-911.63	Hà Nội	1262	30L-895.39	Hà Nội	2262	30L-912.13	Hà Nội
263	30L-914.68	Hà Nội	1263	30L-897.68	Hà Nội	2263	30L-913.66	Hà Nội
264	30L-915.35	Hà Nội	1264	30L-897.95	Hà Nội	2264	30L-917.17	Hà Nội
265	30L-922.77	Hà Nội	1265	30L-897.96	Hà Nội	2265	30L-917.68	Hà Nội
266	30L-929.83	Hà Nội	1266	30L-904.16	Hà Nội	2266	30L-923.24	Hà Nội
267	30L-931.88	Hà Nội	1267	30L-905.99	Hà Nội	2267	30L-930.79	Hà Nội
268	30L-932.69	Hà Nội	1268	30L-921.66	Hà Nội	2268	30L-933.69	Hà Nội
269	30L-939.29	Hà Nội	1269	30L-922.69	Hà Nội	2269	30L-934.43	Hà Nội
270	30L-947.16	Hà Nội	1270	30L-925.66	Hà Nội	2270	30L-935.18	Hà Nội
271	30L-951.08	Hà Nội	1271	30L-926.58	Hà Nội	2271	30L-935.22	Hà Nội
272	30L-954.35	Hà Nội	1272	30L-932.29	Hà Nội	2272	30L-937.86	Hà Nội
273	30L-956.59	Hà Nội	1273	30L-935.96	Hà Nội	2273	30L-939.25	Hà Nội
274	30L-960.00	Hà Nội	1274	30L-938.06	Hà Nội	2274	30L-945.46	Hà Nội
275	30L-973.69	Hà Nội	1275	30L-946.49	Hà Nội	2275	30L-946.86	Hà Nội
276	30L-981.66	Hà Nội	1276	30L-947.77	Hà Nội	2276	30L-946.89	Hà Nội
277	30L-987.68	Hà Nội	1277	30L-948.85	Hà Nội	2277	30L-949.39	Hà Nội
278	30L-993.94	Hà Nội	1278	30L-948.94	Hà Nội	2278	30L-950.05	Hà Nội
279	30L-994.68	Hà Nội	1279	30L-950.68	Hà Nội	2279	30L-952.09	Hà Nội
280	30L-999.10	Hà Nội	1280	30L-955.11	Hà Nội	2280	30L-953.29	Hà Nội
281	30L-999.47	Hà Nội	1281	30L-957.38	Hà Nội	2281	30L-957.69	Hà Nội
282	30M-003.83	Hà Nội	1282	30L-958.35	Hà Nội	2282	30L-958.09	Hà Nội
283	30M-008.06	Hà Nội	1283	30L-958.79	Hà Nội	2283	30L-960.79	Hà Nội
284	30M-008.39	Hà Nội	1284	30L-958.95	Hà Nội	2284	30L-960.86	Hà Nội
285	30M-015.18	Hà Nội	1285	30L-963.28	Hà Nội	2285	30L-964.88	Hà Nội
286	30M-025.79	Hà Nội	1286	30L-964.58	Hà Nội	2286	30L-965.66	Hà Nội
287	30M-027.27	Hà Nội	1287	30L-968.81	Hà Nội	2287	30L-967.59	Hà Nội
288	30M-028.02	Hà Nội	1288	30L-972.22	Hà Nội	2288	30L-968.29	Hà Nội
289	51K-990.86	Hồ Chí Minh	1289	30L-977.94	Hà Nội	2289	30L-971.69	Hà Nội
290	51L-004.68	Hồ Chí Minh	1290	30L-981.11	Hà Nội	2290	30L-974.68	Hà Nội
291	51L-005.66	Hồ Chí Minh	1291	30L-994.79	Hà Nội	2291	30L-975.88	Hà Nội
292	51L-007.66	Hồ Chí Minh	1292	30L-994.88	Hà Nội	2292	30L-984.19	Hà Nội
293	51L-020.86	Hồ Chí Minh	1293	30M-003.09	Hà Nội	2293	30L-984.84	Hà Nội
294	51L-022.86	Hồ Chí Minh	1294	30M-006.08	Hà Nội	2294	30L-985.26	Hà Nội
295	51L-023.86	Hồ Chí Minh	1295	30M-008.19	Hà Nội	2295	30L-989.26	Hà Nội
296	51L-061.79	Hồ Chí Minh	1296	30M-011.38	Hà Nội	2296	30L-989.59	Hà Nội
297	51L-064.68	Hồ Chí Minh	1297	30M-011.55	Hà Nội	2297	30L-992.85	Hà Nội
298	51L-070.66	Hồ Chí Minh	1298	30M-019.58	Hà Nội	2298	30L-996.46	Hà Nội
299	51L-074.69	Hồ Chí Minh	1299	30M-022.44	Hà Nội	2299	30L-997.21	Hà Nội
300	51L-081.79	Hồ Chí Minh	1300	30M-026.79	Hà Nội	2300	30L-997.96	Hà Nội
301	51L-087.86	Hồ Chí Minh	1301	30M-027.33	Hà Nội	2301	30L-998.06	Hà Nội
302	51L-104.89	Hồ Chí Minh	1302	51L-042.89	Hồ Chí Minh	2302	30M-005.06	Hà Nội
303	51L-105.86	Hồ Chí Minh	1303	51L-052.69	Hồ Chí Minh	2303	30M-011.95	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-116.86	Hồ Chí Minh	1304	51L-058.79	Hồ Chí Minh	2304	30M-018.96	Hà Nội
305	51L-121.69	Hồ Chí Minh	1305	51L-070.88	Hồ Chí Minh	2305	30M-019.77	Hà Nội
306	51L-125.86	Hồ Chí Minh	1306	51L-072.68	Hồ Chí Minh	2306	30M-021.68	Hà Nội
307	51L-129.88	Hồ Chí Minh	1307	51L-078.39	Hồ Chí Minh	2307	30M-024.79	Hà Nội
308	51L-130.88	Hồ Chí Minh	1308	51L-080.79	Hồ Chí Minh	2308	30M-025.88	Hà Nội
309	51L-137.66	Hồ Chí Minh	1309	51L-087.89	Hồ Chí Minh	2309	30M-029.56	Hà Nội
310	51L-142.88	Hồ Chí Minh	1310	51L-094.86	Hồ Chí Minh	2310	51K-980.68	Hồ Chí Minh
311	51L-142.89	Hồ Chí Minh	1311	51L-100.44	Hồ Chí Minh	2311	51L-004.44	Hồ Chí Minh
312	51L-147.77	Hồ Chí Minh	1312	51L-103.33	Hồ Chí Minh	2312	51L-006.39	Hồ Chí Minh
313	51L-153.89	Hồ Chí Minh	1313	51L-114.88	Hồ Chí Minh	2313	51L-017.66	Hồ Chí Minh
314	51L-171.68	Hồ Chí Minh	1314	51L-118.39	Hồ Chí Minh	2314	51L-020.66	Hồ Chí Minh
315	51L-173.69	Hồ Chí Minh	1315	51L-122.89	Hồ Chí Minh	2315	51L-024.44	Hồ Chí Minh
316	51L-174.99	Hồ Chí Minh	1316	51L-136.39	Hồ Chí Minh	2316	51L-058.86	Hồ Chí Minh
317	51L-182.66	Hồ Chí Minh	1317	51L-144.00	Hồ Chí Minh	2317	51L-060.69	Hồ Chí Minh
318	51L-201.68	Hồ Chí Minh	1318	51L-146.79	Hồ Chí Minh	2318	51L-063.66	Hồ Chí Minh
319	51L-207.99	Hồ Chí Minh	1319	51L-150.66	Hồ Chí Minh	2319	51L-065.68	Hồ Chí Minh
320	51L-209.89	Hồ Chí Minh	1320	51L-151.39	Hồ Chí Minh	2320	51L-087.77	Hồ Chí Minh
321	51L-213.99	Hồ Chí Minh	1321	51L-151.89	Hồ Chí Minh	2321	51L-087.79	Hồ Chí Minh
322	51L-240.99	Hồ Chí Minh	1322	51L-153.99	Hồ Chí Minh	2322	51L-094.69	Hồ Chí Minh
323	51L-242.39	Hồ Chí Minh	1323	51L-159.39	Hồ Chí Minh	2323	51L-106.68	Hồ Chí Minh
324	51L-242.86	Hồ Chí Minh	1324	51L-162.63	Hồ Chí Minh	2324	51L-108.39	Hồ Chí Minh
325	51L-243.69	Hồ Chí Minh	1325	51L-164.69	Hồ Chí Minh	2325	51L-109.68	Hồ Chí Minh
326	51L-258.39	Hồ Chí Minh	1326	51L-174.89	Hồ Chí Minh	2326	51L-125.66	Hồ Chí Minh
327	51L-260.88	Hồ Chí Minh	1327	51L-175.55	Hồ Chí Minh	2327	51L-127.69	Hồ Chí Minh
328	51L-263.79	Hồ Chí Minh	1328	51L-181.66	Hồ Chí Minh	2328	51L-137.39	Hồ Chí Minh
329	51L-265.39	Hồ Chí Minh	1329	51L-183.69	Hồ Chí Minh	2329	51L-148.84	Hồ Chí Minh
330	51L-266.55	Hồ Chí Minh	1330	51L-184.39	Hồ Chí Minh	2330	51L-150.39	Hồ Chí Minh
331	51L-275.66	Hồ Chí Minh	1331	51L-187.68	Hồ Chí Minh	2331	51L-153.53	Hồ Chí Minh
332	51L-291.11	Hồ Chí Minh	1332	51L-188.11	Hồ Chí Minh	2332	51L-165.66	Hồ Chí Minh
333	51L-297.88	Hồ Chí Minh	1333	51L-199.77	Hồ Chí Minh	2333	51L-170.99	Hồ Chí Minh
334	51L-310.89	Hồ Chí Minh	1334	51L-200.02	Hồ Chí Minh	2334	51L-171.17	Hồ Chí Minh
335	51L-328.32	Hồ Chí Minh	1335	51L-203.30	Hồ Chí Minh	2335	51L-174.44	Hồ Chí Minh
336	51L-344.39	Hồ Chí Minh	1336	51L-203.79	Hồ Chí Minh	2336	51L-191.39	Hồ Chí Minh
337	51L-347.69	Hồ Chí Minh	1337	51L-205.88	Hồ Chí Minh	2337	51L-193.88	Hồ Chí Minh
338	51L-358.79	Hồ Chí Minh	1338	51L-207.77	Hồ Chí Minh	2338	51L-202.89	Hồ Chí Minh
339	51L-384.99	Hồ Chí Minh	1339	51L-214.69	Hồ Chí Minh	2339	51L-214.44	Hồ Chí Minh
340	51L-397.86	Hồ Chí Minh	1340	51L-215.88	Hồ Chí Minh	2340	51L-215.39	Hồ Chí Minh
341	51L-405.50	Hồ Chí Minh	1341	51L-225.52	Hồ Chí Minh	2341	51L-217.69	Hồ Chí Minh
342	51L-413.68	Hồ Chí Minh	1342	51L-226.39	Hồ Chí Minh	2342	51L-226.22	Hồ Chí Minh
343	51L-419.79	Hồ Chí Minh	1343	51L-227.86	Hồ Chí Minh	2343	51L-243.39	Hồ Chí Minh
344	51L-419.86	Hồ Chí Minh	1344	51L-230.68	Hồ Chí Minh	2344	51L-245.66	Hồ Chí Minh
345	51L-421.68	Hồ Chí Minh	1345	51L-230.88	Hồ Chí Minh	2345	51L-254.86	Hồ Chí Minh
346	51L-423.88	Hồ Chí Minh	1346	51L-241.79	Hồ Chí Minh	2346	51L-255.39	Hồ Chí Minh
347	51L-424.39	Hồ Chí Minh	1347	51L-258.69	Hồ Chí Minh	2347	51L-259.79	Hồ Chí Minh
348	51L-425.25	Hồ Chí Minh	1348	51L-260.99	Hồ Chí Minh	2348	51L-267.76	Hồ Chí Minh
349	51L-427.39	Hồ Chí Minh	1349	51L-261.39	Hồ Chí Minh	2349	51L-269.89	Hồ Chí Minh
350	51L-434.39	Hồ Chí Minh	1350	51L-263.66	Hồ Chí Minh	2350	51L-273.69	Hồ Chí Minh
351	51L-436.63	Hồ Chí Minh	1351	51L-275.57	Hồ Chí Minh	2351	51L-274.39	Hồ Chí Minh
352	51L-437.39	Hồ Chí Minh	1352	51L-284.69	Hồ Chí Minh	2352	51L-283.89	Hồ Chí Minh
353	51L-437.69	Hồ Chí Minh	1353	51L-294.39	Hồ Chí Minh	2353	51L-287.79	Hồ Chí Minh
354	51L-442.24	Hồ Chí Minh	1354	51L-294.99	Hồ Chí Minh	2354	51L-293.29	Hồ Chí Minh

Y
A
H
M
P.H.A

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-443.66	Hồ Chí Minh	1355	51L-299.77	Hồ Chí Minh	2355	51L-307.86	Hồ Chí Minh
356	51L-446.39	Hồ Chí Minh	1356	51L-301.88	Hồ Chí Minh	2356	51L-312.66	Hồ Chí Minh
357	51L-449.86	Hồ Chí Minh	1357	51L-306.69	Hồ Chí Minh	2357	51L-317.79	Hồ Chí Minh
358	51L-451.79	Hồ Chí Minh	1358	51L-315.88	Hồ Chí Minh	2358	51L-317.99	Hồ Chí Minh
359	51L-466.39	Hồ Chí Minh	1359	51L-317.89	Hồ Chí Minh	2359	51L-321.39	Hồ Chí Minh
360	51L-468.39	Hồ Chí Minh	1360	51L-322.68	Hồ Chí Minh	2360	51L-328.99	Hồ Chí Minh
361	51L-469.79	Hồ Chí Minh	1361	51L-323.66	Hồ Chí Minh	2361	51L-340.99	Hồ Chí Minh
362	51L-471.86	Hồ Chí Minh	1362	51L-324.39	Hồ Chí Minh	2362	51L-342.99	Hồ Chí Minh
363	51L-483.83	Hồ Chí Minh	1363	51L-324.99	Hồ Chí Minh	2363	51L-349.86	Hồ Chí Minh
364	51L-483.86	Hồ Chí Minh	1364	51L-328.89	Hồ Chí Minh	2364	51L-355.86	Hồ Chí Minh
365	51L-488.11	Hồ Chí Minh	1365	51L-350.89	Hồ Chí Minh	2365	51L-359.39	Hồ Chí Minh
366	51L-490.68	Hồ Chí Minh	1366	51L-361.69	Hồ Chí Minh	2366	51L-361.11	Hồ Chí Minh
367	51L-490.88	Hồ Chí Minh	1367	51L-367.66	Hồ Chí Minh	2367	51L-365.63	Hồ Chí Minh
368	51L-490.90	Hồ Chí Minh	1368	51L-373.86	Hồ Chí Minh	2368	51L-372.66	Hồ Chí Minh
369	51L-493.69	Hồ Chí Minh	1369	51L-374.66	Hồ Chí Minh	2369	51L-372.89	Hồ Chí Minh
370	51L-497.79	Hồ Chí Minh	1370	51L-377.39	Hồ Chí Minh	2370	51L-395.69	Hồ Chí Minh
371	51L-501.11	Hồ Chí Minh	1371	51L-393.86	Hồ Chí Minh	2371	51L-401.68	Hồ Chí Minh
372	51L-505.50	Hồ Chí Minh	1372	51L-394.88	Hồ Chí Minh	2372	51L-404.69	Hồ Chí Minh
373	51L-509.66	Hồ Chí Minh	1373	51L-411.79	Hồ Chí Minh	2373	51L-407.79	Hồ Chí Minh
374	51L-510.69	Hồ Chí Minh	1374	51L-414.68	Hồ Chí Minh	2374	51L-423.68	Hồ Chí Minh
375	51L-521.25	Hồ Chí Minh	1375	51L-425.39	Hồ Chí Minh	2375	51L-432.66	Hồ Chí Minh
376	51L-529.96	Hồ Chí Minh	1376	51L-426.86	Hồ Chí Minh	2376	51L-436.99	Hồ Chí Minh
377	51L-532.88	Hồ Chí Minh	1377	51L-430.00	Hồ Chí Minh	2377	51L-442.79	Hồ Chí Minh
378	51L-538.35	Hồ Chí Minh	1378	51L-436.88	Hồ Chí Minh	2378	51L-442.99	Hồ Chí Minh
379	51L-546.88	Hồ Chí Minh	1379	51L-439.66	Hồ Chí Minh	2379	51L-443.89	Hồ Chí Minh
380	51L-553.35	Hồ Chí Minh	1380	51L-443.34	Hồ Chí Minh	2380	51L-444.47	Hồ Chí Minh
381	51L-560.66	Hồ Chí Minh	1381	51L-446.79	Hồ Chí Minh	2381	51L-444.48	Hồ Chí Minh
382	51L-562.22	Hồ Chí Minh	1382	51L-447.68	Hồ Chí Minh	2382	51L-449.79	Hồ Chí Minh
383	51L-562.69	Hồ Chí Minh	1383	51L-462.68	Hồ Chí Minh	2383	51L-452.99	Hồ Chí Minh
384	51L-570.86	Hồ Chí Minh	1384	51L-464.46	Hồ Chí Minh	2384	51L-458.66	Hồ Chí Minh
385	51L-570.88	Hồ Chí Minh	1385	51L-467.86	Hồ Chí Minh	2385	51L-462.62	Hồ Chí Minh
386	51L-590.79	Hồ Chí Minh	1386	51L-474.39	Hồ Chí Minh	2386	51L-463.33	Hồ Chí Minh
387	51L-591.11	Hồ Chí Minh	1387	51L-481.88	Hồ Chí Minh	2387	51L-463.79	Hồ Chí Minh
388	51L-617.39	Hồ Chí Minh	1388	51L-485.58	Hồ Chí Minh	2388	51L-463.88	Hồ Chí Minh
389	51L-617.71	Hồ Chí Minh	1389	51L-485.85	Hồ Chí Minh	2389	51L-470.70	Hồ Chí Minh
390	51L-622.44	Hồ Chí Minh	1390	51L-489.69	Hồ Chí Minh	2390	51L-473.69	Hồ Chí Minh
391	51L-623.79	Hồ Chí Minh	1391	51L-489.98	Hồ Chí Minh	2391	51L-474.68	Hồ Chí Minh
392	51L-624.25	Hồ Chí Minh	1392	51L-499.39	Hồ Chí Minh	2392	51L-474.99	Hồ Chí Minh
393	51L-627.79	Hồ Chí Minh	1393	51L-499.77	Hồ Chí Minh	2393	51L-476.69	Hồ Chí Minh
394	51L-629.08	Hồ Chí Minh	1394	51L-500.01	Hồ Chí Minh	2394	51L-476.86	Hồ Chí Minh
395	51L-630.39	Hồ Chí Minh	1395	51L-513.31	Hồ Chí Minh	2395	51L-477.39	Hồ Chí Minh
396	51L-630.89	Hồ Chí Minh	1396	51L-517.17	Hồ Chí Minh	2396	51L-480.80	Hồ Chí Minh
397	51L-632.38	Hồ Chí Minh	1397	51L-518.86	Hồ Chí Minh	2397	51L-482.66	Hồ Chí Minh
398	51L-633.15	Hồ Chí Minh	1398	51L-521.22	Hồ Chí Minh	2398	51L-485.86	Hồ Chí Minh
399	51L-635.44	Hồ Chí Minh	1399	51L-523.66	Hồ Chí Minh	2399	51L-487.89	Hồ Chí Minh
400	51L-635.86	Hồ Chí Minh	1400	51L-523.68	Hồ Chí Minh	2400	51L-489.86	Hồ Chí Minh
401	51L-649.66	Hồ Chí Minh	1401	51L-527.69	Hồ Chí Minh	2401	51L-491.11	Hồ Chí Minh
402	51L-650.29	Hồ Chí Minh	1402	51L-533.33	Hồ Chí Minh	2402	51L-494.88	Hồ Chí Minh
403	51L-654.39	Hồ Chí Minh	1403	51L-535.86	Hồ Chí Minh	2403	51L-495.69	Hồ Chí Minh
404	51L-658.69	Hồ Chí Minh	1404	51L-536.66	Hồ Chí Minh	2404	51L-497.89	Hồ Chí Minh
405	51L-659.88	Hồ Chí Minh	1405	51L-536.89	Hồ Chí Minh	2405	51L-498.68	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-666.15	Hồ Chí Minh	1406	51L-542.39	Hồ Chí Minh	2406	51L-503.66	Hồ Chí Minh
407	51L-667.75	Hồ Chí Minh	1407	51L-552.99	Hồ Chí Minh	2407	51L-504.79	Hồ Chí Minh
408	51L-676.59	Hồ Chí Minh	1408	51L-555.26	Hồ Chí Minh	2408	51L-506.60	Hồ Chí Minh
409	51L-684.84	Hồ Chí Minh	1409	51L-563.39	Hồ Chí Minh	2409	51L-520.89	Hồ Chí Minh
410	51L-688.72	Hồ Chí Minh	1410	51L-563.66	Hồ Chí Minh	2410	51L-521.79	Hồ Chí Minh
411	51L-690.91	Hồ Chí Minh	1411	51L-564.68	Hồ Chí Minh	2411	51L-523.86	Hồ Chí Minh
412	51L-696.97	Hồ Chí Minh	1412	51L-571.89	Hồ Chí Minh	2412	51L-532.86	Hồ Chí Minh
413	51L-697.86	Hồ Chí Minh	1413	51L-572.66	Hồ Chí Minh	2413	51L-536.35	Hồ Chí Minh
414	51L-699.11	Hồ Chí Minh	1414	51L-578.66	Hồ Chí Minh	2414	51L-536.63	Hồ Chí Minh
415	51L-705.89	Hồ Chí Minh	1415	51L-580.86	Hồ Chí Minh	2415	51L-536.69	Hồ Chí Minh
416	51L-709.79	Hồ Chí Minh	1416	51L-581.88	Hồ Chí Minh	2416	51L-537.77	Hồ Chí Minh
417	51L-710.39	Hồ Chí Minh	1417	51L-583.69	Hồ Chí Minh	2417	51L-538.66	Hồ Chí Minh
418	51L-711.33	Hồ Chí Minh	1418	51L-590.88	Hồ Chí Minh	2418	51L-541.41	Hồ Chí Minh
419	51L-712.21	Hồ Chí Minh	1419	51L-594.44	Hồ Chí Minh	2419	51L-545.39	Hồ Chí Minh
420	51L-715.77	Hồ Chí Minh	1420	51L-597.88	Hồ Chí Minh	2420	51L-549.66	Hồ Chí Minh
421	51L-719.71	Hồ Chí Minh	1421	51L-599.44	Hồ Chí Minh	2421	51L-572.69	Hồ Chí Minh
422	51L-719.97	Hồ Chí Minh	1422	51L-603.89	Hồ Chí Minh	2422	51L-572.79	Hồ Chí Minh
423	51L-721.89	Hồ Chí Minh	1423	51L-605.89	Hồ Chí Minh	2423	51L-578.89	Hồ Chí Minh
424	51L-727.72	Hồ Chí Minh	1424	51L-613.39	Hồ Chí Minh	2424	51L-582.69	Hồ Chí Minh
425	51L-729.39	Hồ Chí Minh	1425	51L-617.69	Hồ Chí Minh	2425	51L-589.39	Hồ Chí Minh
426	51L-732.89	Hồ Chí Minh	1426	51L-620.22	Hồ Chí Minh	2426	51L-594.99	Hồ Chí Minh
427	51L-735.66	Hồ Chí Minh	1427	51L-633.98	Hồ Chí Minh	2427	51L-607.66	Hồ Chí Minh
428	51L-735.68	Hồ Chí Minh	1428	51L-638.69	Hồ Chí Minh	2428	51L-617.77	Hồ Chí Minh
429	51L-736.99	Hồ Chí Minh	1429	51L-639.69	Hồ Chí Minh	2429	51L-617.89	Hồ Chí Minh
430	51L-737.36	Hồ Chí Minh	1430	51L-639.98	Hồ Chí Minh	2430	51L-618.28	Hồ Chí Minh
431	51L-743.39	Hồ Chí Minh	1431	51L-643.43	Hồ Chí Minh	2431	51L-619.36	Hồ Chí Minh
432	51L-744.68	Hồ Chí Minh	1432	51L-645.25	Hồ Chí Minh	2432	51L-619.95	Hồ Chí Minh
433	51L-756.19	Hồ Chí Minh	1433	51L-646.56	Hồ Chí Minh	2433	51L-621.26	Hồ Chí Minh
434	51L-756.39	Hồ Chí Minh	1434	51L-650.08	Hồ Chí Minh	2434	51L-621.89	Hồ Chí Minh
435	51L-756.86	Hồ Chí Minh	1435	51L-654.88	Hồ Chí Minh	2435	51L-622.79	Hồ Chí Minh
436	51L-757.15	Hồ Chí Minh	1436	51L-661.59	Hồ Chí Minh	2436	51L-625.68	Hồ Chí Minh
437	51L-757.68	Hồ Chí Minh	1437	51L-662.95	Hồ Chí Minh	2437	51L-635.79	Hồ Chí Minh
438	51L-758.85	Hồ Chí Minh	1438	51L-663.95	Hồ Chí Minh	2438	51L-636.95	Hồ Chí Minh
439	51L-761.56	Hồ Chí Minh	1439	51L-669.56	Hồ Chí Minh	2439	51L-637.29	Hồ Chí Minh
440	51L-767.96	Hồ Chí Minh	1440	51L-671.69	Hồ Chí Minh	2440	51L-637.37	Hồ Chí Minh
441	51L-773.99	Hồ Chí Minh	1441	51L-672.86	Hồ Chí Minh	2441	51L-638.16	Hồ Chí Minh
442	51L-774.75	Hồ Chí Minh	1442	51L-674.99	Hồ Chí Minh	2442	51L-640.04	Hồ Chí Minh
443	51L-775.68	Hồ Chí Minh	1443	51L-694.88	Hồ Chí Minh	2443	51L-642.69	Hồ Chí Minh
444	51L-778.68	Hồ Chí Minh	1444	51L-701.99	Hồ Chí Minh	2444	51L-654.69	Hồ Chí Minh
445	51L-779.93	Hồ Chí Minh	1445	51L-703.88	Hồ Chí Minh	2445	51L-660.06	Hồ Chí Minh
446	51L-781.16	Hồ Chí Minh	1446	51L-706.69	Hồ Chí Minh	2446	51L-660.69	Hồ Chí Minh
447	51L-781.78	Hồ Chí Minh	1447	51L-707.06	Hồ Chí Minh	2447	51L-666.72	Hồ Chí Minh
448	51L-782.86	Hồ Chí Minh	1448	51L-707.79	Hồ Chí Minh	2448	51L-668.81	Hồ Chí Minh
449	51L-783.35	Hồ Chí Minh	1449	51L-714.66	Hồ Chí Minh	2449	51L-670.67	Hồ Chí Minh
450	51L-783.66	Hồ Chí Minh	1450	51L-714.71	Hồ Chí Minh	2450	51L-673.29	Hồ Chí Minh
451	51L-789.82	Hồ Chí Minh	1451	51L-720.69	Hồ Chí Minh	2451	51L-673.35	Hồ Chí Minh
452	51L-793.97	Hồ Chí Minh	1452	51L-722.39	Hồ Chí Minh	2452	51L-678.33	Hồ Chí Minh
453	51L-795.59	Hồ Chí Minh	1453	51L-724.27	Hồ Chí Minh	2453	51L-681.11	Hồ Chí Minh
454	51L-797.18	Hồ Chí Minh	1454	51L-724.89	Hồ Chí Minh	2454	51L-684.16	Hồ Chí Minh
455	51L-800.44	Hồ Chí Minh	1455	51L-726.69	Hồ Chí Minh	2455	51L-688.14	Hồ Chí Minh
456	51L-803.66	Hồ Chí Minh	1456	51L-728.29	Hồ Chí Minh	2456	51L-689.96	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	51L-805.88	Hồ Chí Minh	1457	51L-734.73	Hồ Chí Minh	2457	51L-696.90	Hồ Chí Minh
458	51L-806.89	Hồ Chí Minh	1458	51L-746.99	Hồ Chí Minh	2458	51L-696.92	Hồ Chí Minh
459	51L-818.25	Hồ Chí Minh	1459	51L-753.39	Hồ Chí Minh	2459	51L-697.26	Hồ Chí Minh
460	51L-823.68	Hồ Chí Minh	1460	51L-753.53	Hồ Chí Minh	2460	51L-706.07	Hồ Chí Minh
461	51L-825.26	Hồ Chí Minh	1461	51L-759.89	Hồ Chí Minh	2461	51L-706.79	Hồ Chí Minh
462	51L-827.72	Hồ Chí Minh	1462	51L-760.00	Hồ Chí Minh	2462	51L-706.88	Hồ Chí Minh
463	51L-829.28	Hồ Chí Minh	1463	51L-761.79	Hồ Chí Minh	2463	51L-706.98	Hồ Chí Minh
464	51L-830.16	Hồ Chí Minh	1464	51L-762.89	Hồ Chí Minh	2464	51L-707.18	Hồ Chí Minh
465	51L-831.39	Hồ Chí Minh	1465	51L-768.18	Hồ Chí Minh	2465	51L-710.17	Hồ Chí Minh
466	51L-833.77	Hồ Chí Minh	1466	51L-771.11	Hồ Chí Minh	2466	51L-710.88	Hồ Chí Minh
467	51L-841.11	Hồ Chí Minh	1467	51L-774.74	Hồ Chí Minh	2467	51L-715.55	Hồ Chí Minh
468	51L-844.68	Hồ Chí Minh	1468	51L-776.67	Hồ Chí Minh	2468	51L-718.44	Hồ Chí Minh
469	51L-845.66	Hồ Chí Minh	1469	51L-782.69	Hồ Chí Minh	2469	51L-726.00	Hồ Chí Minh
470	51L-849.89	Hồ Chí Minh	1470	51L-790.91	Hồ Chí Minh	2470	51L-732.88	Hồ Chí Minh
471	51L-850.38	Hồ Chí Minh	1471	51L-795.16	Hồ Chí Minh	2471	51L-738.99	Hồ Chí Minh
472	51L-851.19	Hồ Chí Minh	1472	51L-797.55	Hồ Chí Minh	2472	51L-753.86	Hồ Chí Minh
473	51L-851.88	Hồ Chí Minh	1473	51L-802.09	Hồ Chí Minh	2473	51L-754.79	Hồ Chí Minh
474	51L-863.39	Hồ Chí Minh	1474	51L-806.98	Hồ Chí Minh	2474	51L-758.86	Hồ Chí Minh
475	51L-872.88	Hồ Chí Minh	1475	51L-809.89	Hồ Chí Minh	2475	51L-763.09	Hồ Chí Minh
476	51L-873.79	Hồ Chí Minh	1476	51L-810.19	Hồ Chí Minh	2476	51L-764.65	Hồ Chí Minh
477	51L-875.68	Hồ Chí Minh	1477	51L-812.22	Hồ Chí Minh	2477	51L-765.39	Hồ Chí Minh
478	51L-876.65	Hồ Chí Minh	1478	51L-815.51	Hồ Chí Minh	2478	51L-766.00	Hồ Chí Minh
479	51L-877.86	Hồ Chí Minh	1479	51L-815.79	Hồ Chí Minh	2479	51L-781.26	Hồ Chí Minh
480	51L-886.53	Hồ Chí Minh	1480	51L-817.18	Hồ Chí Minh	2480	51L-781.35	Hồ Chí Minh
481	51L-886.83	Hồ Chí Minh	1481	51L-818.35	Hồ Chí Minh	2481	51L-782.89	Hồ Chí Minh
482	51L-887.86	Hồ Chí Minh	1482	51L-830.99	Hồ Chí Minh	2482	51L-789.06	Hồ Chí Minh
483	51L-891.69	Hồ Chí Minh	1483	51L-831.16	Hồ Chí Minh	2483	51L-789.71	Hồ Chí Minh
484	51L-893.86	Hồ Chí Minh	1484	51L-831.68	Hồ Chí Minh	2484	51L-790.00	Hồ Chí Minh
485	51L-894.49	Hồ Chí Minh	1485	51L-832.99	Hồ Chí Minh	2485	51L-792.83	Hồ Chí Minh
486	11A-113.39	Cao Bằng	1486	51L-833.59	Hồ Chí Minh	2486	51L-794.88	Hồ Chí Minh
487	11A-115.39	Cao Bằng	1487	51L-842.44	Hồ Chí Minh	2487	51L-799.22	Hồ Chí Minh
488	11A-123.23	Cao Bằng	1488	51L-844.99	Hồ Chí Minh	2488	51L-803.58	Hồ Chí Minh
489	12A-225.89	Lạng Sơn	1489	51L-846.08	Hồ Chí Minh	2489	51L-803.69	Hồ Chí Minh
490	12A-229.66	Lạng Sơn	1490	51L-846.79	Hồ Chí Minh	2490	51L-805.06	Hồ Chí Minh
491	12A-229.69	Lạng Sơn	1491	51L-852.39	Hồ Chí Minh	2491	51L-806.26	Hồ Chí Minh
492	12A-254.45	Lạng Sơn	1492	51L-855.79	Hồ Chí Minh	2492	51L-810.29	Hồ Chí Minh
493	14A-837.79	Quảng Ninh	1493	51L-856.79	Hồ Chí Minh	2493	51L-819.77	Hồ Chí Minh
494	14A-924.86	Quảng Ninh	1494	51L-862.63	Hồ Chí Minh	2494	51L-820.19	Hồ Chí Minh
495	14A-953.99	Quảng Ninh	1495	51L-862.79	Hồ Chí Minh	2495	51L-820.79	Hồ Chí Minh
496	14A-964.44	Quảng Ninh	1496	51L-863.79	Hồ Chí Minh	2496	51L-821.79	Hồ Chí Minh
497	14B-051.86	Quảng Ninh	1497	51L-875.06	Hồ Chí Minh	2497	51L-827.89	Hồ Chí Minh
498	14C-395.59	Quảng Ninh	1498	51L-875.87	Hồ Chí Minh	2498	51L-831.38	Hồ Chí Minh
499	15K-215.86	Hải Phòng	1499	51L-876.87	Hồ Chí Minh	2499	51L-832.38	Hồ Chí Minh
500	15K-231.88	Hải Phòng	1500	51L-885.56	Hồ Chí Minh	2500	51L-833.00	Hồ Chí Minh
501	15K-243.86	Hải Phòng	1501	51L-886.30	Hồ Chí Minh	2501	51L-837.09	Hồ Chí Minh
502	15K-287.39	Hải Phòng	1502	51L-888.67	Hồ Chí Minh	2502	51L-837.29	Hồ Chí Minh
503	15K-300.01	Hải Phòng	1503	51L-890.68	Hồ Chí Minh	2503	51L-842.24	Hồ Chí Minh
504	15K-321.66	Hải Phòng	1504	51L-892.56	Hồ Chí Minh	2504	51L-842.36	Hồ Chí Minh
505	15K-334.39	Hải Phòng	1505	51L-895.86	Hồ Chí Minh	2505	51L-843.36	Hồ Chí Minh
506	15K-342.34	Hải Phòng	1506	11A-120.69	Cao Bằng	2506	51L-844.25	Hồ Chí Minh
507	15K-356.35	Hải Phòng	1507	11A-122.55	Cao Bằng	2507	51L-844.89	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	15K-373.89	Hải Phòng	1508	11A-132.23	Cao Bằng	2508	51L-846.86	Hồ Chí Minh
509	15K-390.86	Hải Phòng	1509	12A-245.45	Lạng Sơn	2509	51L-850.05	Hồ Chí Minh
510	15K-405.39	Hải Phòng	1510	14A-913.88	Quảng Ninh	2510	51L-851.68	Hồ Chí Minh
511	15K-405.40	Hải Phòng	1511	14A-934.93	Quảng Ninh	2511	51L-858.79	Hồ Chí Minh
512	15K-410.89	Hải Phòng	1512	14A-972.97	Quảng Ninh	2512	51L-862.26	Hồ Chí Minh
513	15K-422.11	Hải Phòng	1513	15K-209.86	Hải Phòng	2513	51L-864.46	Hồ Chí Minh
514	17A-418.66	Thái Bình	1514	15K-213.86	Hải Phòng	2514	51L-864.86	Hồ Chí Minh
515	17A-432.39	Thái Bình	1515	15K-247.79	Hải Phòng	2515	51L-864.99	Hồ Chí Minh
516	17A-432.88	Thái Bình	1516	15K-272.79	Hải Phòng	2516	51L-866.25	Hồ Chí Minh
517	17A-437.66	Thái Bình	1517	15K-297.88	Hải Phòng	2517	51L-874.89	Hồ Chí Minh
518	17A-448.99	Thái Bình	1518	15K-307.07	Hải Phòng	2518	51L-877.55	Hồ Chí Minh
519	17A-452.69	Thái Bình	1519	15K-311.44	Hải Phòng	2519	51L-880.80	Hồ Chí Minh
520	17A-462.69	Thái Bình	1520	15K-324.39	Hải Phòng	2520	51L-884.86	Hồ Chí Minh
521	18A-411.39	Nam Định	1521	15K-327.88	Hải Phòng	2521	51L-889.19	Hồ Chí Minh
522	18A-426.62	Nam Định	1522	15K-327.99	Hải Phòng	2522	51L-894.35	Hồ Chí Minh
523	18A-437.99	Nam Định	1523	15K-348.86	Hải Phòng	2523	11A-115.99	Cao Bằng
524	18A-444.88	Nam Định	1524	15K-369.36	Hải Phòng	2524	11A-117.68	Cao Bằng
525	18A-455.66	Nam Định	1525	15K-369.63	Hải Phòng	2525	11A-126.62	Cao Bằng
526	18A-457.77	Nam Định	1526	15K-395.96	Hải Phòng	2526	12A-222.48	Lạng Sơn
527	19A-589.86	Phú Thọ	1527	15K-406.89	Hải Phòng	2527	12A-243.68	Lạng Sơn
528	19A-590.89	Phú Thọ	1528	15K-421.99	Hải Phòng	2528	12A-249.39	Lạng Sơn
529	19A-607.39	Phú Thọ	1529	17A-400.22	Thái Bình	2529	12A-261.11	Lạng Sơn
530	19A-612.79	Phú Thọ	1530	17A-417.99	Thái Bình	2530	14A-841.86	Quảng Ninh
531	19A-615.39	Phú Thọ	1531	17A-427.66	Thái Bình	2531	14A-864.89	Quảng Ninh
532	19A-637.86	Phú Thọ	1532	17A-437.79	Thái Bình	2532	14A-871.11	Quảng Ninh
533	19A-644.69	Phú Thọ	1533	17A-444.99	Thái Bình	2533	14A-872.89	Quảng Ninh
534	19A-651.68	Phú Thọ	1534	17A-464.44	Thái Bình	2534	14A-902.02	Quảng Ninh
535	19A-655.79	Phú Thọ	1535	17A-467.66	Thái Bình	2535	14A-950.69	Quảng Ninh
536	19A-657.75	Phú Thọ	1536	17A-467.76	Thái Bình	2536	14A-953.33	Quảng Ninh
537	19A-658.89	Phú Thọ	1537	17A-467.77	Thái Bình	2537	14A-970.89	Quảng Ninh
538	19A-663.39	Phú Thọ	1538	17A-467.88	Thái Bình	2538	15K-206.39	Hải Phòng
539	19A-681.39	Phú Thọ	1539	17A-472.99	Thái Bình	2539	15K-222.78	Hải Phòng
540	20A-707.39	Thái Nguyên	1540	17A-475.79	Thái Bình	2540	15K-231.99	Hải Phòng
541	20A-708.86	Thái Nguyên	1541	18A-409.89	Nam Định	2541	15K-302.79	Hải Phòng
542	20A-712.66	Thái Nguyên	1542	18A-423.99	Nam Định	2542	15K-307.69	Hải Phòng
543	20A-729.29	Thái Nguyên	1543	18A-425.52	Nam Định	2543	15K-332.23	Hải Phòng
544	20A-748.99	Thái Nguyên	1544	18A-431.66	Nam Định	2544	15K-342.68	Hải Phòng
545	20A-755.69	Thái Nguyên	1545	18A-438.89	Nam Định	2545	15K-407.08	Hải Phòng
546	20A-755.79	Thái Nguyên	1546	18A-447.39	Nam Định	2546	17A-415.79	Thái Bình
547	20A-755.89	Thái Nguyên	1547	18A-452.88	Nam Định	2547	17A-416.86	Thái Bình
548	20A-772.69	Thái Nguyên	1548	19A-578.66	Phú Thọ	2548	17A-445.68	Thái Bình
549	20A-796.69	Thái Nguyên	1549	19A-608.89	Phú Thọ	2549	17A-448.86	Thái Bình
550	20A-800.11	Thái Nguyên	1550	19A-620.79	Phú Thọ	2550	17A-449.79	Thái Bình
551	20A-817.81	Thái Nguyên	1551	19A-649.99	Phú Thọ	2551	17A-466.00	Thái Bình
552	20A-819.73	Thái Nguyên	1552	19A-655.89	Phú Thọ	2552	17A-474.47	Thái Bình
553	20A-821.89	Thái Nguyên	1553	19A-657.69	Phú Thọ	2553	17A-479.66	Thái Bình
554	20A-833.00	Thái Nguyên	1554	19A-661.61	Phú Thọ	2554	18A-411.33	Nam Định
555	20A-840.04	Thái Nguyên	1555	19A-710.79	Phú Thọ	2555	18A-434.89	Nam Định
556	20A-842.86	Thái Nguyên	1556	19B-027.66	Phú Thọ	2556	18A-444.19	Nam Định
557	20C-298.86	Thái Nguyên	1557	20A-747.74	Thái Nguyên	2557	18A-447.77	Nam Định
558	20C-305.89	Thái Nguyên	1558	20A-752.39	Thái Nguyên	2558	18A-452.69	Nam Định

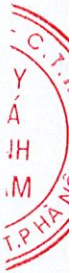
Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	21A-183.66	Yên Bái	1559	20A-761.88	Thái Nguyên	2559	18A-467.68	Nam Định
560	21A-184.99	Yên Bái	1560	20A-768.39	Thái Nguyên	2560	18A-469.89	Nam Định
561	21A-186.69	Yên Bái	1561	20A-785.79	Thái Nguyên	2561	18C-167.66	Nam Định
562	21A-192.29	Yên Bái	1562	20A-796.68	Thái Nguyên	2562	19A-588.79	Phú Thọ
563	21A-217.71	Yên Bái	1563	20A-811.44	Thái Nguyên	2563	19A-594.79	Phú Thọ
564	22A-212.79	Tuyên Quang	1564	20A-811.69	Thái Nguyên	2564	19A-601.39	Phú Thọ
565	22A-243.89	Tuyên Quang	1565	20A-817.69	Thái Nguyên	2565	19A-604.44	Phú Thọ
566	22A-261.99	Tuyên Quang	1566	20A-822.23	Thái Nguyên	2566	19A-614.88	Phú Thọ
567	22B-013.13	Tuyên Quang	1567	20B-033.69	Thái Nguyên	2567	19A-623.69	Phú Thọ
568	23A-154.44	Hà Giang	1568	20C-307.07	Thái Nguyên	2568	19A-647.39	Phú Thọ
569	23A-154.79	Hà Giang	1569	21A-182.88	Yên Bái	2569	19A-649.89	Phú Thọ
570	23C-088.22	Hà Giang	1570	21A-191.66	Yên Bái	2570	19A-672.69	Phú Thọ
571	23C-089.69	Hà Giang	1571	21A-200.02	Yên Bái	2571	19A-681.69	Phú Thọ
572	24A-257.77	Lào Cai	1572	21A-200.22	Yên Bái	2572	19A-691.91	Phú Thọ
573	24A-272.72	Lào Cai	1573	22A-218.99	Tuyên Quang	2573	19A-696.39	Phú Thọ
574	24A-274.89	Lào Cai	1574	22A-242.22	Tuyên Quang	2574	19C-249.99	Phú Thọ
575	24A-278.89	Lào Cai	1575	22A-242.99	Tuyên Quang	2575	19C-251.68	Phú Thọ
576	24B-017.69	Lào Cai	1576	22A-251.66	Tuyên Quang	2576	19C-252.88	Phú Thọ
577	24B-018.88	Lào Cai	1577	22A-256.89	Tuyên Quang	2577	19C-259.95	Phú Thọ
578	25A-083.89	Lai Châu	1578	22A-257.68	Tuyên Quang	2578	19C-262.69	Phú Thọ
579	25C-057.99	Lai Châu	1579	23A-141.86	Hà Giang	2579	20A-738.89	Thái Nguyên
580	26A-197.77	Sơn La	1580	23A-142.22	Hà Giang	2580	20A-750.68	Thái Nguyên
581	26C-161.16	Sơn La	1581	23A-142.39	Hà Giang	2581	20A-751.99	Thái Nguyên
582	27A-111.12	Điện Biên	1582	23A-144.33	Hà Giang	2582	20A-759.39	Thái Nguyên
583	27A-111.14	Điện Biên	1583	23A-146.79	Hà Giang	2583	20A-785.58	Thái Nguyên
584	27A-113.89	Điện Biên	1584	23A-151.66	Hà Giang	2584	20A-815.89	Thái Nguyên
585	27A-119.66	Điện Biên	1585	24A-259.88	Lào Cai	2585	20A-825.66	Thái Nguyên
586	27A-125.88	Điện Biên	1586	24A-271.68	Lào Cai	2586	20A-844.48	Thái Nguyên
587	28A-229.86	Hòa Bình	1587	24A-287.99	Lào Cai	2587	20D-029.69	Thái Nguyên
588	28A-246.46	Hòa Bình	1588	24A-294.88	Lào Cai	2588	21A-194.99	Yên Bái
589	29D-605.86	Hà Nội	1589	24A-304.88	Lào Cai	2589	21A-211.39	Yên Bái
590	29K-222.21	Hà Nội	1590	24B-018.66	Lào Cai	2590	21B-012.79	Yên Bái
591	29K-223.86	Hà Nội	1591	24C-163.99	Lào Cai	2591	22A-232.23	Tuyên Quang
592	29K-231.00	Hà Nội	1592	25A-072.39	Lai Châu	2592	22A-244.22	Tuyên Quang
593	29K-231.13	Hà Nội	1593	25A-075.89	Lai Châu	2593	22A-253.99	Tuyên Quang
594	29K-235.55	Hà Nội	1594	25A-076.39	Lai Châu	2594	23A-146.39	Hà Giang
595	29K-241.79	Hà Nội	1595	25A-077.44	Lai Châu	2595	23A-151.68	Hà Giang
596	29K-242.29	Hà Nội	1596	25C-057.69	Lai Châu	2596	23C-088.69	Hà Giang
597	29K-256.55	Hà Nội	1597	26A-196.79	Sơn La	2597	24A-273.88	Lào Cai
598	29K-257.75	Hà Nội	1598	26A-212.89	Sơn La	2598	24A-273.99	Lào Cai
599	29K-260.60	Hà Nội	1599	26A-220.20	Sơn La	2599	24A-276.79	Lào Cai
600	29K-261.16	Hà Nội	1600	26A-234.66	Sơn La	2600	24A-287.68	Lào Cai
601	29K-269.66	Hà Nội	1601	26C-158.39	Sơn La	2601	24C-158.69	Lào Cai
602	29K-279.25	Hà Nội	1602	26C-159.89	Sơn La	2602	25A-070.00	Lai Châu
603	29K-288.00	Hà Nội	1603	27A-111.28	Điện Biên	2603	25A-078.39	Lai Châu
604	29K-288.69	Hà Nội	1604	27A-111.89	Điện Biên	2604	25C-059.39	Lai Châu
605	29K-292.93	Hà Nội	1605	28A-218.79	Hòa Bình	2605	26A-201.88	Sơn La
606	29K-299.00	Hà Nội	1606	28A-242.79	Hòa Bình	2606	26A-212.79	Sơn La
607	29K-304.77	Hà Nội	1607	28A-244.99	Hòa Bình	2607	26A-233.23	Sơn La
608	29K-305.38	Hà Nội	1608	28A-251.39	Hòa Bình	2608	27A-126.26	Điện Biên
609	29K-305.89	Hà Nội	1609	29K-222.86	Hà Nội	2609	28A-220.88	Hòa Bình

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	29K-310.13	Hà Nội	1610	29K-222.95	Hà Nội	2610	28A-224.89	Hòa Bình
611	29K-314.41	Hà Nội	1611	29K-225.86	Hà Nội	2611	28A-232.22	Hòa Bình
612	29K-314.79	Hà Nội	1612	29K-238.58	Hà Nội	2612	28A-246.66	Hòa Bình
613	29K-317.96	Hà Nội	1613	29K-241.33	Hà Nội	2613	28A-248.39	Hòa Bình
614	29K-321.58	Hà Nội	1614	29K-241.42	Hà Nội	2614	28B-016.69	Hòa Bình
615	34A-751.69	Hải Dương	1615	29K-261.59	Hà Nội	2615	29D-607.99	Hà Nội
616	34A-757.39	Hải Dương	1616	29K-278.68	Hà Nội	2616	29D-609.79	Hà Nội
617	34A-806.86	Hải Dương	1617	29K-281.11	Hà Nội	2617	29D-612.66	Hà Nội
618	34A-816.39	Hải Dương	1618	29K-283.00	Hà Nội	2618	29K-221.15	Hà Nội
619	34A-817.66	Hải Dương	1619	29K-284.11	Hà Nội	2619	29K-222.37	Hà Nội
620	34A-821.68	Hải Dương	1620	29K-295.88	Hà Nội	2620	29K-224.42	Hà Nội
621	34A-852.39	Hải Dương	1621	29K-301.66	Hà Nội	2621	29K-227.33	Hà Nội
622	34A-855.11	Hải Dương	1622	29K-307.44	Hà Nội	2622	29K-228.66	Hà Nội
623	34A-860.88	Hải Dương	1623	29K-315.29	Hà Nội	2623	29K-236.00	Hà Nội
624	34A-873.78	Hải Dương	1624	29K-324.32	Hà Nội	2624	29K-254.79	Hà Nội
625	34A-873.79	Hải Dương	1625	34A-767.39	Hải Dương	2625	29K-261.11	Hà Nội
626	34A-875.79	Hải Dương	1626	34A-769.68	Hải Dương	2626	29K-266.89	Hà Nội
627	34A-880.08	Hải Dương	1627	34A-789.96	Hải Dương	2627	29K-268.99	Hà Nội
628	34A-884.99	Hải Dương	1628	34A-797.66	Hải Dương	2628	29K-269.79	Hà Nội
629	34A-888.35	Hải Dương	1629	34A-817.69	Hải Dương	2629	29K-272.33	Hà Nội
630	34A-897.98	Hải Dương	1630	34A-822.39	Hải Dương	2630	29K-278.89	Hà Nội
631	34A-901.68	Hải Dương	1631	34A-833.44	Hải Dương	2631	29K-281.68	Hà Nội
632	35A-391.86	Ninh Bình	1632	34A-834.68	Hải Dương	2632	29K-284.68	Hà Nội
633	35A-403.66	Ninh Bình	1633	34A-864.68	Hải Dương	2633	29K-284.98	Hà Nội
634	35A-441.69	Ninh Bình	1634	34A-896.39	Hải Dương	2634	29K-288.22	Hà Nội
635	35A-445.67	Ninh Bình	1635	34A-897.68	Hải Dương	2635	29K-293.83	Hà Nội
636	35A-452.68	Ninh Bình	1636	34D-036.68	Hải Dương	2636	29K-298.83	Hà Nội
637	35A-457.79	Ninh Bình	1637	35A-394.49	Ninh Bình	2637	29K-300.77	Hà Nội
638	35A-457.89	Ninh Bình	1638	35A-429.88	Ninh Bình	2638	29K-303.03	Hà Nội
639	35C-178.88	Ninh Bình	1639	35A-433.44	Ninh Bình	2639	29K-303.89	Hà Nội
640	36C-511.89	Thanh Hóa	1640	35A-433.55	Ninh Bình	2640	29K-308.44	Hà Nội
641	36C-515.88	Thanh Hóa	1641	35A-442.39	Ninh Bình	2641	29K-308.79	Hà Nội
642	36C-517.88	Thanh Hóa	1642	35A-442.68	Ninh Bình	2642	29K-309.58	Hà Nội
643	36C-519.19	Thanh Hóa	1643	35A-443.99	Ninh Bình	2643	29K-309.89	Hà Nội
644	36C-523.69	Thanh Hóa	1644	35A-450.50	Ninh Bình	2644	29K-311.66	Hà Nội
645	36C-525.86	Thanh Hóa	1645	36C-529.79	Thanh Hóa	2645	29K-316.55	Hà Nội
646	36C-527.27	Thanh Hóa	1646	36K-044.77	Thanh Hóa	2646	29K-323.08	Hà Nội
647	36D-025.79	Thanh Hóa	1647	36K-048.89	Thanh Hóa	2647	29K-324.33	Hà Nội
648	36K-033.86	Thanh Hóa	1648	36K-050.68	Thanh Hóa	2648	34A-742.89	Hải Dương
649	36K-092.69	Thanh Hóa	1649	36K-056.88	Thanh Hóa	2649	34A-769.39	Hải Dương
650	36K-112.22	Thanh Hóa	1650	36K-062.62	Thanh Hóa	2650	34A-783.68	Hải Dương
651	36K-121.89	Thanh Hóa	1651	36K-074.99	Thanh Hóa	2651	34A-809.09	Hải Dương
652	36K-151.15	Thanh Hóa	1652	36K-083.69	Thanh Hóa	2652	34A-812.39	Hải Dương
653	36K-164.89	Thanh Hóa	1653	36K-088.44	Thanh Hóa	2653	34A-817.99	Hải Dương
654	36K-165.61	Thanh Hóa	1654	36K-095.55	Thanh Hóa	2654	34A-831.86	Hải Dương
655	36K-166.77	Thanh Hóa	1655	36K-108.66	Thanh Hóa	2655	34A-840.68	Hải Dương
656	36K-193.86	Thanh Hóa	1656	36K-111.46	Thanh Hóa	2656	34A-843.39	Hải Dương
657	36K-200.02	Thanh Hóa	1657	36K-123.66	Thanh Hóa	2657	34A-844.89	Hải Dương
658	36K-202.02	Thanh Hóa	1658	36K-132.33	Thanh Hóa	2658	34A-870.79	Hải Dương
659	36K-213.68	Thanh Hóa	1659	36K-150.68	Thanh Hóa	2659	34A-884.39	Hải Dương
660	36K-226.27	Thanh Hóa	1660	36K-152.99	Thanh Hóa	2660	34D-036.39	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	37K-253.39	Nghệ An	1661	36K-159.39	Thanh Hóa	2661	35A-402.02	Ninh Bình
662	37K-266.39	Nghệ An	1662	36K-162.69	Thanh Hóa	2662	35A-402.86	Ninh Bình
663	37K-271.99	Nghệ An	1663	36K-186.18	Thanh Hóa	2663	35A-406.68	Ninh Bình
664	37K-280.00	Nghệ An	1664	36K-200.86	Thanh Hóa	2664	35A-427.86	Ninh Bình
665	37K-283.79	Nghệ An	1665	36K-203.99	Thanh Hóa	2665	35A-434.66	Ninh Bình
666	37K-287.68	Nghệ An	1666	36K-219.98	Thanh Hóa	2666	36C-513.68	Thanh Hóa
667	37K-288.00	Nghệ An	1667	36K-221.21	Thanh Hóa	2667	36C-527.89	Thanh Hóa
668	37K-304.99	Nghệ An	1668	36K-222.04	Thanh Hóa	2668	36K-016.39	Thanh Hóa
669	37K-317.79	Nghệ An	1669	37K-251.39	Nghệ An	2669	36K-051.15	Thanh Hóa
670	37K-323.69	Nghệ An	1670	37K-271.17	Nghệ An	2670	36K-067.88	Thanh Hóa
671	37K-324.66	Nghệ An	1671	37K-273.79	Nghệ An	2671	36K-079.66	Thanh Hóa
672	37K-364.68	Nghệ An	1672	37K-274.74	Nghệ An	2672	36K-095.68	Thanh Hóa
673	37K-376.99	Nghệ An	1673	37K-314.79	Nghệ An	2673	36K-096.79	Thanh Hóa
674	37K-396.79	Nghệ An	1674	37K-321.79	Nghệ An	2674	36K-109.66	Thanh Hóa
675	37K-408.89	Nghệ An	1675	37K-328.82	Nghệ An	2675	36K-126.69	Thanh Hóa
676	37K-421.88	Nghệ An	1676	37K-344.66	Nghệ An	2676	36K-146.41	Thanh Hóa
677	37K-424.86	Nghệ An	1677	37K-361.61	Nghệ An	2677	36K-188.77	Thanh Hóa
678	37K-426.66	Nghệ An	1678	37K-384.86	Nghệ An	2678	36K-192.88	Thanh Hóa
679	37K-430.00	Nghệ An	1679	37K-415.14	Nghệ An	2679	36K-204.68	Thanh Hóa
680	37K-436.37	Nghệ An	1680	37K-420.39	Nghệ An	2680	36K-207.02	Thanh Hóa
681	37K-447.47	Nghệ An	1681	37K-432.32	Nghệ An	2681	36K-215.68	Thanh Hóa
682	38A-571.79	Hà Tĩnh	1682	37K-433.68	Nghệ An	2682	36K-217.86	Thanh Hóa
683	38A-583.69	Hà Tĩnh	1683	37K-481.11	Nghệ An	2683	36K-218.39	Thanh Hóa
684	38A-608.69	Hà Tĩnh	1684	38A-564.68	Hà Tĩnh	2684	36K-222.01	Thanh Hóa
685	38A-643.99	Hà Tĩnh	1685	38A-593.86	Hà Tĩnh	2685	37C-552.39	Nghệ An
686	38A-645.69	Hà Tĩnh	1686	38A-605.79	Hà Tĩnh	2686	37C-552.66	Nghệ An
687	38A-666.04	Hà Tĩnh	1687	38A-631.13	Hà Tĩnh	2687	37C-552.99	Nghệ An
688	43A-819.86	Đà Nẵng	1688	38A-632.69	Hà Tĩnh	2688	37C-563.33	Nghệ An
689	43A-837.68	Đà Nẵng	1689	38A-649.79	Hà Tĩnh	2689	37K-274.88	Nghệ An
690	43A-841.79	Đà Nẵng	1690	38A-674.68	Hà Tĩnh	2690	37K-304.44	Nghệ An
691	43A-848.99	Đà Nẵng	1691	38B-019.68	Hà Tĩnh	2691	37K-304.88	Nghệ An
692	43A-856.68	Đà Nẵng	1692	38C-229.68	Hà Tĩnh	2692	37K-305.68	Nghệ An
693	43A-876.99	Đà Nẵng	1693	43A-815.15	Đà Nẵng	2693	37K-308.39	Nghệ An
694	43A-889.79	Đà Nẵng	1694	43A-825.69	Đà Nẵng	2694	37K-312.99	Nghệ An
695	43A-895.39	Đà Nẵng	1695	43A-831.89	Đà Nẵng	2695	37K-334.68	Nghệ An
696	43A-906.07	Đà Nẵng	1696	43A-839.83	Đà Nẵng	2696	37K-355.33	Nghệ An
697	43A-911.77	Đà Nẵng	1697	43A-840.66	Đà Nẵng	2697	37K-361.11	Nghệ An
698	43A-924.92	Đà Nẵng	1698	43A-861.89	Đà Nẵng	2698	37K-368.63	Nghệ An
699	43A-936.37	Đà Nẵng	1699	43A-863.63	Đà Nẵng	2699	37K-381.11	Nghệ An
700	43A-939.89	Đà Nẵng	1700	43A-871.68	Đà Nẵng	2700	37K-410.79	Nghệ An
701	43A-941.68	Đà Nẵng	1701	43A-887.86	Đà Nẵng	2701	37K-419.88	Nghệ An
702	43B-062.86	Đà Nẵng	1702	43A-890.79	Đà Nẵng	2702	37K-425.66	Nghệ An
703	43C-309.39	Đà Nẵng	1703	43A-895.88	Đà Nẵng	2703	37K-436.66	Nghệ An
704	43C-312.86	Đà Nẵng	1704	43A-906.60	Đà Nẵng	2704	37K-451.11	Nghệ An
705	47A-689.96	Đắk Lắk	1705	43A-911.86	Đà Nẵng	2705	37K-457.54	Nghệ An
706	47A-733.68	Đắk Lắk	1706	43A-917.68	Đà Nẵng	2706	37K-457.69	Nghệ An
707	47A-753.79	Đắk Lắk	1707	43A-925.29	Đà Nẵng	2707	37K-458.79	Nghệ An
708	47A-775.68	Đắk Lắk	1708	47A-673.86	Đắk Lắk	2708	37K-462.86	Nghệ An
709	47A-777.29	Đắk Lắk	1709	47A-692.68	Đắk Lắk	2709	37K-478.69	Nghệ An
710	47A-777.33	Đắk Lắk	1710	47A-699.86	Đắk Lắk	2710	38A-575.39	Hà Tĩnh
711	47A-782.99	Đắk Lắk	1711	47A-728.79	Đắk Lắk	2711	38A-590.88	Hà Tĩnh

ĐI 4
ÔNG
ĐẤU C
ỚP D
IỆT N
XUÂN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
712	47A-801.10	Đắk Lắk	1712	47A-758.69	Đắk Lắk	2712	38A-592.79	Hà Tĩnh
713	47A-813.18	Đắk Lắk	1713	47A-776.39	Đắk Lắk	2713	38A-602.22	Hà Tĩnh
714	47C-392.88	Đắk Lắk	1714	48A-244.86	Đắk Nông	2714	38A-605.39	Hà Tĩnh
715	48A-214.88	Đắk Nông	1715	49A-628.86	Lâm Đồng	2715	38A-617.17	Hà Tĩnh
716	48A-238.66	Đắk Nông	1716	49A-711.71	Lâm Đồng	2716	38A-618.89	Hà Tĩnh
717	48B-012.89	Đắk Nông	1717	49A-713.13	Lâm Đồng	2717	38A-624.89	Hà Tĩnh
718	48C-109.89	Đắk Nông	1718	49A-723.69	Lâm Đồng	2718	38A-625.25	Hà Tĩnh
719	48C-111.27	Đắk Nông	1719	49A-726.79	Lâm Đồng	2719	38A-627.69	Hà Tĩnh
720	48C-111.56	Đắk Nông	1720	49C-380.08	Lâm Đồng	2720	43A-843.69	Đà Nẵng
721	49A-635.89	Lâm Đồng	1721	51B-515.68	Hồ Chí Minh	2721	43A-853.79	Đà Nẵng
722	49A-651.51	Lâm Đồng	1722	51D-837.37	Hồ Chí Minh	2722	43A-860.06	Đà Nẵng
723	49A-659.69	Lâm Đồng	1723	51D-872.89	Hồ Chí Minh	2723	43A-879.88	Đà Nẵng
724	49A-672.68	Lâm Đồng	1724	51E-325.68	Hồ Chí Minh	2724	43A-885.39	Đà Nẵng
725	49A-673.66	Lâm Đồng	1725	51E-328.86	Hồ Chí Minh	2725	43A-891.39	Đà Nẵng
726	49A-683.39	Lâm Đồng	1726	51M-014.99	Hồ Chí Minh	2726	43A-891.66	Đà Nẵng
727	49A-685.69	Lâm Đồng	1727	51M-019.86	Hồ Chí Minh	2727	43A-919.71	Đà Nẵng
728	49A-697.97	Lâm Đồng	1728	51M-023.83	Hồ Chí Minh	2728	43A-937.69	Đà Nẵng
729	49A-704.68	Lâm Đồng	1729	51M-028.88	Hồ Chí Minh	2729	47A-640.88	Đắk Lắk
730	49A-709.07	Lâm Đồng	1730	51M-032.89	Hồ Chí Minh	2730	47A-657.69	Đắk Lắk
731	49A-733.79	Lâm Đồng	1731	51M-037.66	Hồ Chí Minh	2731	47A-660.89	Đắk Lắk
732	49A-740.39	Lâm Đồng	1732	60C-752.52	Đồng Nai	2732	47A-684.44	Đắk Lắk
733	49C-368.89	Lâm Đồng	1733	60C-755.69	Đồng Nai	2733	47A-684.88	Đắk Lắk
734	49C-373.73	Lâm Đồng	1734	60K-444.68	Đồng Nai	2734	47A-690.99	Đắk Lắk
735	49C-373.89	Lâm Đồng	1735	60K-460.60	Đồng Nai	2735	47A-702.20	Đắk Lắk
736	49D-012.89	Lâm Đồng	1736	60K-469.89	Đồng Nai	2736	47A-720.89	Đắk Lắk
737	51D-825.88	Hồ Chí Minh	1737	60K-475.69	Đồng Nai	2737	47A-743.34	Đắk Lắk
738	51D-888.77	Hồ Chí Minh	1738	60K-486.99	Đồng Nai	2738	47A-744.69	Đắk Lắk
739	51D-892.22	Hồ Chí Minh	1739	60K-487.69	Đồng Nai	2739	47A-762.86	Đắk Lắk
740	51D-896.88	Hồ Chí Minh	1740	60K-490.89	Đồng Nai	2740	47A-764.76	Đắk Lắk
741	51E-326.79	Hồ Chí Minh	1741	60K-502.39	Đồng Nai	2741	47A-810.69	Đắk Lắk
742	51E-335.68	Hồ Chí Minh	1742	60K-508.80	Đồng Nai	2742	47C-387.88	Đắk Lắk
743	51M-011.66	Hồ Chí Minh	1743	60K-538.69	Đồng Nai	2743	47C-391.69	Đắk Lắk
744	51M-021.02	Hồ Chí Minh	1744	60K-556.65	Đồng Nai	2744	48A-214.44	Đắk Nông
745	51M-022.23	Hồ Chí Minh	1745	60K-562.56	Đồng Nai	2745	48A-227.39	Đắk Nông
746	51M-025.65	Hồ Chí Minh	1746	60K-564.44	Đồng Nai	2746	49A-654.79	Lâm Đồng
747	51M-030.79	Hồ Chí Minh	1747	60K-576.86	Đồng Nai	2747	49A-655.22	Lâm Đồng
748	51M-031.39	Hồ Chí Minh	1748	60K-577.86	Đồng Nai	2748	49A-691.19	Lâm Đồng
749	51M-031.55	Hồ Chí Minh	1749	60K-584.44	Đồng Nai	2749	49A-706.88	Lâm Đồng
750	51M-038.99	Hồ Chí Minh	1750	60K-600.39	Đồng Nai	2750	51D-829.86	Hồ Chí Minh
751	51M-041.86	Hồ Chí Minh	1751	60K-607.06	Đồng Nai	2751	51D-892.68	Hồ Chí Minh
752	51M-045.88	Hồ Chí Minh	1752	61K-309.88	Bình Dương	2752	51D-895.69	Hồ Chí Minh
753	51M-047.38	Hồ Chí Minh	1753	61K-341.66	Bình Dương	2753	51E-335.35	Hồ Chí Minh
754	51M-049.55	Hồ Chí Minh	1754	61K-352.52	Bình Dương	2754	51M-013.25	Hồ Chí Minh
755	51M-049.88	Hồ Chí Minh	1755	61K-352.89	Bình Dương	2755	51M-017.00	Hồ Chí Minh
756	60K-422.99	Đồng Nai	1756	61K-360.89	Bình Dương	2756	51M-018.86	Hồ Chí Minh
757	60K-432.39	Đồng Nai	1757	61K-366.11	Bình Dương	2757	51M-018.88	Hồ Chí Minh
758	60K-442.79	Đồng Nai	1758	61K-366.22	Bình Dương	2758	51M-050.50	Hồ Chí Minh
759	60K-447.88	Đồng Nai	1759	61K-372.22	Bình Dương	2759	60C-718.39	Đồng Nai
760	60K-451.88	Đồng Nai	1760	61K-420.86	Bình Dương	2760	60K-458.89	Đồng Nai
761	60K-459.66	Đồng Nai	1761	61K-423.33	Bình Dương	2761	60K-461.16	Đồng Nai
762	60K-462.26	Đồng Nai	1762	61K-425.69	Bình Dương	2762	60K-465.55	Đồng Nai



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	60K-491.11	Đồng Nai	1763	61K-433.39	Bình Dương	2763	60K-474.74	Đồng Nai
764	60K-502.88	Đồng Nai	1764	61K-441.14	Bình Dương	2764	60K-495.99	Đồng Nai
765	60K-507.79	Đồng Nai	1765	61K-442.68	Bình Dương	2765	60K-501.11	Đồng Nai
766	60K-510.39	Đồng Nai	1766	61K-452.54	Bình Dương	2766	60K-506.79	Đồng Nai
767	60K-524.99	Đồng Nai	1767	61K-473.69	Bình Dương	2767	60K-514.86	Đồng Nai
768	60K-555.17	Đồng Nai	1768	61K-483.89	Bình Dương	2768	60K-515.89	Đồng Nai
769	60K-555.29	Đồng Nai	1769	61K-492.89	Bình Dương	2769	60K-515.99	Đồng Nai
770	60K-561.79	Đồng Nai	1770	61K-504.79	Bình Dương	2770	60K-520.02	Đồng Nai
771	60K-579.11	Đồng Nai	1771	61K-510.69	Bình Dương	2771	60K-523.32	Đồng Nai
772	60K-607.79	Đồng Nai	1772	61K-514.39	Bình Dương	2772	60K-523.39	Đồng Nai
773	60K-609.39	Đồng Nai	1773	62A-463.79	Long An	2773	60K-535.36	Đồng Nai
774	61C-605.86	Bình Dương	1774	62A-386.69	Long An	2774	60K-539.93	Đồng Nai
775	61C-609.66	Bình Dương	1775	62A-401.01	Long An	2775	60K-542.24	Đồng Nai
776	61D-021.89	Bình Dương	1776	62A-406.79	Long An	2776	60K-555.04	Đồng Nai
777	61K-317.68	Bình Dương	1777	62A-409.39	Long An	2777	60K-555.25	Đồng Nai
778	61K-328.89	Bình Dương	1778	62A-411.00	Long An	2778	60K-571.71	Đồng Nai
779	61K-342.66	Bình Dương	1779	62A-455.11	Long An	2779	60K-581.85	Đồng Nai
780	61K-365.55	Bình Dương	1780	63A-271.39	Tiền Giang	2780	60K-594.39	Đồng Nai
781	61K-375.86	Bình Dương	1781	63A-275.68	Tiền Giang	2781	60K-607.99	Đồng Nai
782	61K-385.79	Bình Dương	1782	63A-278.66	Tiền Giang	2782	61C-598.69	Bình Dương
783	61K-397.88	Bình Dương	1783	63A-282.83	Tiền Giang	2783	61C-607.66	Bình Dương
784	61K-415.69	Bình Dương	1784	63A-284.89	Tiền Giang	2784	61K-315.39	Bình Dương
785	61K-428.39	Bình Dương	1785	63A-290.66	Tiền Giang	2785	61K-337.68	Bình Dương
786	61K-429.88	Bình Dương	1786	63A-319.70	Tiền Giang	2786	61K-346.66	Bình Dương
787	61K-431.66	Bình Dương	1787	63B-032.86	Tiền Giang	2787	61K-352.99	Bình Dương
788	61K-481.69	Bình Dương	1788	65A-418.69	Cần Thơ	2788	61K-354.39	Bình Dương
789	61K-500.01	Bình Dương	1789	65A-433.69	Cần Thơ	2789	61K-362.88	Bình Dương
790	61K-506.39	Bình Dương	1790	65A-437.39	Cần Thơ	2790	61K-374.89	Bình Dương
791	61K-509.68	Bình Dương	1791	65A-452.89	Cần Thơ	2791	61K-379.66	Bình Dương
792	61K-512.99	Bình Dương	1792	65A-495.66	Cần Thơ	2792	61K-406.60	Bình Dương
793	61K-513.13	Bình Dương	1793	65A-495.88	Cần Thơ	2793	61K-411.79	Bình Dương
794	61K-513.31	Bình Dương	1794	65A-497.99	Cần Thơ	2794	61K-416.86	Bình Dương
795	62A-382.86	Long An	1795	65A-504.68	Cần Thơ	2795	61K-423.79	Bình Dương
796	62A-393.89	Long An	1796	65A-512.13	Cần Thơ	2796	61K-423.99	Bình Dương
797	62A-394.44	Long An	1797	66A-244.66	Đồng Tháp	2797	61K-440.39	Bình Dương
798	62A-400.66	Long An	1798	66A-250.39	Đồng Tháp	2798	61K-453.45	Bình Dương
799	62A-406.68	Long An	1799	66A-254.79	Đồng Tháp	2799	61K-457.75	Bình Dương
800	62A-411.11	Long An	1800	66A-254.86	Đồng Tháp	2800	61K-473.47	Bình Dương
801	62A-411.69	Long An	1801	66B-021.79	Đồng Tháp	2801	61K-474.88	Bình Dương
802	62A-432.69	Long An	1802	67A-289.68	An Giang	2802	61K-480.79	Bình Dương
803	62A-446.89	Long An	1803	67A-327.88	An Giang	2803	61K-494.94	Bình Dương
804	62A-469.46	Long An	1804	67B-029.89	An Giang	2804	61K-503.88	Bình Dương
805	62C-211.68	Long An	1805	67C-188.86	An Giang	2805	61K-506.66	Bình Dương
806	63A-277.22	Tiền Giang	1806	68A-313.69	Kiên Giang	2806	62A-383.79	Long An
807	63A-280.80	Tiền Giang	1807	68A-316.86	Kiên Giang	2807	62A-437.73	Long An
808	63A-284.99	Tiền Giang	1808	68A-318.86	Kiên Giang	2808	62A-439.88	Long An
809	63A-285.28	Tiền Giang	1809	68A-320.66	Kiên Giang	2809	62A-444.00	Long An
810	63A-287.78	Tiền Giang	1810	68A-326.89	Kiên Giang	2810	62A-444.06	Long An
811	63A-289.96	Tiền Giang	1811	68A-327.86	Kiên Giang	2811	62A-444.15	Long An
812	63A-299.96	Tiền Giang	1812	68A-336.63	Kiên Giang	2812	62A-444.23	Long An
813	63A-310.88	Tiền Giang	1813	68A-340.69	Kiên Giang	2813	62A-445.55	Long An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	63A-311.13	Tiền Giang	1814	68A-354.79	Kiên Giang	2814	62A-452.68	Long An
815	63C-219.78	Tiền Giang	1815	68A-360.88	Kiên Giang	2815	62A-458.59	Long An
816	64A-184.89	Vĩnh Long	1816	69A-155.69	Cà Mau	2816	62A-459.45	Long An
817	64A-188.55	Vĩnh Long	1817	69A-159.69	Cà Mau	2817	62A-464.44	Long An
818	64A-200.88	Vĩnh Long	1818	69A-160.79	Cà Mau	2818	62A-469.68	Long An
819	64A-202.68	Vĩnh Long	1819	69B-012.89	Cà Mau	2819	62C-212.22	Long An
820	64C-123.41	Vĩnh Long	1820	70A-487.69	Tây Ninh	2820	63A-302.99	Tiền Giang
821	65A-434.99	Cần Thơ	1821	70A-500.86	Tây Ninh	2821	63A-305.50	Tiền Giang
822	65A-440.40	Cần Thơ	1822	70A-503.86	Tây Ninh	2822	63A-305.66	Tiền Giang
823	65A-446.46	Cần Thơ	1823	70A-515.89	Tây Ninh	2823	63A-307.68	Tiền Giang
824	65A-446.86	Cần Thơ	1824	70A-519.68	Tây Ninh	2824	63A-308.79	Tiền Giang
825	65A-452.69	Cần Thơ	1825	70A-520.88	Tây Ninh	2825	63A-314.66	Tiền Giang
826	65A-452.99	Cần Thơ	1826	70A-524.99	Tây Ninh	2826	63A-316.39	Tiền Giang
827	65A-457.89	Cần Thơ	1827	70A-548.68	Tây Ninh	2827	63A-322.88	Tiền Giang
828	65A-462.79	Cần Thơ	1828	70A-555.01	Tây Ninh	2828	63C-227.89	Tiền Giang
829	65A-480.88	Cần Thơ	1829	70A-562.26	Tây Ninh	2829	64A-178.69	Vĩnh Long
830	65A-485.58	Cần Thơ	1830	70A-562.66	Tây Ninh	2830	64B-015.86	Vĩnh Long
831	65A-497.69	Cần Thơ	1831	70A-573.75	Tây Ninh	2831	65A-409.86	Cần Thơ
832	65A-508.99	Cần Thơ	1832	70A-582.28	Tây Ninh	2832	65A-441.89	Cần Thơ
833	65C-232.23	Cần Thơ	1833	70C-211.33	Tây Ninh	2833	65A-451.11	Cần Thơ
834	65C-235.88	Cần Thơ	1834	70C-212.68	Tây Ninh	2834	65A-459.68	Cần Thơ
835	65C-237.88	Cần Thơ	1835	71A-198.79	Bến Tre	2835	65A-470.00	Cần Thơ
836	65C-246.86	Cần Thơ	1836	71A-199.33	Bến Tre	2836	65A-472.66	Cần Thơ
837	66A-251.51	Đồng Tháp	1837	71A-211.66	Bến Tre	2837	65A-489.86	Cần Thơ
838	66A-265.55	Đồng Tháp	1838	71A-212.13	Bến Tre	2838	65A-490.69	Cần Thơ
839	66A-281.81	Đồng Tháp	1839	71C-132.99	Bến Tre	2839	65A-493.79	Cần Thơ
840	66A-282.39	Đồng Tháp	1840	72A-753.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2840	65A-494.86	Cần Thơ
841	66A-283.66	Đồng Tháp	1841	72A-762.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2841	65A-499.39	Cần Thơ
842	66B-021.69	Đồng Tháp	1842	72A-784.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	2842	65A-500.33	Cần Thơ
843	67A-298.86	An Giang	1843	72A-784.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2843	65A-505.89	Cần Thơ
844	67A-310.01	An Giang	1844	72A-796.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2844	65A-506.07	Cần Thơ
845	67A-327.32	An Giang	1845	72A-799.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2845	65C-226.79	Cần Thơ
846	68A-314.99	Kiên Giang	1846	72A-799.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2846	66A-255.69	Đồng Tháp
847	68A-344.33	Kiên Giang	1847	72A-820.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2847	66A-259.39	Đồng Tháp
848	68A-351.99	Kiên Giang	1848	72A-829.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2848	66A-284.88	Đồng Tháp
849	69A-148.84	Cà Mau	1849	72C-239.93	Bà Rịa - Vũng Tàu	2849	66A-295.88	Đồng Tháp
850	69A-159.86	Cà Mau	1850	73A-333.67	Quảng Bình	2850	66B-022.68	Đồng Tháp
851	69A-165.86	Cà Mau	1851	73A-354.45	Quảng Bình	2851	67A-281.66	An Giang
852	70A-500.69	Tây Ninh	1852	73C-191.19	Quảng Bình	2852	67A-312.79	An Giang
853	70A-502.66	Tây Ninh	1853	74A-247.68	Quảng Trị	2853	68A-320.88	Kiên Giang
854	70A-509.68	Tây Ninh	1854	74A-251.89	Quảng Trị	2854	68A-354.99	Kiên Giang
855	70A-517.79	Tây Ninh	1855	74A-274.88	Quảng Trị	2855	68A-357.88	Kiên Giang
856	70A-520.39	Tây Ninh	1856	74C-135.89	Quảng Trị	2856	68A-360.66	Kiên Giang
857	70A-528.99	Tây Ninh	1857	75A-342.86	Thừa Thiên Huế	2857	69A-154.39	Cà Mau
858	70A-538.88	Tây Ninh	1858	75A-351.69	Thừa Thiên Huế	2858	69A-157.77	Cà Mau
859	70A-561.39	Tây Ninh	1859	75A-363.88	Thừa Thiên Huế	2859	69A-161.39	Cà Mau
860	70A-567.76	Tây Ninh	1860	75A-374.89	Thừa Thiên Huế	2860	69A-163.39	Cà Mau
861	70A-581.18	Tây Ninh	1861	75A-375.86	Thừa Thiên Huế	2861	70A-496.66	Tây Ninh
862	71A-194.86	Bến Tre	1862	75A-377.78	Thừa Thiên Huế	2862	70A-498.99	Tây Ninh
863	71B-021.89	Bến Tre	1863	75C-156.68	Thừa Thiên Huế	2863	70A-519.97	Tây Ninh
864	72A-780.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1864	76A-294.86	Quảng Ngãi	2864	70A-520.69	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	72A-785.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	1865	76A-306.68	Quảng Ngãi	2865	70A-524.68	Tây Ninh
866	72A-795.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1866	76A-312.21	Quảng Ngãi	2866	70A-532.68	Tây Ninh
867	72A-800.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1867	77A-296.68	Bình Định	2867	70A-551.79	Tây Ninh
868	72A-835.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1868	77A-302.89	Bình Định	2868	70A-576.67	Tây Ninh
869	72C-239.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1869	77A-309.79	Bình Định	2869	70A-576.99	Tây Ninh
870	73A-320.39	Quảng Bình	1870	77C-256.99	Bình Định	2870	70B-033.55	Tây Ninh
871	73A-322.69	Quảng Bình	1871	77D-005.55	Bình Định	2871	71A-182.88	Bến Tre
872	73A-361.62	Quảng Bình	1872	78A-184.88	Phú Yên	2872	71A-194.99	Bến Tre
873	73A-363.69	Quảng Bình	1873	78A-193.99	Phú Yên	2873	71A-204.39	Bến Tre
874	74A-253.86	Quảng Trị	1874	78A-196.88	Phú Yên	2874	71A-204.68	Bến Tre
875	74C-135.86	Quảng Trị	1875	78C-125.25	Phú Yên	2875	71A-212.21	Bến Tre
876	75A-357.75	Thừa Thiên Huế	1876	78C-125.39	Phú Yên	2876	72A-776.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
877	75A-374.86	Thừa Thiên Huế	1877	79A-501.79	Khánh Hòa	2877	72A-800.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
878	76A-293.89	Quảng Ngãi	1878	79A-503.88	Khánh Hòa	2878	72A-801.10	Bà Rịa - Vũng Tàu
879	76A-304.89	Quảng Ngãi	1879	79A-516.69	Khánh Hòa	2879	72A-808.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
880	76A-304.99	Quảng Ngãi	1880	79A-517.66	Khánh Hòa	2880	72A-817.17	Bà Rịa - Vũng Tàu
881	76A-307.77	Quảng Ngãi	1881	79A-519.86	Khánh Hòa	2881	72C-234.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
882	76D-011.68	Quảng Ngãi	1882	79A-528.99	Khánh Hòa	2882	73A-327.72	Quảng Bình
883	77A-299.86	Bình Định	1883	79A-534.34	Khánh Hòa	2883	75A-368.39	Thừa Thiên Huế
884	77A-301.89	Bình Định	1884	79A-556.99	Khánh Hòa	2884	75A-374.79	Thừa Thiên Huế
885	77A-302.79	Bình Định	1885	79A-559.86	Khánh Hòa	2885	75A-376.39	Thừa Thiên Huế
886	77A-305.89	Bình Định	1886	81A-391.68	Gia Lai	2886	75A-383.68	Thừa Thiên Huế
887	77A-319.91	Bình Định	1887	81A-427.66	Gia Lai	2887	76A-289.28	Quảng Ngãi
888	77A-321.99	Bình Định	1888	81A-430.00	Gia Lai	2888	76A-303.30	Quảng Ngãi
889	77A-334.44	Bình Định	1889	81A-431.66	Gia Lai	2889	77A-312.69	Bình Định
890	77A-336.39	Bình Định	1890	81A-433.99	Gia Lai	2890	77A-318.39	Bình Định
891	77A-345.69	Bình Định	1891	81A-441.44	Gia Lai	2891	77A-339.66	Bình Định
892	77A-351.88	Bình Định	1892	81A-444.28	Gia Lai	2892	78A-184.79	Phú Yên
893	78A-184.86	Phú Yên	1893	81C-281.88	Gia Lai	2893	78A-195.88	Phú Yên
894	78A-195.66	Phú Yên	1894	82A-129.29	Kon Tum	2894	78A-205.50	Phú Yên
895	78A-199.68	Phú Yên	1895	82A-146.68	Kon Tum	2895	79A-503.79	Khánh Hòa
896	78A-200.11	Phú Yên	1896	83A-176.89	Sóc Trăng	2896	79A-546.47	Khánh Hòa
897	78A-214.14	Phú Yên	1897	83A-177.66	Sóc Trăng	2897	79C-222.24	Khánh Hòa
898	78A-215.21	Phú Yên	1898	83A-191.11	Sóc Trăng	2898	81A-407.99	Gia Lai
899	79A-505.66	Khánh Hòa	1899	84A-126.68	Trà Vinh	2899	81A-429.86	Gia Lai
900	79A-509.88	Khánh Hòa	1900	84A-142.14	Trà Vinh	2900	81A-436.79	Gia Lai
901	79A-534.44	Khánh Hòa	1901	84A-146.69	Trà Vinh	2901	81A-438.99	Gia Lai
902	79A-562.79	Khánh Hòa	1902	84B-017.77	Trà Vinh	2902	81C-272.72	Gia Lai
903	81A-386.69	Gia Lai	1903	85A-125.79	Ninh Thuận	2903	81C-277.33	Gia Lai
904	81A-400.89	Gia Lai	1904	85A-125.89	Ninh Thuận	2904	81D-011.88	Gia Lai
905	81A-404.69	Gia Lai	1905	85A-137.77	Ninh Thuận	2905	81D-012.22	Gia Lai
906	81A-409.68	Gia Lai	1906	85B-012.39	Ninh Thuận	2906	82A-129.69	Kon Tum
907	81A-417.79	Gia Lai	1907	86A-303.69	Bình Thuận	2907	82A-129.89	Kon Tum
908	81A-418.81	Gia Lai	1908	86A-303.99	Bình Thuận	2908	82A-139.86	Kon Tum
909	81A-426.89	Gia Lai	1909	86A-304.04	Bình Thuận	2909	82A-151.69	Kon Tum
910	81A-429.66	Gia Lai	1910	88A-651.11	Vĩnh Phúc	2910	82A-153.99	Kon Tum
911	81A-438.38	Gia Lai	1911	88A-653.39	Vĩnh Phúc	2911	82A-156.68	Kon Tum
912	81A-438.79	Gia Lai	1912	88A-655.89	Vĩnh Phúc	2912	83A-189.96	Sóc Trăng
913	81A-441.41	Gia Lai	1913	88A-674.99	Vĩnh Phúc	2913	83C-129.99	Sóc Trăng
914	81C-277.89	Gia Lai	1914	88A-711.68	Vĩnh Phúc	2914	85A-145.45	Ninh Thuận
915	81C-278.78	Gia Lai	1915	88A-714.39	Vĩnh Phúc	2915	85A-145.66	Ninh Thuận

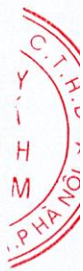
4
ĐNG
ẤU
JP D
ỆT I
YUAN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	82A-152.22	Kon Tum	1916	88A-732.39	Vĩnh Phúc	2916	85B-012.79	Ninh Thuận
917	83A-167.88	Sóc Trăng	1917	88A-733.68	Vĩnh Phúc	2917	86A-281.68	Bình Thuận
918	83A-180.79	Sóc Trăng	1918	88A-735.66	Vĩnh Phúc	2918	86A-299.00	Bình Thuận
919	83A-190.00	Sóc Trăng	1919	88A-762.39	Vĩnh Phúc	2919	86A-310.10	Bình Thuận
920	84A-121.99	Trà Vinh	1920	88C-299.94	Vĩnh Phúc	2920	86A-311.12	Bình Thuận
921	84A-136.86	Trà Vinh	1921	88C-305.88	Vĩnh Phúc	2921	88A-659.66	Vĩnh Phúc
922	84A-142.66	Trà Vinh	1922	89A-440.79	Hưng Yên	2922	88A-672.72	Vĩnh Phúc
923	85A-131.69	Ninh Thuận	1923	89A-443.66	Hưng Yên	2923	88A-702.02	Vĩnh Phúc
924	86A-294.79	Bình Thuận	1924	89A-444.79	Hưng Yên	2924	88A-724.39	Vĩnh Phúc
925	86A-296.39	Bình Thuận	1925	89A-448.66	Hưng Yên	2925	88A-731.13	Vĩnh Phúc
926	86A-304.88	Bình Thuận	1926	89A-484.48	Hưng Yên	2926	88A-738.68	Vĩnh Phúc
927	86A-308.99	Bình Thuận	1927	89A-493.93	Hưng Yên	2927	88A-775.68	Vĩnh Phúc
928	88A-652.79	Vĩnh Phúc	1928	89A-511.51	Hưng Yên	2928	88A-784.78	Vĩnh Phúc
929	88A-659.79	Vĩnh Phúc	1929	89A-517.99	Hưng Yên	2929	88C-302.69	Vĩnh Phúc
930	88A-660.89	Vĩnh Phúc	1930	89A-523.25	Hưng Yên	2930	89A-435.69	Hưng Yên
931	88A-671.99	Vĩnh Phúc	1931	89A-524.44	Hưng Yên	2931	89A-441.66	Hưng Yên
932	88A-690.89	Vĩnh Phúc	1932	89A-526.39	Hưng Yên	2932	89A-442.39	Hưng Yên
933	88A-700.77	Vĩnh Phúc	1933	89A-530.53	Hưng Yên	2933	89A-450.88	Hưng Yên
934	88A-737.88	Vĩnh Phúc	1934	89C-333.79	Hưng Yên	2934	89A-453.79	Hưng Yên
935	88A-739.89	Vĩnh Phúc	1935	89C-335.88	Hưng Yên	2935	89A-464.88	Hưng Yên
936	88A-742.74	Vĩnh Phúc	1936	90A-237.68	Hà Nam	2936	89A-496.66	Hưng Yên
937	88A-750.75	Vĩnh Phúc	1937	90A-253.89	Hà Nam	2937	89A-505.86	Hưng Yên
938	88A-787.39	Vĩnh Phúc	1938	90A-261.79	Hà Nam	2938	89A-512.39	Hưng Yên
939	89A-437.86	Hưng Yên	1939	90A-266.77	Hà Nam	2939	89A-517.86	Hưng Yên
940	89A-443.88	Hưng Yên	1940	90A-274.99	Hà Nam	2940	89A-530.89	Hưng Yên
941	89A-462.89	Hưng Yên	1941	92A-371.39	Quảng Nam	2941	89C-339.66	Hưng Yên
942	89A-471.86	Hưng Yên	1942	92A-381.86	Quảng Nam	2942	90A-247.88	Hà Nam
943	89A-473.89	Hưng Yên	1943	92A-387.69	Quảng Nam	2943	90A-262.39	Hà Nam
944	89A-490.89	Hưng Yên	1944	92A-389.39	Quảng Nam	2944	90A-272.27	Hà Nam
945	89A-518.86	Hưng Yên	1945	92A-392.66	Quảng Nam	2945	90C-151.51	Hà Nam
946	90A-243.33	Hà Nam	1946	92A-394.89	Quảng Nam	2946	92A-377.11	Quảng Nam
947	90A-266.67	Hà Nam	1947	92A-406.66	Quảng Nam	2947	92A-381.88	Quảng Nam
948	90C-151.89	Hà Nam	1948	92A-408.68	Quảng Nam	2948	92A-381.89	Quảng Nam
949	92A-388.86	Quảng Nam	1949	92A-409.69	Quảng Nam	2949	92A-395.88	Quảng Nam
950	92A-373.99	Quảng Nam	1950	92A-413.86	Quảng Nam	2950	92A-405.05	Quảng Nam
951	92A-402.68	Quảng Nam	1951	92A-421.88	Quảng Nam	2951	92A-415.15	Quảng Nam
952	92A-422.79	Quảng Nam	1952	92A-422.24	Quảng Nam	2952	92A-426.99	Quảng Nam
953	92A-431.39	Quảng Nam	1953	92A-422.68	Quảng Nam	2953	92B-034.56	Quảng Nam
954	92A-431.69	Quảng Nam	1954	92A-424.88	Quảng Nam	2954	92C-255.99	Quảng Nam
955	92B-032.99	Quảng Nam	1955	92A-427.24	Quảng Nam	2955	93A-440.66	Bình Phước
956	92B-036.99	Quảng Nam	1956	92A-427.42	Quảng Nam	2956	93A-440.68	Bình Phước
957	93A-447.74	Bình Phước	1957	92A-431.89	Quảng Nam	2957	93A-443.39	Bình Phước
958	93A-452.88	Bình Phước	1958	92D-006.68	Quảng Nam	2958	93A-451.69	Bình Phước
959	93A-453.39	Bình Phước	1959	93A-449.96	Bình Phước	2959	93A-452.86	Bình Phước
960	93A-454.79	Bình Phước	1960	93A-460.00	Bình Phước	2960	93A-475.86	Bình Phước
961	93A-477.22	Bình Phước	1961	93A-471.99	Bình Phước	2961	94A-102.22	Bạc Liêu
962	93A-492.92	Bình Phước	1962	93A-479.89	Bình Phước	2962	95A-119.69	Hậu Giang
963	93A-496.79	Bình Phước	1963	93A-480.69	Bình Phước	2963	97A-082.69	Bắc Kạn
964	93C-197.68	Bình Phước	1964	93C-198.39	Bình Phước	2964	97A-083.83	Bắc Kạn
965	93C-197.97	Bình Phước	1965	94A-108.99	Bạc Liêu	2965	98A-680.79	Bắc Giang
966	93C-198.69	Bình Phước	1966	95A-123.69	Hậu Giang	2966	98A-684.48	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	94B-012.39	Bạc Liêu	1967	95B-013.69	Hậu Giang	2967	98A-705.69	Bắc Giang
968	95A-122.79	Hậu Giang	1968	97A-087.87	Bắc Kạn	2968	98A-706.69	Bắc Giang
969	95A-131.99	Hậu Giang	1969	98A-678.39	Bắc Giang	2969	98A-723.86	Bắc Giang
970	97A-077.89	Bắc Kạn	1970	98A-700.39	Bắc Giang	2970	98A-724.68	Bắc Giang
971	97A-087.88	Bắc Kạn	1971	98A-700.88	Bắc Giang	2971	98A-743.88	Bắc Giang
972	97A-088.44	Bắc Kạn	1972	98A-702.20	Bắc Giang	2972	98A-750.69	Bắc Giang
973	98A-710.39	Bắc Giang	1973	98A-703.86	Bắc Giang	2973	98A-752.79	Bắc Giang
974	98A-711.44	Bắc Giang	1974	98A-718.81	Bắc Giang	2974	98A-760.69	Bắc Giang
975	98A-744.79	Bắc Giang	1975	98A-739.86	Bắc Giang	2975	98A-766.89	Bắc Giang
976	98A-749.99	Bắc Giang	1976	98A-741.99	Bắc Giang	2976	98A-777.00	Bắc Giang
977	98A-751.15	Bắc Giang	1977	98A-750.79	Bắc Giang	2977	98A-817.68	Bắc Giang
978	98A-804.44	Bắc Giang	1978	98A-751.66	Bắc Giang	2978	98A-820.66	Bắc Giang
979	98A-813.13	Bắc Giang	1979	98A-760.00	Bắc Giang	2979	98A-821.86	Bắc Giang
980	98A-831.89	Bắc Giang	1980	98A-764.68	Bắc Giang	2980	98A-825.68	Bắc Giang
981	98A-833.55	Bắc Giang	1981	98A-782.88	Bắc Giang	2981	98A-830.31	Bắc Giang
982	98A-834.43	Bắc Giang	1982	98A-787.69	Bắc Giang	2982	98A-843.86	Bắc Giang
983	98A-837.86	Bắc Giang	1983	98A-801.11	Bắc Giang	2983	98A-849.89	Bắc Giang
984	98A-842.48	Bắc Giang	1984	98A-802.03	Bắc Giang	2984	98A-850.39	Bắc Giang
985	98A-843.69	Bắc Giang	1985	98A-812.81	Bắc Giang	2985	98A-855.00	Bắc Giang
986	98A-847.77	Bắc Giang	1986	98A-817.79	Bắc Giang	2986	98C-356.66	Bắc Giang
987	98C-358.89	Bắc Giang	1987	98A-827.77	Bắc Giang	2987	98C-361.86	Bắc Giang
988	98C-366.64	Bắc Giang	1988	98A-835.69	Bắc Giang	2988	98D-016.66	Bắc Giang
989	98D-017.68	Bắc Giang	1989	98A-851.89	Bắc Giang	2989	99A-694.88	Bắc Ninh
990	99A-718.79	Bắc Ninh	1990	98A-856.57	Bắc Giang	2990	99A-716.69	Bắc Ninh
991	99A-725.86	Bắc Ninh	1991	98C-357.99	Bắc Giang	2991	99A-750.50	Bắc Ninh
992	99A-730.68	Bắc Ninh	1992	99A-740.40	Bắc Ninh	2992	99A-756.39	Bắc Ninh
993	99A-733.39	Bắc Ninh	1993	99A-748.99	Bắc Ninh	2993	99A-760.39	Bắc Ninh
994	99A-750.69	Bắc Ninh	1994	99A-754.39	Bắc Ninh	2994	99A-782.82	Bắc Ninh
995	99A-753.35	Bắc Ninh	1995	99A-760.06	Bắc Ninh	2995	99A-785.99	Bắc Ninh
996	99A-806.06	Bắc Ninh	1996	99A-772.66	Bắc Ninh	2996	99A-795.86	Bắc Ninh
997	99A-827.86	Bắc Ninh	1997	99A-788.33	Bắc Ninh	2997	99A-816.11	Bắc Ninh
998	99A-832.32	Bắc Ninh	1998	99A-827.79	Bắc Ninh	2998	99A-840.79	Bắc Ninh
999	99A-834.66	Bắc Ninh	1999	99A-844.33	Bắc Ninh	2999	99A-841.69	Bắc Ninh
1000	99A-840.04	Bắc Ninh	2000	99A-845.46	Bắc Ninh	3000	99A-848.69	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30L-029.39	Hà Nội	4052	30L-037.88	Hà Nội			
3053	30L-031.99	Hà Nội	4053	30L-048.86	Hà Nội			
3054	30L-032.68	Hà Nội	4054	30L-052.79	Hà Nội			
3055	30L-033.86	Hà Nội	4055	30L-058.99	Hà Nội			
3056	30L-069.86	Hà Nội	4056	30L-062.22	Hà Nội			
3057	30L-075.39	Hà Nội	4057	30L-071.79	Hà Nội			
3058	30L-097.69	Hà Nội	4058	30L-097.86	Hà Nội			
3059	30L-100.68	Hà Nội	4059	30L-100.69	Hà Nội			
3060	30L-100.79	Hà Nội	4060	30L-110.86	Hà Nội			
3061	30L-110.39	Hà Nội	4061	30L-111.37	Hà Nội			
3062	30L-120.79	Hà Nội	4062	30L-120.88	Hà Nội			
3063	30L-152.79	Hà Nội	4063	30L-150.68	Hà Nội			
3064	30L-175.89	Hà Nội	4064	30L-153.79	Hà Nội			
3065	30L-177.39	Hà Nội	4065	30L-154.69	Hà Nội			
3066	30L-194.66	Hà Nội	4066	30L-157.68	Hà Nội			
3067	30L-203.99	Hà Nội	4067	30L-160.99	Hà Nội			
3068	30L-209.69	Hà Nội	4068	30L-162.79	Hà Nội			
3069	30L-217.79	Hà Nội	4069	30L-171.68	Hà Nội			
3070	30L-233.44	Hà Nội	4070	30L-180.66	Hà Nội			
3071	30L-247.88	Hà Nội	4071	30L-181.69	Hà Nội			
3072	30L-251.15	Hà Nội	4072	30L-184.69	Hà Nội			
3073	30L-251.68	Hà Nội	4073	30L-191.11	Hà Nội			
3074	30L-257.75	Hà Nội	4074	30L-199.22	Hà Nội			
3075	30L-261.69	Hà Nội	4075	30L-210.86	Hà Nội			
3076	30L-264.86	Hà Nội	4076	30L-214.69	Hà Nội			
3077	30L-265.89	Hà Nội	4077	30L-217.17	Hà Nội			
3078	30L-274.99	Hà Nội	4078	30L-220.99	Hà Nội			
3079	30L-280.39	Hà Nội	4079	30L-227.66	Hà Nội			
3080	30L-280.86	Hà Nội	4080	30L-230.00	Hà Nội			
3081	30L-294.89	Hà Nội	4081	30L-244.99	Hà Nội			
3082	30L-299.11	Hà Nội	4082	30L-246.46	Hà Nội			
3083	30L-304.88	Hà Nội	4083	30L-249.79	Hà Nội			
3084	30L-304.99	Hà Nội	4084	30L-252.39	Hà Nội			
3085	30L-308.39	Hà Nội	4085	30L-253.88	Hà Nội			
3086	30L-312.66	Hà Nội	4086	30L-261.89	Hà Nội			
3087	30L-317.68	Hà Nội	4087	30L-270.68	Hà Nội			
3088	30L-317.86	Hà Nội	4088	30L-270.99	Hà Nội			
3089	30L-321.88	Hà Nội	4089	30L-273.66	Hà Nội			
3090	30L-322.44	Hà Nội	4090	30L-275.79	Hà Nội			
3091	30L-324.69	Hà Nội	4091	30L-284.39	Hà Nội			
3092	30L-331.86	Hà Nội	4092	30L-306.69	Hà Nội			
3093	30L-334.39	Hà Nội	4093	30L-310.01	Hà Nội			
3094	30L-340.40	Hà Nội	4094	30L-311.89	Hà Nội			
3095	30L-341.89	Hà Nội	4095	30L-315.39	Hà Nội			
3096	30L-348.66	Hà Nội	4096	30L-324.79	Hà Nội			
3097	30L-354.89	Hà Nội	4097	30L-325.79	Hà Nội			
3098	30L-371.86	Hà Nội	4098	30L-334.99	Hà Nội			
3099	30L-374.44	Hà Nội	4099	30L-335.53	Hà Nội			
3100	30L-404.66	Hà Nội	4100	30L-342.66	Hà Nội			
3101	30L-404.88	Hà Nội	4101	30L-348.68	Hà Nội			
3102	30L-411.68	Hà Nội	4102	30L-351.11	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-412.21	Hà Nội	4103	30L-351.79	Hà Nội			
3104	30L-423.69	Hà Nội	4104	30L-351.86	Hà Nội			
3105	30L-425.88	Hà Nội	4105	30L-361.11	Hà Nội			
3106	30L-425.89	Hà Nội	4106	30L-371.99	Hà Nội			
3107	30L-431.99	Hà Nội	4107	30L-378.69	Hà Nội			
3108	30L-439.68	Hà Nội	4108	30L-378.87	Hà Nội			
3109	30L-444.19	Hà Nội	4109	30L-379.69	Hà Nội			
3110	30L-444.33	Hà Nội	4110	30L-380.08	Hà Nội			
3111	30L-444.56	Hà Nội	4111	30L-381.99	Hà Nội			
3112	30L-444.59	Hà Nội	4112	30L-387.39	Hà Nội			
3113	30L-447.47	Hà Nội	4113	30L-394.69	Hà Nội			
3114	30L-450.50	Hà Nội	4114	30L-400.77	Hà Nội			
3115	30L-455.69	Hà Nội	4115	30L-403.66	Hà Nội			
3116	30L-458.66	Hà Nội	4116	30L-406.86	Hà Nội			
3117	30L-461.68	Hà Nội	4117	30L-408.08	Hà Nội			
3118	30L-462.39	Hà Nội	4118	30L-412.66	Hà Nội			
3119	30L-463.69	Hà Nội	4119	30L-416.88	Hà Nội			
3120	30L-466.33	Hà Nội	4120	30L-420.99	Hà Nội			
3121	30L-466.44	Hà Nội	4121	30L-424.79	Hà Nội			
3122	30L-474.99	Hà Nội	4122	30L-436.86	Hà Nội			
3123	30L-475.69	Hà Nội	4123	30L-439.89	Hà Nội			
3124	30L-481.66	Hà Nội	4124	30L-441.99	Hà Nội			
3125	30L-499.69	Hà Nội	4125	30L-443.39	Hà Nội			
3126	30L-508.79	Hà Nội	4126	30L-450.86	Hà Nội			
3127	30L-511.39	Hà Nội	4127	30L-458.69	Hà Nội			
3128	30L-512.39	Hà Nội	4128	30L-459.66	Hà Nội			
3129	30L-520.89	Hà Nội	4129	30L-465.89	Hà Nội			
3130	30L-521.89	Hà Nội	4130	30L-475.66	Hà Nội			
3131	30L-522.39	Hà Nội	4131	30L-476.88	Hà Nội			
3132	30L-523.25	Hà Nội	4132	30L-481.89	Hà Nội			
3133	30L-527.88	Hà Nội	4133	30L-482.22	Hà Nội			
3134	30L-529.96	Hà Nội	4134	30L-482.79	Hà Nội			
3135	30L-540.88	Hà Nội	4135	30L-483.89	Hà Nội			
3136	30L-543.89	Hà Nội	4136	30L-488.39	Hà Nội			
3137	30L-549.89	Hà Nội	4137	30L-492.69	Hà Nội			
3138	30L-555.17	Hà Nội	4138	30L-492.79	Hà Nội			
3139	30L-555.47	Hà Nội	4139	30L-495.59	Hà Nội			
3140	30L-556.22	Hà Nội	4140	30L-497.39	Hà Nội			
3141	30L-558.29	Hà Nội	4141	30L-497.86	Hà Nội			
3142	30L-560.89	Hà Nội	4142	30L-502.86	Hà Nội			
3143	30L-561.86	Hà Nội	4143	30L-504.89	Hà Nội			
3144	30L-564.36	Hà Nội	4144	30L-508.39	Hà Nội			
3145	30L-567.59	Hà Nội	4145	30L-514.99	Hà Nội			
3146	30L-570.39	Hà Nội	4146	30L-527.39	Hà Nội			
3147	30L-570.75	Hà Nội	4147	30L-530.68	Hà Nội			
3148	30L-581.25	Hà Nội	4148	30L-531.68	Hà Nội			
3149	30L-582.39	Hà Nội	4149	30L-532.66	Hà Nội			
3150	30L-583.11	Hà Nội	4150	30L-535.89	Hà Nội			
3151	30L-584.15	Hà Nội	4151	30L-537.38	Hà Nội			
3152	30L-587.79	Hà Nội	4152	30L-537.68	Hà Nội			
3153	30L-587.88	Hà Nội	4153	30L-542.79	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-590.00	Hà Nội	4154	30L-544.33	Hà Nội			
3155	30L-591.65	Hà Nội	4155	30L-544.86	Hà Nội			
3156	30L-592.82	Hà Nội	4156	30L-545.89	Hà Nội			
3157	30L-594.44	Hà Nội	4157	30L-547.39	Hà Nội			
3158	30L-595.92	Hà Nội	4158	30L-552.53	Hà Nội			
3159	30L-598.93	Hà Nội	4159	30L-553.39	Hà Nội			
3160	30L-599.22	Hà Nội	4160	30L-553.68	Hà Nội			
3161	30L-615.39	Hà Nội	4161	30L-557.38	Hà Nội			
3162	30L-618.26	Hà Nội	4162	30L-561.66	Hà Nội			
3163	30L-619.39	Hà Nội	4163	30L-563.39	Hà Nội			
3164	30L-621.22	Hà Nội	4164	30L-563.79	Hà Nội			
3165	30L-625.88	Hà Nội	4165	30L-572.98	Hà Nội			
3166	30L-629.88	Hà Nội	4166	30L-578.26	Hà Nội			
3167	30L-630.28	Hà Nội	4167	30L-580.69	Hà Nội			
3168	30L-630.63	Hà Nội	4168	30L-590.69	Hà Nội			
3169	30L-631.09	Hà Nội	4169	30L-591.85	Hà Nội			
3170	30L-634.44	Hà Nội	4170	30L-593.89	Hà Nội			
3171	30L-640.86	Hà Nội	4171	30L-596.97	Hà Nội			
3172	30L-641.14	Hà Nội	4172	30L-597.59	Hà Nội			
3173	30L-643.46	Hà Nội	4173	30L-598.09	Hà Nội			
3174	30L-645.77	Hà Nội	4174	30L-599.97	Hà Nội			
3175	30L-650.05	Hà Nội	4175	30L-601.28	Hà Nội			
3176	30L-651.11	Hà Nội	4176	30L-606.09	Hà Nội			
3177	30L-654.54	Hà Nội	4177	30L-613.19	Hà Nội			
3178	30L-663.56	Hà Nội	4178	30L-615.79	Hà Nội			
3179	30L-666.80	Hà Nội	4179	30L-619.62	Hà Nội			
3180	30L-669.23	Hà Nội	4180	30L-634.15	Hà Nội			
3181	30L-669.62	Hà Nội	4181	30L-634.79	Hà Nội			
3182	30L-670.79	Hà Nội	4182	30L-637.39	Hà Nội			
3183	30L-670.88	Hà Nội	4183	30L-638.35	Hà Nội			
3184	30L-673.65	Hà Nội	4184	30L-639.65	Hà Nội			
3185	30L-678.30	Hà Nội	4185	30L-640.06	Hà Nội			
3186	30L-680.59	Hà Nội	4186	30L-642.24	Hà Nội			
3187	30L-680.99	Hà Nội	4187	30L-642.43	Hà Nội			
3188	30L-682.59	Hà Nội	4188	30L-655.16	Hà Nội			
3189	30L-688.07	Hà Nội	4189	30L-656.57	Hà Nội			
3190	30L-688.08	Hà Nội	4190	30L-657.59	Hà Nội			
3191	30L-688.95	Hà Nội	4191	30L-657.68	Hà Nội			
3192	30L-690.96	Hà Nội	4192	30L-658.79	Hà Nội			
3193	30L-693.85	Hà Nội	4193	30L-659.36	Hà Nội			
3194	30L-694.26	Hà Nội	4194	30L-670.39	Hà Nội			
3195	30L-699.44	Hà Nội	4195	30L-684.18	Hà Nội			
3196	30L-702.19	Hà Nội	4196	30L-690.19	Hà Nội			
3197	30L-702.22	Hà Nội	4197	30L-690.68	Hà Nội			
3198	30L-704.98	Hà Nội	4198	30L-690.91	Hà Nội			
3199	30L-705.59	Hà Nội	4199	30L-692.89	Hà Nội			
3200	30L-705.85	Hà Nội	4200	30L-698.06	Hà Nội			
3201	30L-707.39	Hà Nội	4201	30L-705.08	Hà Nội			
3202	30L-708.80	Hà Nội	4202	30L-705.19	Hà Nội			
3203	30L-709.39	Hà Nội	4203	30L-707.11	Hà Nội			
3204	30L-710.79	Hà Nội	4204	30L-708.56	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-717.86	Hà Nội	4205	30L-711.16	Hà Nội			
3206	30L-720.21	Hà Nội	4206	30L-712.22	Hà Nội			
3207	30L-724.27	Hà Nội	4207	30L-713.58	Hà Nội			
3208	30L-726.68	Hà Nội	4208	30L-715.09	Hà Nội			
3209	30L-726.79	Hà Nội	4209	30L-717.68	Hà Nội			
3210	30L-729.09	Hà Nội	4210	30L-722.55	Hà Nội			
3211	30L-730.79	Hà Nội	4211	30L-723.86	Hà Nội			
3212	30L-731.26	Hà Nội	4212	30L-726.88	Hà Nội			
3213	30L-738.66	Hà Nội	4213	30L-729.16	Hà Nội			
3214	30L-738.79	Hà Nội	4214	30L-730.73	Hà Nội			
3215	30L-740.47	Hà Nội	4215	30L-730.86	Hà Nội			
3216	30L-741.47	Hà Nội	4216	30L-732.99	Hà Nội			
3217	30L-742.74	Hà Nội	4217	30L-736.63	Hà Nội			
3218	30L-753.33	Hà Nội	4218	30L-736.68	Hà Nội			
3219	30L-756.36	Hà Nội	4219	30L-740.65	Hà Nội			
3220	30L-756.68	Hà Nội	4220	30L-741.14	Hà Nội			
3221	30L-758.65	Hà Nội	4221	30L-746.06	Hà Nội			
3222	30L-760.60	Hà Nội	4222	30L-747.88	Hà Nội			
3223	30L-761.89	Hà Nội	4223	30L-748.39	Hà Nội			
3224	30L-765.66	Hà Nội	4224	30L-760.88	Hà Nội			
3225	30L-765.89	Hà Nội	4225	30L-762.67	Hà Nội			
3226	30L-769.95	Hà Nội	4226	30L-763.69	Hà Nội			
3227	30L-770.26	Hà Nội	4227	30L-764.66	Hà Nội			
3228	30L-770.55	Hà Nội	4228	30L-766.38	Hà Nội			
3229	30L-775.58	Hà Nội	4229	30L-775.79	Hà Nội			
3230	30L-779.09	Hà Nội	4230	30L-777.00	Hà Nội			
3231	30L-781.66	Hà Nội	4231	30L-780.69	Hà Nội			
3232	30L-784.85	Hà Nội	4232	30L-789.15	Hà Nội			
3233	30L-789.58	Hà Nội	4233	30L-789.80	Hà Nội			
3234	30L-789.90	Hà Nội	4234	30L-790.25	Hà Nội			
3235	30L-793.86	Hà Nội	4235	30L-792.69	Hà Nội			
3236	30L-798.33	Hà Nội	4236	30L-794.44	Hà Nội			
3237	30L-807.77	Hà Nội	4237	30L-796.18	Hà Nội			
3238	30L-811.12	Hà Nội	4238	30L-797.36	Hà Nội			
3239	30L-812.83	Hà Nội	4239	30L-797.38	Hà Nội			
3240	30L-814.86	Hà Nội	4240	30L-797.56	Hà Nội			
3241	30L-814.95	Hà Nội	4241	30L-802.56	Hà Nội			
3242	30L-817.69	Hà Nội	4242	30L-802.69	Hà Nội			
3243	30L-818.29	Hà Nội	4243	30L-802.86	Hà Nội			
3244	30L-824.99	Hà Nội	4244	30L-806.08	Hà Nội			
3245	30L-828.77	Hà Nội	4245	30L-808.35	Hà Nội			
3246	30L-831.13	Hà Nội	4246	30L-814.19	Hà Nội			
3247	30L-836.33	Hà Nội	4247	30L-816.17	Hà Nội			
3248	30L-837.68	Hà Nội	4248	30L-828.06	Hà Nội			
3249	30L-837.99	Hà Nội	4249	30L-832.65	Hà Nội			
3250	30L-843.99	Hà Nội	4250	30L-833.11	Hà Nội			
3251	30L-845.66	Hà Nội	4251	30L-833.19	Hà Nội			
3252	30L-847.79	Hà Nội	4252	30L-842.99	Hà Nội			
3253	30L-850.88	Hà Nội	4253	30L-852.88	Hà Nội			
3254	30L-851.58	Hà Nội	4254	30L-853.99	Hà Nội			
3255	30L-851.86	Hà Nội	4255	30L-854.54	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	30L-851.97	Hà Nội	4256	30L-856.08	Hà Nội			
3257	30L-865.77	Hà Nội	4257	30L-856.96	Hà Nội			
3258	30L-866.15	Hà Nội	4258	30L-862.39	Hà Nội			
3259	30L-866.51	Hà Nội	4259	30L-864.88	Hà Nội			
3260	30L-872.86	Hà Nội	4260	30L-867.39	Hà Nội			
3261	30L-873.85	Hà Nội	4261	30L-870.83	Hà Nội			
3262	30L-876.67	Hà Nội	4262	30L-876.69	Hà Nội			
3263	30L-880.29	Hà Nội	4263	30L-880.89	Hà Nội			
3264	30L-881.38	Hà Nội	4264	30L-882.85	Hà Nội			
3265	30L-885.59	Hà Nội	4265	30L-898.26	Hà Nội			
3266	30L-895.28	Hà Nội	4266	30L-898.85	Hà Nội			
3267	30L-895.65	Hà Nội	4267	30L-900.79	Hà Nội			
3268	30L-900.55	Hà Nội	4268	30L-907.39	Hà Nội			
3269	30L-903.66	Hà Nội	4269	30L-907.68	Hà Nội			
3270	30L-904.69	Hà Nội	4270	30L-913.79	Hà Nội			
3271	30L-910.39	Hà Nội	4271	30L-914.66	Hà Nội			
3272	30L-918.28	Hà Nội	4272	30L-915.26	Hà Nội			
3273	30L-921.89	Hà Nội	4273	30L-915.66	Hà Nội			
3274	30L-921.97	Hà Nội	4274	30L-924.99	Hà Nội			
3275	30L-923.18	Hà Nội	4275	30L-935.58	Hà Nội			
3276	30L-923.36	Hà Nội	4276	30L-943.66	Hà Nội			
3277	30L-925.29	Hà Nội	4277	30L-955.22	Hà Nội			
3278	30L-928.22	Hà Nội	4278	30L-961.39	Hà Nội			
3279	30L-933.11	Hà Nội	4279	30L-962.09	Hà Nội			
3280	30L-934.99	Hà Nội	4280	30L-963.56	Hà Nội			
3281	30L-936.93	Hà Nội	4281	30L-973.33	Hà Nội			
3282	30L-937.68	Hà Nội	4282	30L-973.73	Hà Nội			
3283	30L-950.50	Hà Nội	4283	30L-981.82	Hà Nội			
3284	30L-953.88	Hà Nội	4284	30L-982.52	Hà Nội			
3285	30L-954.55	Hà Nội	4285	30L-986.28	Hà Nội			
3286	30L-956.57	Hà Nội	4286	30L-988.09	Hà Nội			
3287	30L-957.85	Hà Nội	4287	30L-991.16	Hà Nội			
3288	30L-960.39	Hà Nội	4288	30L-993.09	Hà Nội			
3289	30L-962.35	Hà Nội	4289	30L-995.16	Hà Nội			
3290	30L-971.17	Hà Nội	4290	30L-995.56	Hà Nội			
3291	30L-972.97	Hà Nội	4291	30L-997.61	Hà Nội			
3292	30L-977.44	Hà Nội	4292	30L-999.04	Hà Nội			
3293	30L-977.58	Hà Nội	4293	30M-000.44	Hà Nội			
3294	30L-984.39	Hà Nội	4294	30M-014.41	Hà Nội			
3295	30L-994.89	Hà Nội	4295	30M-014.65	Hà Nội			
3296	30M-002.39	Hà Nội	4296	30M-014.89	Hà Nội			
3297	30M-004.59	Hà Nội	4297	30M-015.88	Hà Nội			
3298	30M-010.56	Hà Nội	4298	30M-016.15	Hà Nội			
3299	30M-012.13	Hà Nội	4299	30M-020.21	Hà Nội			
3300	30M-015.39	Hà Nội	4300	30M-021.22	Hà Nội			
3301	30M-016.78	Hà Nội	4301	30M-024.66	Hà Nội			
3302	30M-023.66	Hà Nội	4302	30M-024.89	Hà Nội			
3303	51K-984.66	Hồ Chí Minh	4303	51L-004.79	Hồ Chí Minh			
3304	51L-020.39	Hồ Chí Minh	4304	51L-021.39	Hồ Chí Minh			
3305	51L-028.69	Hồ Chí Minh	4305	51L-024.39	Hồ Chí Minh			
3306	51L-028.79	Hồ Chí Minh	4306	51L-032.89	Hồ Chí Minh			

ĐI 4
CÔNG
ĐẦU
LỢP D
IẾT I
XUÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51L-033.89	Hồ Chí Minh	4307	51L-045.68	Hồ Chí Minh			
3308	51L-040.66	Hồ Chí Minh	4308	51L-061.68	Hồ Chí Minh			
3309	51L-062.22	Hồ Chí Minh	4309	51L-067.69	Hồ Chí Minh			
3310	51L-063.39	Hồ Chí Minh	4310	51L-086.79	Hồ Chí Minh			
3311	51L-072.88	Hồ Chí Minh	4311	51L-102.88	Hồ Chí Minh			
3312	51L-081.69	Hồ Chí Minh	4312	51L-105.79	Hồ Chí Minh			
3313	51L-081.99	Hồ Chí Minh	4313	51L-124.39	Hồ Chí Minh			
3314	51L-082.86	Hồ Chí Minh	4314	51L-129.86	Hồ Chí Minh			
3315	51L-084.79	Hồ Chí Minh	4315	51L-143.79	Hồ Chí Minh			
3316	51L-090.89	Hồ Chí Minh	4316	51L-144.99	Hồ Chí Minh			
3317	51L-095.86	Hồ Chí Minh	4317	51L-154.69	Hồ Chí Minh			
3318	51L-105.99	Hồ Chí Minh	4318	51L-155.69	Hồ Chí Minh			
3319	51L-109.66	Hồ Chí Minh	4319	51L-160.86	Hồ Chí Minh			
3320	51L-114.69	Hồ Chí Minh	4320	51L-172.86	Hồ Chí Minh			
3321	51L-117.39	Hồ Chí Minh	4321	51L-174.88	Hồ Chí Minh			
3322	51L-117.68	Hồ Chí Minh	4322	51L-175.39	Hồ Chí Minh			
3323	51L-121.86	Hồ Chí Minh	4323	51L-184.69	Hồ Chí Minh			
3324	51L-127.99	Hồ Chí Minh	4324	51L-189.96	Hồ Chí Minh			
3325	51L-146.39	Hồ Chí Minh	4325	51L-202.66	Hồ Chí Minh			
3326	51L-147.68	Hồ Chí Minh	4326	51L-211.79	Hồ Chí Minh			
3327	51L-152.68	Hồ Chí Minh	4327	51L-216.39	Hồ Chí Minh			
3328	51L-160.99	Hồ Chí Minh	4328	51L-225.99	Hồ Chí Minh			
3329	51L-180.79	Hồ Chí Minh	4329	51L-232.89	Hồ Chí Minh			
3330	51L-187.77	Hồ Chí Minh	4330	51L-237.39	Hồ Chí Minh			
3331	51L-195.69	Hồ Chí Minh	4331	51L-241.88	Hồ Chí Minh			
3332	51L-198.68	Hồ Chí Minh	4332	51L-247.69	Hồ Chí Minh			
3333	51L-199.22	Hồ Chí Minh	4333	51L-257.66	Hồ Chí Minh			
3334	51L-208.86	Hồ Chí Minh	4334	51L-259.88	Hồ Chí Minh			
3335	51L-213.86	Hồ Chí Minh	4335	51L-293.69	Hồ Chí Minh			
3336	51L-214.99	Hồ Chí Minh	4336	51L-295.79	Hồ Chí Minh			
3337	51L-217.89	Hồ Chí Minh	4337	51L-295.89	Hồ Chí Minh			
3338	51L-218.69	Hồ Chí Minh	4338	51L-301.68	Hồ Chí Minh			
3339	51L-220.69	Hồ Chí Minh	4339	51L-304.44	Hồ Chí Minh			
3340	51L-229.89	Hồ Chí Minh	4340	51L-306.89	Hồ Chí Minh			
3341	51L-230.79	Hồ Chí Minh	4341	51L-308.79	Hồ Chí Minh			
3342	51L-237.66	Hồ Chí Minh	4342	51L-321.11	Hồ Chí Minh			
3343	51L-240.86	Hồ Chí Minh	4343	51L-326.99	Hồ Chí Minh			
3344	51L-241.11	Hồ Chí Minh	4344	51L-331.68	Hồ Chí Minh			
3345	51L-254.99	Hồ Chí Minh	4345	51L-338.69	Hồ Chí Minh			
3346	51L-264.89	Hồ Chí Minh	4346	51L-340.69	Hồ Chí Minh			
3347	51L-266.39	Hồ Chí Minh	4347	51L-347.66	Hồ Chí Minh			
3348	51L-279.97	Hồ Chí Minh	4348	51L-347.86	Hồ Chí Minh			
3349	51L-284.39	Hồ Chí Minh	4349	51L-349.69	Hồ Chí Minh			
3350	51L-291.68	Hồ Chí Minh	4350	51L-352.68	Hồ Chí Minh			
3351	51L-302.39	Hồ Chí Minh	4351	51L-402.79	Hồ Chí Minh			
3352	51L-305.99	Hồ Chí Minh	4352	51L-402.89	Hồ Chí Minh			
3353	51L-320.00	Hồ Chí Minh	4353	51L-403.39	Hồ Chí Minh			
3354	51L-327.79	Hồ Chí Minh	4354	51L-403.88	Hồ Chí Minh			
3355	51L-331.88	Hồ Chí Minh	4355	51L-408.79	Hồ Chí Minh			
3356	51L-363.89	Hồ Chí Minh	4356	51L-410.00	Hồ Chí Minh			
3357	51L-364.88	Hồ Chí Minh	4357	51L-418.99	Hồ Chí Minh			

T
Y
I
A
N
H
A
M
-T.P.V

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-370.00	Hồ Chí Minh	4358	51L-420.89	Hồ Chí Minh			
3359	51L-377.66	Hồ Chí Minh	4359	51L-435.88	Hồ Chí Minh			
3360	51L-379.66	Hồ Chí Minh	4360	51L-452.25	Hồ Chí Minh			
3361	51L-382.89	Hồ Chí Minh	4361	51L-453.89	Hồ Chí Minh			
3362	51L-385.66	Hồ Chí Minh	4362	51L-459.88	Hồ Chí Minh			
3363	51L-393.66	Hồ Chí Minh	4363	51L-465.39	Hồ Chí Minh			
3364	51L-402.69	Hồ Chí Minh	4364	51L-467.66	Hồ Chí Minh			
3365	51L-406.69	Hồ Chí Minh	4365	51L-467.88	Hồ Chí Minh			
3366	51L-406.86	Hồ Chí Minh	4366	51L-470.39	Hồ Chí Minh			
3367	51L-414.69	Hồ Chí Minh	4367	51L-471.17	Hồ Chí Minh			
3368	51L-416.39	Hồ Chí Minh	4368	51L-479.89	Hồ Chí Minh			
3369	51L-417.39	Hồ Chí Minh	4369	51L-481.89	Hồ Chí Minh			
3370	51L-417.88	Hồ Chí Minh	4370	51L-484.48	Hồ Chí Minh			
3371	51L-417.99	Hồ Chí Minh	4371	51L-490.99	Hồ Chí Minh			
3372	51L-422.69	Hồ Chí Minh	4372	51L-493.66	Hồ Chí Minh			
3373	51L-422.89	Hồ Chí Minh	4373	51L-494.69	Hồ Chí Minh			
3374	51L-424.42	Hồ Chí Minh	4374	51L-494.79	Hồ Chí Minh			
3375	51L-427.99	Hồ Chí Minh	4375	51L-497.69	Hồ Chí Minh			
3376	51L-437.88	Hồ Chí Minh	4376	51L-500.69	Hồ Chí Minh			
3377	51L-446.88	Hồ Chí Minh	4377	51L-501.68	Hồ Chí Minh			
3378	51L-453.99	Hồ Chí Minh	4378	51L-506.69	Hồ Chí Minh			
3379	51L-454.66	Hồ Chí Minh	4379	51L-507.68	Hồ Chí Minh			
3380	51L-458.85	Hồ Chí Minh	4380	51L-508.69	Hồ Chí Minh			
3381	51L-459.69	Hồ Chí Minh	4381	51L-521.99	Hồ Chí Minh			
3382	51L-461.11	Hồ Chí Minh	4382	51L-527.77	Hồ Chí Minh			
3383	51L-461.66	Hồ Chí Minh	4383	51L-531.86	Hồ Chí Minh			
3384	51L-461.79	Hồ Chí Minh	4384	51L-537.89	Hồ Chí Minh			
3385	51L-464.69	Hồ Chí Minh	4385	51L-541.69	Hồ Chí Minh			
3386	51L-470.00	Hồ Chí Minh	4386	51L-547.39	Hồ Chí Minh			
3387	51L-473.68	Hồ Chí Minh	4387	51L-547.66	Hồ Chí Minh			
3388	51L-477.33	Hồ Chí Minh	4388	51L-548.48	Hồ Chí Minh			
3389	51L-477.68	Hồ Chí Minh	4389	51L-552.86	Hồ Chí Minh			
3390	51L-477.79	Hồ Chí Minh	4390	51L-553.53	Hồ Chí Minh			
3391	51L-486.88	Hồ Chí Minh	4391	51L-554.88	Hồ Chí Minh			
3392	51L-488.77	Hồ Chí Minh	4392	51L-556.69	Hồ Chí Minh			
3393	51L-492.92	Hồ Chí Minh	4393	51L-562.65	Hồ Chí Minh			
3394	51L-494.89	Hồ Chí Minh	4394	51L-570.69	Hồ Chí Minh			
3395	51L-495.79	Hồ Chí Minh	4395	51L-573.33	Hồ Chí Minh			
3396	51L-496.86	Hồ Chí Minh	4396	51L-576.86	Hồ Chí Minh			
3397	51L-510.79	Hồ Chí Minh	4397	51L-579.69	Hồ Chí Minh			
3398	51L-514.79	Hồ Chí Minh	4398	51L-581.58	Hồ Chí Minh			
3399	51L-517.89	Hồ Chí Minh	4399	51L-592.66	Hồ Chí Minh			
3400	51L-521.89	Hồ Chí Minh	4400	51L-609.90	Hồ Chí Minh			
3401	51L-526.62	Hồ Chí Minh	4401	51L-615.39	Hồ Chí Minh			
3402	51L-529.69	Hồ Chí Minh	4402	51L-619.35	Hồ Chí Minh			
3403	51L-530.39	Hồ Chí Minh	4403	51L-619.81	Hồ Chí Minh			
3404	51L-532.89	Hồ Chí Minh	4404	51L-622.77	Hồ Chí Minh			
3405	51L-532.99	Hồ Chí Minh	4405	51L-623.32	Hồ Chí Minh			
3406	51L-541.68	Hồ Chí Minh	4406	51L-625.39	Hồ Chí Minh			
3407	51L-541.79	Hồ Chí Minh	4407	51L-625.56	Hồ Chí Minh			
3408	51L-542.66	Hồ Chí Minh	4408	51L-626.56	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-542.88	Hồ Chí Minh	4409	51L-627.26	Hồ Chí Minh			
3410	51L-542.99	Hồ Chí Minh	4410	51L-628.86	Hồ Chí Minh			
3411	51L-543.39	Hồ Chí Minh	4411	51L-632.88	Hồ Chí Minh			
3412	51L-549.39	Hồ Chí Minh	4412	51L-634.34	Hồ Chí Minh			
3413	51L-550.79	Hồ Chí Minh	4413	51L-634.88	Hồ Chí Minh			
3414	51L-553.68	Hồ Chí Minh	4414	51L-635.16	Hồ Chí Minh			
3415	51L-562.66	Hồ Chí Minh	4415	51L-635.25	Hồ Chí Minh			
3416	51L-563.33	Hồ Chí Minh	4416	51L-639.09	Hồ Chí Minh			
3417	51L-573.79	Hồ Chí Minh	4417	51L-641.11	Hồ Chí Minh			
3418	51L-576.67	Hồ Chí Minh	4418	51L-648.09	Hồ Chí Minh			
3419	51L-581.99	Hồ Chí Minh	4419	51L-648.29	Hồ Chí Minh			
3420	51L-589.58	Hồ Chí Minh	4420	51L-651.26	Hồ Chí Minh			
3421	51L-589.66	Hồ Chí Minh	4421	51L-651.68	Hồ Chí Minh			
3422	51L-600.77	Hồ Chí Minh	4422	51L-653.56	Hồ Chí Minh			
3423	51L-601.39	Hồ Chí Minh	4423	51L-662.85	Hồ Chí Minh			
3424	51L-603.99	Hồ Chí Minh	4424	51L-665.26	Hồ Chí Minh			
3425	51L-604.40	Hồ Chí Minh	4425	51L-666.47	Hồ Chí Minh			
3426	51L-612.89	Hồ Chí Minh	4426	51L-671.68	Hồ Chí Minh			
3427	51L-614.39	Hồ Chí Minh	4427	51L-674.75	Hồ Chí Minh			
3428	51L-619.91	Hồ Chí Minh	4428	51L-681.66	Hồ Chí Minh			
3429	51L-620.95	Hồ Chí Minh	4429	51L-688.19	Hồ Chí Minh			
3430	51L-627.18	Hồ Chí Minh	4430	51L-688.44	Hồ Chí Minh			
3431	51L-629.92	Hồ Chí Minh	4431	51L-693.33	Hồ Chí Minh			
3432	51L-631.11	Hồ Chí Minh	4432	51L-706.99	Hồ Chí Minh			
3433	51L-631.89	Hồ Chí Minh	4433	51L-707.08	Hồ Chí Minh			
3434	51L-633.86	Hồ Chí Minh	4434	51L-707.11	Hồ Chí Minh			
3435	51L-634.89	Hồ Chí Minh	4435	51L-713.86	Hồ Chí Minh			
3436	51L-637.99	Hồ Chí Minh	4436	51L-714.36	Hồ Chí Minh			
3437	51L-643.88	Hồ Chí Minh	4437	51L-714.44	Hồ Chí Minh			
3438	51L-647.68	Hồ Chí Minh	4438	51L-717.99	Hồ Chí Minh			
3439	51L-648.69	Hồ Chí Minh	4439	51L-722.23	Hồ Chí Minh			
3440	51L-654.99	Hồ Chí Minh	4440	51L-722.88	Hồ Chí Minh			
3441	51L-657.56	Hồ Chí Minh	4441	51L-726.06	Hồ Chí Minh			
3442	51L-669.15	Hồ Chí Minh	4442	51L-727.39	Hồ Chí Minh			
3443	51L-672.55	Hồ Chí Minh	4443	51L-730.77	Hồ Chí Minh			
3444	51L-678.73	Hồ Chí Minh	4444	51L-732.39	Hồ Chí Minh			
3445	51L-682.96	Hồ Chí Minh	4445	51L-732.99	Hồ Chí Minh			
3446	51L-684.65	Hồ Chí Minh	4446	51L-733.73	Hồ Chí Minh			
3447	51L-688.42	Hồ Chí Minh	4447	51L-734.35	Hồ Chí Minh			
3448	51L-694.18	Hồ Chí Minh	4448	51L-737.55	Hồ Chí Minh			
3449	51L-696.06	Hồ Chí Minh	4449	51L-738.00	Hồ Chí Minh			
3450	51L-702.88	Hồ Chí Minh	4450	51L-742.47	Hồ Chí Minh			
3451	51L-704.39	Hồ Chí Minh	4451	51L-748.66	Hồ Chí Minh			
3452	51L-708.88	Hồ Chí Minh	4452	51L-755.69	Hồ Chí Minh			
3453	51L-709.86	Hồ Chí Minh	4453	51L-765.22	Hồ Chí Minh			
3454	51L-711.96	Hồ Chí Minh	4454	51L-765.86	Hồ Chí Minh			
3455	51L-713.26	Hồ Chí Minh	4455	51L-773.56	Hồ Chí Minh			
3456	51L-714.17	Hồ Chí Minh	4456	51L-775.99	Hồ Chí Minh			
3457	51L-715.79	Hồ Chí Minh	4457	51L-779.35	Hồ Chí Minh			
3458	51L-719.39	Hồ Chí Minh	4458	51L-780.66	Hồ Chí Minh			
3459	51L-720.21	Hồ Chí Minh	4459	51L-781.36	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	51L-721.99	Hồ Chí Minh	4460	51L-781.68	Hồ Chí Minh			
3461	51L-722.89	Hồ Chí Minh	4461	51L-782.35	Hồ Chí Minh			
3462	51L-726.89	Hồ Chí Minh	4462	51L-784.44	Hồ Chí Minh			
3463	51L-731.66	Hồ Chí Minh	4463	51L-785.69	Hồ Chí Minh			
3464	51L-732.22	Hồ Chí Minh	4464	51L-789.23	Hồ Chí Minh			
3465	51L-734.89	Hồ Chí Minh	4465	51L-790.56	Hồ Chí Minh			
3466	51L-735.79	Hồ Chí Minh	4466	51L-790.88	Hồ Chí Minh			
3467	51L-740.39	Hồ Chí Minh	4467	51L-790.96	Hồ Chí Minh			
3468	51L-747.74	Hồ Chí Minh	4468	51L-791.89	Hồ Chí Minh			
3469	51L-749.66	Hồ Chí Minh	4469	51L-794.66	Hồ Chí Minh			
3470	51L-753.35	Hồ Chí Minh	4470	51L-794.86	Hồ Chí Minh			
3471	51L-753.54	Hồ Chí Minh	4471	51L-803.39	Hồ Chí Minh			
3472	51L-754.45	Hồ Chí Minh	4472	51L-804.18	Hồ Chí Minh			
3473	51L-755.58	Hồ Chí Minh	4473	51L-810.81	Hồ Chí Minh			
3474	51L-759.66	Hồ Chí Minh	4474	51L-814.86	Hồ Chí Minh			
3475	51L-768.59	Hồ Chí Minh	4475	51L-817.66	Hồ Chí Minh			
3476	51L-777.56	Hồ Chí Minh	4476	51L-819.68	Hồ Chí Minh			
3477	51L-783.39	Hồ Chí Minh	4477	51L-821.38	Hồ Chí Minh			
3478	51L-785.66	Hồ Chí Minh	4478	51L-824.28	Hồ Chí Minh			
3479	51L-787.78	Hồ Chí Minh	4479	51L-825.86	Hồ Chí Minh			
3480	51L-789.17	Hồ Chí Minh	4480	51L-828.85	Hồ Chí Minh			
3481	51L-789.94	Hồ Chí Minh	4481	51L-829.19	Hồ Chí Minh			
3482	51L-793.29	Hồ Chí Minh	4482	51L-831.89	Hồ Chí Minh			
3483	51L-794.69	Hồ Chí Minh	4483	51L-832.33	Hồ Chí Minh			
3484	51L-795.97	Hồ Chí Minh	4484	51L-833.55	Hồ Chí Minh			
3485	51L-796.15	Hồ Chí Minh	4485	51L-837.38	Hồ Chí Minh			
3486	51L-804.58	Hồ Chí Minh	4486	51L-837.86	Hồ Chí Minh			
3487	51L-811.12	Hồ Chí Minh	4487	51L-843.34	Hồ Chí Minh			
3488	51L-811.16	Hồ Chí Minh	4488	51L-846.69	Hồ Chí Minh			
3489	51L-812.56	Hồ Chí Minh	4489	51L-850.50	Hồ Chí Minh			
3490	51L-818.29	Hồ Chí Minh	4490	51L-850.86	Hồ Chí Minh			
3491	51L-819.93	Hồ Chí Minh	4491	51L-853.54	Hồ Chí Minh			
3492	51L-820.99	Hồ Chí Minh	4492	51L-854.89	Hồ Chí Minh			
3493	51L-822.83	Hồ Chí Minh	4493	51L-855.22	Hồ Chí Minh			
3494	51L-822.89	Hồ Chí Minh	4494	51L-859.79	Hồ Chí Minh			
3495	51L-823.28	Hồ Chí Minh	4495	51L-865.06	Hồ Chí Minh			
3496	51L-824.85	Hồ Chí Minh	4496	51L-867.69	Hồ Chí Minh			
3497	51L-826.65	Hồ Chí Minh	4497	51L-870.39	Hồ Chí Minh			
3498	51L-829.55	Hồ Chí Minh	4498	51L-870.99	Hồ Chí Minh			
3499	51L-830.88	Hồ Chí Minh	4499	51L-874.39	Hồ Chí Minh			
3500	51L-840.41	Hồ Chí Minh	4500	51L-886.56	Hồ Chí Minh			
3501	51L-840.89	Hồ Chí Minh	4501	51L-886.59	Hồ Chí Minh			
3502	51L-844.22	Hồ Chí Minh	4502	51L-891.39	Hồ Chí Minh			
3503	51L-847.89	Hồ Chí Minh	4503	51L-894.29	Hồ Chí Minh			
3504	51L-848.48	Hồ Chí Minh	4504	11A-117.79	Cao Bằng			
3505	51L-849.16	Hồ Chí Minh	4505	11C-082.99	Cao Bằng			
3506	51L-849.79	Hồ Chí Minh	4506	12A-221.66	Lạng Sơn			
3507	51L-855.98	Hồ Chí Minh	4507	12A-237.79	Lạng Sơn			
3508	51L-856.06	Hồ Chí Minh	4508	12A-245.68	Lạng Sơn			
3509	51L-865.65	Hồ Chí Minh	4509	12A-255.52	Lạng Sơn			
3510	51L-870.77	Hồ Chí Minh	4510	12A-258.89	Lạng Sơn			

1. Đ
CỘNG
ĐÀ
HỢP
VIỆT
XU

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	51L-871.17	Hồ Chí Minh	4511	12A-259.89	Lạng Sơn			
3512	51L-874.79	Hồ Chí Minh	4512	14A-917.39	Quảng Ninh			
3513	51L-876.09	Hồ Chí Minh	4513	14A-921.88	Quảng Ninh			
3514	51L-878.94	Hồ Chí Minh	4514	14A-942.69	Quảng Ninh			
3515	51L-879.59	Hồ Chí Minh	4515	14A-945.49	Quảng Ninh			
3516	51L-886.95	Hồ Chí Minh	4516	14A-950.95	Quảng Ninh			
3517	51L-887.69	Hồ Chí Minh	4517	14A-954.59	Quảng Ninh			
3518	51L-888.44	Hồ Chí Minh	4518	14A-962.79	Quảng Ninh			
3519	51L-888.57	Hồ Chí Minh	4519	14A-973.99	Quảng Ninh			
3520	51L-890.28	Hồ Chí Minh	4520	14A-986.87	Quảng Ninh			
3521	51L-890.86	Hồ Chí Minh	4521	14C-397.97	Quảng Ninh			
3522	11A-114.66	Cao Bằng	4522	15K-225.39	Hải Phòng			
3523	11A-130.88	Cao Bằng	4523	15K-237.39	Hải Phòng			
3524	11A-131.68	Cao Bằng	4524	15K-241.68	Hải Phòng			
3525	11C-085.58	Cao Bằng	4525	15K-241.86	Hải Phòng			
3526	12A-250.39	Lạng Sơn	4526	15K-245.55	Hải Phòng			
3527	12A-250.79	Lạng Sơn	4527	15K-300.11	Hải Phòng			
3528	12A-259.66	Lạng Sơn	4528	15K-306.39	Hải Phòng			
3529	12B-013.88	Lạng Sơn	4529	15K-307.68	Hải Phòng			
3530	14A-884.68	Quảng Ninh	4530	15K-333.13	Hải Phòng			
3531	14A-907.88	Quảng Ninh	4531	15K-340.89	Hải Phòng			
3532	14A-907.99	Quảng Ninh	4532	15K-342.66	Hải Phòng			
3533	14A-914.44	Quảng Ninh	4533	15K-372.39	Hải Phòng			
3534	14A-922.44	Quảng Ninh	4534	15K-382.22	Hải Phòng			
3535	14A-924.42	Quảng Ninh	4535	15K-388.77	Hải Phòng			
3536	14A-943.88	Quảng Ninh	4536	15K-409.69	Hải Phòng			
3537	14A-951.69	Quảng Ninh	4537	15K-415.79	Hải Phòng			
3538	14A-980.86	Quảng Ninh	4538	15K-421.68	Hải Phòng			
3539	14C-436.99	Quảng Ninh	4539	17A-411.86	Thái Bình			
3540	15C-456.79	Hải Phòng	4540	17A-444.08	Thái Bình			
3541	15C-479.99	Hải Phòng	4541	17A-455.00	Thái Bình			
3542	15K-210.66	Hải Phòng	4542	17A-473.74	Thái Bình			
3543	15K-335.36	Hải Phòng	4543	17A-491.99	Thái Bình			
3544	15K-362.63	Hải Phòng	4544	17C-212.66	Thái Bình			
3545	15K-422.42	Hải Phòng	4545	17D-012.22	Thái Bình			
3546	17A-420.20	Thái Bình	4546	18A-400.99	Nam Định			
3547	17A-451.11	Thái Bình	4547	18A-417.68	Nam Định			
3548	17A-452.39	Thái Bình	4548	18A-418.86	Nam Định			
3549	17A-458.99	Thái Bình	4549	18A-427.86	Nam Định			
3550	17A-483.88	Thái Bình	4550	18A-448.89	Nam Định			
3551	17A-486.87	Thái Bình	4551	18A-458.86	Nam Định			
3552	17A-487.78	Thái Bình	4552	18A-477.99	Nam Định			
3553	18A-447.66	Nam Định	4553	19A-576.39	Phú Thọ			
3554	18A-471.89	Nam Định	4554	19A-577.22	Phú Thọ			
3555	18A-479.88	Nam Định	4555	19A-581.86	Phú Thọ			
3556	18A-485.69	Nam Định	4556	19A-607.77	Phú Thọ			
3557	18A-487.99	Nam Định	4557	19A-608.66	Phú Thọ			
3558	19A-600.69	Phú Thọ	4558	19A-609.88	Phú Thọ			
3559	19A-637.79	Phú Thọ	4559	19A-620.69	Phú Thọ			
3560	19A-651.79	Phú Thọ	4560	19A-622.33	Phú Thọ			
3561	19A-665.89	Phú Thọ	4561	19A-624.69	Phú Thọ			

47
T.Y
GIÁ
ANH
VAM
-T.P

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	19C-249.96	Phú Thọ	4562	19A-628.69	Phú Thọ			
3563	19C-259.86	Phú Thọ	4563	19A-630.69	Phú Thọ			
3564	20A-732.66	Thái Nguyên	4564	19A-639.66	Phú Thọ			
3565	20A-753.53	Thái Nguyên	4565	19A-640.99	Phú Thọ			
3566	20A-757.79	Thái Nguyên	4566	19A-647.74	Phú Thọ			
3567	20A-765.68	Thái Nguyên	4567	19A-651.15	Phú Thọ			
3568	20A-770.88	Thái Nguyên	4568	19A-664.69	Phú Thọ			
3569	20A-793.39	Thái Nguyên	4569	19A-681.82	Phú Thọ			
3570	20A-796.39	Thái Nguyên	4570	19A-690.91	Phú Thọ			
3571	20A-801.11	Thái Nguyên	4571	19A-704.39	Phú Thọ			
3572	20A-802.02	Thái Nguyên	4572	19B-026.89	Phú Thọ			
3573	20A-804.40	Thái Nguyên	4573	19B-027.69	Phú Thọ			
3574	20A-804.68	Thái Nguyên	4574	19D-016.86	Phú Thọ			
3575	20A-815.39	Thái Nguyên	4575	20A-726.26	Thái Nguyên			
3576	20A-817.99	Thái Nguyên	4576	20A-729.96	Thái Nguyên			
3577	20A-821.99	Thái Nguyên	4577	20A-733.86	Thái Nguyên			
3578	20A-841.48	Thái Nguyên	4578	20A-750.05	Thái Nguyên			
3579	20A-843.33	Thái Nguyên	4579	20A-765.99	Thái Nguyên			
3580	20A-851.52	Thái Nguyên	4580	20A-769.96	Thái Nguyên			
3581	20A-856.79	Thái Nguyên	4581	20A-773.86	Thái Nguyên			
3582	20C-302.39	Thái Nguyên	4582	20A-786.99	Thái Nguyên			
3583	21A-187.66	Yên Bái	4583	20A-799.22	Thái Nguyên			
3584	21A-198.69	Yên Bái	4584	20A-800.99	Thái Nguyên			
3585	21A-200.44	Yên Bái	4585	20A-852.79	Thái Nguyên			
3586	21A-215.66	Yên Bái	4586	20A-857.89	Thái Nguyên			
3587	22A-233.79	Tuyên Quang	4587	20D-028.88	Thái Nguyên			
3588	22A-243.39	Tuyên Quang	4588	20D-029.89	Thái Nguyên			
3589	22A-253.79	Tuyên Quang	4589	20D-031.13	Thái Nguyên			
3590	22A-261.88	Tuyên Quang	4590	21A-185.88	Yên Bái			
3591	22A-264.68	Tuyên Quang	4591	21A-193.79	Yên Bái			
3592	23A-142.79	Hà Giang	4592	21A-200.39	Yên Bái			
3593	23A-156.99	Hà Giang	4593	21A-219.21	Yên Bái			
3594	23A-157.68	Hà Giang	4594	21A-220.79	Yên Bái			
3595	24A-264.89	Lào Cai	4595	22A-224.39	Tuyên Quang			
3596	24A-273.69	Lào Cai	4596	22A-230.89	Tuyên Quang			
3597	24A-275.39	Lào Cai	4597	22A-237.77	Tuyên Quang			
3598	24A-281.79	Lào Cai	4598	22A-239.68	Tuyên Quang			
3599	24A-283.39	Lào Cai	4599	22A-240.39	Tuyên Quang			
3600	24A-301.69	Lào Cai	4600	22A-249.66	Tuyên Quang			
3601	26A-219.66	Sơn La	4601	22A-254.39	Tuyên Quang			
3602	26A-222.59	Sơn La	4602	22A-256.65	Tuyên Quang			
3603	26A-222.78	Sơn La	4603	22C-111.59	Tuyên Quang			
3604	27A-111.69	Điện Biên	4604	23A-144.79	Hà Giang			
3605	27A-113.39	Điện Biên	4605	23A-148.68	Hà Giang			
3606	28A-231.11	Hòa Bình	4606	23A-152.86	Hà Giang			
3607	28A-241.11	Hòa Bình	4607	24A-254.66	Lào Cai			
3608	29D-615.15	Hà Nội	4608	24A-291.99	Lào Cai			
3609	29D-623.32	Hà Nội	4609	24A-300.39	Lào Cai			
3610	29K-226.77	Hà Nội	4610	25A-081.80	Lai Châu			
3611	29K-235.85	Hà Nội	4611	26A-195.66	Sơn La			
3612	29K-241.24	Hà Nội	4612	26A-213.99	Sơn La			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	29K-245.55	Hà Nội	4613	26A-222.27	Sơn La			
3614	29K-252.96	Hà Nội	4614	26A-234.86	Sơn La			
3615	29K-258.39	Hà Nội	4615	26C-156.99	Sơn La			
3616	29K-260.68	Hà Nội	4616	26D-011.39	Sơn La			
3617	29K-268.79	Hà Nội	4617	27A-117.71	Điện Biên			
3618	29K-277.78	Hà Nội	4618	27A-117.79	Điện Biên			
3619	29K-281.66	Hà Nội	4619	27A-124.21	Điện Biên			
3620	29K-290.99	Hà Nội	4620	27A-125.26	Điện Biên			
3621	29K-292.55	Hà Nội	4621	27A-127.86	Điện Biên			
3622	29K-297.88	Hà Nội	4622	27B-013.79	Điện Biên			
3623	29K-301.00	Hà Nội	4623	27C-071.39	Điện Biên			
3624	29K-307.00	Hà Nội	4624	28A-232.99	Hòa Bình			
3625	29K-316.89	Hà Nội	4625	28A-234.79	Hòa Bình			
3626	29K-319.70	Hà Nội	4626	28A-243.86	Hòa Bình			
3627	29K-325.32	Hà Nội	4627	28A-251.52	Hòa Bình			
3628	34A-764.68	Hải Dương	4628	28A-253.66	Hòa Bình			
3629	34A-771.79	Hải Dương	4629	28B-016.68	Hòa Bình			
3630	34A-800.33	Hải Dương	4630	29D-606.99	Hà Nội			
3631	34A-800.66	Hải Dương	4631	29D-623.88	Hà Nội			
3632	34A-800.68	Hải Dương	4632	29K-222.58	Hà Nội			
3633	34A-820.66	Hải Dương	4633	29K-222.96	Hà Nội			
3634	34A-823.39	Hải Dương	4634	29K-223.19	Hà Nội			
3635	34A-833.00	Hải Dương	4635	29K-225.38	Hà Nội			
3636	34A-847.99	Hải Dương	4636	29K-228.79	Hà Nội			
3637	34A-852.89	Hải Dương	4637	29K-228.96	Hà Nội			
3638	34A-857.79	Hải Dương	4638	29K-229.88	Hà Nội			
3639	34A-874.89	Hải Dương	4639	29K-232.19	Hà Nội			
3640	34A-889.68	Hải Dương	4640	29K-239.66	Hà Nội			
3641	35A-373.66	Ninh Bình	4641	29K-247.44	Hà Nội			
3642	35A-390.39	Ninh Bình	4642	29K-264.64	Hà Nội			
3643	35A-394.44	Ninh Bình	4643	29K-278.27	Hà Nội			
3644	35A-394.94	Ninh Bình	4644	29K-284.79	Hà Nội			
3645	35A-400.69	Ninh Bình	4645	29K-293.79	Hà Nội			
3646	35A-413.86	Ninh Bình	4646	29K-295.18	Hà Nội			
3647	35A-420.68	Ninh Bình	4647	29K-305.77	Hà Nội			
3648	35A-432.22	Ninh Bình	4648	29K-314.11	Hà Nội			
3649	35A-439.79	Ninh Bình	4649	29K-315.36	Hà Nội			
3650	35A-440.79	Ninh Bình	4650	29K-317.86	Hà Nội			
3651	35A-453.79	Ninh Bình	4651	29K-322.83	Hà Nội			
3652	36K-025.52	Thanh Hóa	4652	29K-324.88	Hà Nội			
3653	36K-034.79	Thanh Hóa	4653	34A-751.39	Hải Dương			
3654	36K-036.39	Thanh Hóa	4654	34A-753.66	Hải Dương			
3655	36K-058.58	Thanh Hóa	4655	34A-767.88	Hải Dương			
3656	36K-064.68	Thanh Hóa	4656	34A-794.99	Hải Dương			
3657	36K-067.66	Thanh Hóa	4657	34A-801.66	Hải Dương			
3658	36K-091.89	Thanh Hóa	4658	34A-810.99	Hải Dương			
3659	36K-102.99	Thanh Hóa	4659	34A-816.99	Hải Dương			
3660	36K-108.80	Thanh Hóa	4660	34A-827.68	Hải Dương			
3661	36K-124.88	Thanh Hóa	4661	34A-828.69	Hải Dương			
3662	36K-142.79	Thanh Hóa	4662	34A-830.66	Hải Dương			
3663	36K-143.39	Thanh Hóa	4663	34A-833.86	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	36K-173.74	Thanh Hóa	4664	34A-871.87	Hải Dương			
3665	36K-178.89	Thanh Hóa	4665	34A-887.39	Hải Dương			
3666	36K-180.81	Thanh Hóa	4666	34A-895.86	Hải Dương			
3667	36K-182.18	Thanh Hóa	4667	34A-906.79	Hải Dương			
3668	36K-183.99	Thanh Hóa	4668	35A-390.89	Ninh Bình			
3669	36K-187.87	Thanh Hóa	4669	35A-444.69	Ninh Bình			
3670	36K-217.71	Thanh Hóa	4670	35A-448.69	Ninh Bình			
3671	36K-219.21	Thanh Hóa	4671	35A-452.45	Ninh Bình			
3672	36K-226.69	Thanh Hóa	4672	35D-013.88	Ninh Bình			
3673	37C-562.88	Nghệ An	4673	36C-513.88	Thanh Hóa			
3674	37K-308.86	Nghệ An	4674	36K-036.69	Thanh Hóa			
3675	37K-329.88	Nghệ An	4675	36K-050.69	Thanh Hóa			
3676	37K-331.99	Nghệ An	4676	36K-063.66	Thanh Hóa			
3677	37K-340.66	Nghệ An	4677	36K-084.66	Thanh Hóa			
3678	37K-346.46	Nghệ An	4678	36K-111.35	Thanh Hóa			
3679	37K-354.66	Nghệ An	4679	36K-115.79	Thanh Hóa			
3680	37K-372.69	Nghệ An	4680	36K-139.89	Thanh Hóa			
3681	37K-372.79	Nghệ An	4681	36K-155.33	Thanh Hóa			
3682	37K-411.66	Nghệ An	4682	36K-155.39	Thanh Hóa			
3683	37K-419.72	Nghệ An	4683	36K-160.79	Thanh Hóa			
3684	37K-423.24	Nghệ An	4684	36K-162.86	Thanh Hóa			
3685	37K-434.34	Nghệ An	4685	36K-176.69	Thanh Hóa			
3686	37K-443.99	Nghệ An	4686	36K-190.09	Thanh Hóa			
3687	37K-450.50	Nghệ An	4687	36K-193.88	Thanh Hóa			
3688	37K-454.88	Nghệ An	4688	36K-211.44	Thanh Hóa			
3689	38A-572.79	Hà Tĩnh	4689	36K-211.79	Thanh Hóa			
3690	38A-572.86	Hà Tĩnh	4690	36K-217.88	Thanh Hóa			
3691	38A-601.68	Hà Tĩnh	4691	37C-551.79	Nghệ An			
3692	38A-601.99	Hà Tĩnh	4692	37C-555.67	Nghệ An			
3693	38A-605.69	Hà Tĩnh	4693	37C-566.62	Nghệ An			
3694	38A-622.39	Hà Tĩnh	4694	37K-270.89	Nghệ An			
3695	38A-645.79	Hà Tĩnh	4695	37K-277.55	Nghệ An			
3696	38A-648.46	Hà Tĩnh	4696	37K-302.69	Nghệ An			
3697	38A-666.14	Hà Tĩnh	4697	37K-357.86	Nghệ An			
3698	38A-678.11	Hà Tĩnh	4698	37K-363.79	Nghệ An			
3699	38B-019.88	Hà Tĩnh	4699	37K-391.86	Nghệ An			
3700	38C-229.89	Hà Tĩnh	4700	37K-392.79	Nghệ An			
3701	43A-804.44	Đà Nẵng	4701	37K-397.86	Nghệ An			
3702	43A-836.88	Đà Nẵng	4702	37K-430.99	Nghệ An			
3703	43A-840.69	Đà Nẵng	4703	37K-436.43	Nghệ An			
3704	43A-846.89	Đà Nẵng	4704	37K-448.89	Nghệ An			
3705	43A-851.68	Đà Nẵng	4705	37K-455.77	Nghệ An			
3706	43A-861.79	Đà Nẵng	4706	37K-464.44	Nghệ An			
3707	43A-874.79	Đà Nẵng	4707	37K-473.68	Nghệ An			
3708	43A-884.89	Đà Nẵng	4708	38A-571.11	Hà Tĩnh			
3709	43A-897.79	Đà Nẵng	4709	38A-572.99	Hà Tĩnh			
3710	43A-900.66	Đà Nẵng	4710	38A-608.08	Hà Tĩnh			
3711	43A-927.86	Đà Nẵng	4711	38A-612.21	Hà Tĩnh			
3712	43A-935.53	Đà Nẵng	4712	38A-624.86	Hà Tĩnh			
3713	43A-936.69	Đà Nẵng	4713	38A-629.92	Hà Tĩnh			
3714	43A-940.99	Đà Nẵng	4714	38A-651.88	Hà Tĩnh			

Đ:
CỘNG
ĐÀU
ỢP
IẾT
XUẤT

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	47A-629.68	Đắk Lắk	4715	38A-654.45	Hà Tĩnh			
3716	47A-660.86	Đắk Lắk	4716	38A-660.60	Hà Tĩnh			
3717	47A-681.39	Đắk Lắk	4717	43A-826.68	Đà Nẵng			
3718	47A-704.89	Đắk Lắk	4718	43A-846.88	Đà Nẵng			
3719	47A-713.31	Đắk Lắk	4719	43A-864.88	Đà Nẵng			
3720	47A-714.39	Đắk Lắk	4720	43A-896.69	Đà Nẵng			
3721	47A-714.44	Đắk Lắk	4721	43A-907.66	Đà Nẵng			
3722	47A-742.89	Đắk Lắk	4722	43A-917.86	Đà Nẵng			
3723	47A-743.39	Đắk Lắk	4723	43A-934.88	Đà Nẵng			
3724	47A-743.79	Đắk Lắk	4724	43A-939.96	Đà Nẵng			
3725	47A-751.68	Đắk Lắk	4725	43C-311.33	Đà Nẵng			
3726	47A-777.04	Đắk Lắk	4726	43D-011.88	Đà Nẵng			
3727	47A-790.89	Đắk Lắk	4727	47A-630.79	Đắk Lắk			
3728	47A-794.94	Đắk Lắk	4728	47A-645.89	Đắk Lắk			
3729	47A-810.18	Đắk Lắk	4729	47A-671.69	Đắk Lắk			
3730	47A-812.81	Đắk Lắk	4730	47A-677.69	Đắk Lắk			
3731	48A-218.89	Đắk Nông	4731	47A-725.52	Đắk Lắk			
3732	48A-221.86	Đắk Nông	4732	47A-738.99	Đắk Lắk			
3733	48B-011.39	Đắk Nông	4733	47A-746.64	Đắk Lắk			
3734	49A-632.66	Lâm Đồng	4734	47A-751.79	Đắk Lắk			
3735	49A-665.79	Lâm Đồng	4735	47A-753.88	Đắk Lắk			
3736	49A-686.39	Lâm Đồng	4736	47A-761.76	Đắk Lắk			
3737	49A-716.69	Lâm Đồng	4737	47A-771.99	Đắk Lắk			
3738	49A-716.86	Lâm Đồng	4738	47A-780.78	Đắk Lắk			
3739	51D-851.66	Hồ Chí Minh	4739	47A-782.88	Đắk Lắk			
3740	51D-887.89	Hồ Chí Minh	4740	47A-785.39	Đắk Lắk			
3741	51D-892.39	Hồ Chí Minh	4741	47A-791.39	Đắk Lắk			
3742	51M-008.80	Hồ Chí Minh	4742	47A-809.80	Đắk Lắk			
3743	51M-016.17	Hồ Chí Minh	4743	47C-395.88	Đắk Lắk			
3744	51M-016.99	Hồ Chí Minh	4744	48A-206.86	Đắk Nông			
3745	51M-026.88	Hồ Chí Minh	4745	48C-108.69	Đắk Nông			
3746	51M-033.66	Hồ Chí Minh	4746	48C-109.66	Đắk Nông			
3747	51M-034.99	Hồ Chí Minh	4747	49A-648.39	Lâm Đồng			
3748	51M-041.68	Hồ Chí Minh	4748	49A-664.69	Lâm Đồng			
3749	51M-051.18	Hồ Chí Minh	4749	49A-684.89	Lâm Đồng			
3750	60C-735.89	Đồng Nai	4750	49A-690.39	Lâm Đồng			
3751	60C-739.89	Đồng Nai	4751	49A-690.88	Lâm Đồng			
3752	60C-751.15	Đồng Nai	4752	49A-697.68	Lâm Đồng			
3753	60K-477.86	Đồng Nai	4753	49A-705.89	Lâm Đồng			
3754	60K-485.68	Đồng Nai	4754	49A-708.39	Lâm Đồng			
3755	60K-485.85	Đồng Nai	4755	49A-712.79	Lâm Đồng			
3756	60K-490.00	Đồng Nai	4756	49A-724.69	Lâm Đồng			
3757	60K-509.39	Đồng Nai	4757	49A-734.35	Lâm Đồng			
3758	60K-517.69	Đồng Nai	4758	49C-375.66	Lâm Đồng			
3759	60K-526.62	Đồng Nai	4759	49C-378.89	Lâm Đồng			
3760	60K-535.89	Đồng Nai	4760	51D-832.86	Hồ Chí Minh			
3761	60K-541.66	Đồng Nai	4761	51D-867.39	Hồ Chí Minh			
3762	60K-550.51	Đồng Nai	4762	51D-889.88	Hồ Chí Minh			
3763	60K-555.33	Đồng Nai	4763	51E-332.69	Hồ Chí Minh			
3764	60K-562.68	Đồng Nai	4764	51M-013.10	Hồ Chí Minh			
3765	60K-570.57	Đồng Nai	4765	51M-017.17	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	60K-570.69	Đồng Nai	4766	51M-034.86	Hồ Chí Minh			
3767	60K-570.88	Đồng Nai	4767	51M-037.69	Hồ Chí Minh			
3768	60K-581.11	Đồng Nai	4768	51M-043.00	Hồ Chí Minh			
3769	60K-583.69	Đồng Nai	4769	51M-044.45	Hồ Chí Minh			
3770	60K-584.39	Đồng Nai	4770	51M-045.18	Hồ Chí Minh			
3771	60K-585.66	Đồng Nai	4771	51M-050.88	Hồ Chí Minh			
3772	60K-587.85	Đồng Nai	4772	60D-021.66	Đồng Nai			
3773	60K-590.00	Đồng Nai	4773	60K-421.11	Đồng Nai			
3774	60K-599.89	Đồng Nai	4774	60K-422.88	Đồng Nai			
3775	60K-601.06	Đồng Nai	4775	60K-428.68	Đồng Nai			
3776	61C-608.39	Bình Dương	4776	60K-433.11	Đồng Nai			
3777	61K-309.90	Bình Dương	4777	60K-437.73	Đồng Nai			
3778	61K-317.39	Bình Dương	4778	60K-482.69	Đồng Nai			
3779	61K-323.39	Bình Dương	4779	60K-487.99	Đồng Nai			
3780	61K-332.88	Bình Dương	4780	60K-541.86	Đồng Nai			
3781	61K-355.69	Bình Dương	4781	60K-543.33	Đồng Nai			
3782	61K-371.71	Bình Dương	4782	60K-547.48	Đồng Nai			
3783	61K-402.02	Bình Dương	4783	60K-554.88	Đồng Nai			
3784	61K-428.88	Bình Dương	4784	60K-559.95	Đồng Nai			
3785	61K-433.55	Bình Dương	4785	60K-560.56	Đồng Nai			
3786	61K-434.44	Bình Dương	4786	60K-564.79	Đồng Nai			
3787	61K-440.79	Bình Dương	4787	60K-588.11	Đồng Nai			
3788	61K-444.79	Bình Dương	4788	60K-607.60	Đồng Nai			
3789	61K-445.89	Bình Dương	4789	61C-591.19	Bình Dương			
3790	61K-458.59	Bình Dương	4790	61C-600.55	Bình Dương			
3791	61K-472.99	Bình Dương	4791	61K-328.79	Bình Dương			
3792	61K-480.39	Bình Dương	4792	61K-351.11	Bình Dương			
3793	61K-481.99	Bình Dương	4793	61K-384.89	Bình Dương			
3794	61K-494.39	Bình Dương	4794	61K-405.05	Bình Dương			
3795	61K-518.69	Bình Dương	4795	61K-431.69	Bình Dương			
3796	62A-391.99	Long An	4796	61K-436.99	Bình Dương			
3797	62A-414.68	Long An	4797	61K-438.99	Bình Dương			
3798	62A-415.79	Long An	4798	61K-476.89	Bình Dương			
3799	62A-418.66	Long An	4799	61K-492.39	Bình Dương			
3800	62A-430.86	Long An	4800	61K-508.79	Bình Dương			
3801	62A-430.89	Long An	4801	61K-508.80	Bình Dương			
3802	62A-443.79	Long An	4802	62A-404.40	Long An			
3803	62A-445.89	Long An	4803	62A-420.68	Long An			
3804	62A-466.67	Long An	4804	62A-424.68	Long An			
3805	62B-028.86	Long An	4805	62A-426.86	Long An			
3806	62B-029.69	Long An	4806	62A-454.68	Long An			
3807	63A-291.91	Tiền Giang	4807	62A-462.99	Long An			
3808	63A-315.89	Tiền Giang	4808	62A-469.66	Long An			
3809	64A-178.86	Vĩnh Long	4809	62C-212.68	Long An			
3810	64A-185.66	Vĩnh Long	4810	63A-267.39	Tiền Giang			
3811	64A-187.79	Vĩnh Long	4811	63A-300.99	Tiền Giang			
3812	64C-123.39	Vĩnh Long	4812	63A-323.24	Tiền Giang			
3813	65A-414.14	Cần Thơ	4813	64A-183.33	Vĩnh Long			
3814	65A-431.86	Cần Thơ	4814	64A-188.33	Vĩnh Long			
3815	65A-432.99	Cần Thơ	4815	64A-192.22	Vĩnh Long			
3816	65A-439.89	Cần Thơ	4816	65A-436.69	Cần Thơ			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	65A-449.68	Cần Thơ	4817	65A-446.99	Cần Thơ			
3818	65A-450.50	Cần Thơ	4818	65A-466.39	Cần Thơ			
3819	65A-457.75	Cần Thơ	4819	65A-483.68	Cần Thơ			
3820	65A-463.33	Cần Thơ	4820	65A-497.86	Cần Thơ			
3821	65A-475.75	Cần Thơ	4821	65A-500.01	Cần Thơ			
3822	65A-485.85	Cần Thơ	4822	66A-251.69	Đồng Tháp			
3823	65A-487.87	Cần Thơ	4823	66A-257.99	Đồng Tháp			
3824	65A-499.33	Cần Thơ	4824	66A-262.79	Đồng Tháp			
3825	65A-499.88	Cần Thơ	4825	66A-284.89	Đồng Tháp			
3826	65A-501.86	Cần Thơ	4826	66A-287.68	Đồng Tháp			
3827	65C-237.68	Cần Thơ	4827	66A-297.77	Đồng Tháp			
3828	66A-260.89	Đồng Tháp	4828	66C-181.68	Đồng Tháp			
3829	66A-264.89	Đồng Tháp	4829	67A-300.79	An Giang			
3830	66A-271.17	Đồng Tháp	4830	67A-315.89	An Giang			
3831	66A-277.22	Đồng Tháp	4831	67A-328.39	An Giang			
3832	66A-288.89	Đồng Tháp	4832	68A-308.99	Kiên Giang			
3833	67A-281.99	An Giang	4833	68A-315.99	Kiên Giang			
3834	67A-302.39	An Giang	4834	68A-332.69	Kiên Giang			
3835	67A-316.86	An Giang	4835	68A-337.88	Kiên Giang			
3836	68A-319.93	Kiên Giang	4836	68A-345.39	Kiên Giang			
3837	68A-348.99	Kiên Giang	4837	68A-359.66	Kiên Giang			
3838	68A-359.88	Kiên Giang	4838	69A-145.68	Cà Mau			
3839	68A-362.26	Kiên Giang	4839	69A-150.86	Cà Mau			
3840	68A-362.88	Kiên Giang	4840	69A-155.68	Cà Mau			
3841	69A-147.47	Cà Mau	4841	69A-164.65	Cà Mau			
3842	69A-149.39	Cà Mau	4842	69A-164.88	Cà Mau			
3843	69A-151.86	Cà Mau	4843	69A-165.99	Cà Mau			
3844	69A-167.69	Cà Mau	4844	70A-490.68	Tây Ninh			
3845	70A-488.86	Tây Ninh	4845	70A-501.69	Tây Ninh			
3846	70A-512.66	Tây Ninh	4846	70A-524.66	Tây Ninh			
3847	70A-523.89	Tây Ninh	4847	70A-536.68	Tây Ninh			
3848	70A-526.89	Tây Ninh	4848	70A-544.99	Tây Ninh			
3849	70A-529.29	Tây Ninh	4849	70A-560.68	Tây Ninh			
3850	70A-536.79	Tây Ninh	4850	70A-580.89	Tây Ninh			
3851	70A-538.83	Tây Ninh	4851	70B-032.88	Tây Ninh			
3852	70A-550.39	Tây Ninh	4852	70B-033.99	Tây Ninh			
3853	70A-554.45	Tây Ninh	4853	71A-190.79	Bến Tre			
3854	70A-556.86	Tây Ninh	4854	71A-207.69	Bến Tre			
3855	70A-570.39	Tây Ninh	4855	71C-132.32	Bến Tre			
3856	71A-193.86	Bến Tre	4856	72A-797.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3857	72A-807.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	4857	72A-824.82	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3858	72A-827.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	4858	72A-831.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3859	72C-233.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	4859	72C-235.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3860	73A-339.93	Quảng Bình	4860	72C-239.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3861	73A-343.88	Quảng Bình	4861	73A-321.79	Quảng Bình			
3862	73A-350.79	Quảng Bình	4862	73A-348.84	Quảng Bình			
3863	73A-353.86	Quảng Bình	4863	73A-348.89	Quảng Bình			
3864	73C-187.77	Quảng Bình	4864	73A-351.79	Quảng Bình			
3865	74A-260.89	Quảng Trị	4865	73A-355.35	Quảng Bình			
3866	74A-263.68	Quảng Trị	4866	74A-256.66	Quảng Trị			
3867	74A-266.89	Quảng Trị	4867	74A-261.16	Quảng Trị			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	75A-355.33	Thừa Thiên Huế	4868	74A-263.33	Quảng Trị			
3869	75A-380.39	Thừa Thiên Huế	4869	75A-342.88	Thừa Thiên Huế			
3870	75A-382.39	Thừa Thiên Huế	4870	75A-353.68	Thừa Thiên Huế			
3871	76A-300.66	Quảng Ngãi	4871	75A-385.69	Thừa Thiên Huế			
3872	76A-311.68	Quảng Ngãi	4872	76A-288.11	Quảng Ngãi			
3873	77A-297.66	Bình Định	4873	76A-315.13	Quảng Ngãi			
3874	77A-304.88	Bình Định	4874	76A-318.89	Quảng Ngãi			
3875	77A-317.99	Bình Định	4875	77A-309.69	Bình Định			
3876	77A-323.39	Bình Định	4876	77A-327.27	Bình Định			
3877	77A-328.28	Bình Định	4877	77A-333.44	Bình Định			
3878	77A-352.39	Bình Định	4878	77A-355.11	Bình Định			
3879	77C-252.79	Bình Định	4879	78A-196.39	Phú Yên			
3880	78A-210.39	Phú Yên	4880	78A-204.66	Phú Yên			
3881	78A-213.68	Phú Yên	4881	79A-524.69	Khánh Hòa			
3882	78A-215.15	Phú Yên	4882	79A-527.27	Khánh Hòa			
3883	78C-122.69	Phú Yên	4883	79A-548.88	Khánh Hòa			
3884	79A-538.89	Khánh Hòa	4884	79A-552.39	Khánh Hòa			
3885	79A-543.33	Khánh Hòa	4885	81A-395.88	Gia Lai			
3886	79A-543.79	Khánh Hòa	4886	81A-411.77	Gia Lai			
3887	79A-547.68	Khánh Hòa	4887	81A-420.79	Gia Lai			
3888	79A-551.68	Khánh Hòa	4888	81A-430.79	Gia Lai			
3889	79C-222.37	Khánh Hòa	4889	81C-271.69	Gia Lai			
3890	81A-387.79	Gia Lai	4890	81C-282.69	Gia Lai			
3891	81A-421.68	Gia Lai	4891	82A-138.86	Kon Tum			
3892	81A-421.88	Gia Lai	4892	82A-155.79	Kon Tum			
3893	81A-432.23	Gia Lai	4893	82D-009.99	Kon Tum			
3894	81A-442.79	Gia Lai	4894	83A-173.99	Sóc Trăng			
3895	81A-442.89	Gia Lai	4895	83A-175.99	Sóc Trăng			
3896	81A-443.34	Gia Lai	4896	83A-181.69	Sóc Trăng			
3897	81A-450.66	Gia Lai	4897	83A-188.33	Sóc Trăng			
3898	81B-026.66	Gia Lai	4898	83B-019.92	Sóc Trăng			
3899	81C-272.68	Gia Lai	4899	84A-131.66	Trà Vinh			
3900	82A-127.86	Kon Tum	4900	84C-122.33	Trà Vinh			
3901	82A-130.66	Kon Tum	4901	84C-123.48	Trà Vinh			
3902	82A-141.89	Kon Tum	4902	85A-123.86	Ninh Thuận			
3903	82A-153.68	Kon Tum	4903	85A-129.66	Ninh Thuận			
3904	83A-192.19	Sóc Trăng	4904	85A-139.66	Ninh Thuận			
3905	84A-135.66	Trà Vinh	4905	85A-144.86	Ninh Thuận			
3906	84A-137.37	Trà Vinh	4906	86A-279.88	Bình Thuận			
3907	84C-121.68	Trà Vinh	4907	86A-295.99	Bình Thuận			
3908	84C-122.86	Trà Vinh	4908	88A-654.99	Vĩnh Phúc			
3909	84C-123.39	Trà Vinh	4909	88A-688.77	Vĩnh Phúc			
3910	85A-125.55	Ninh Thuận	4910	88A-694.99	Vĩnh Phúc			
3911	85A-132.86	Ninh Thuận	4911	88A-701.66	Vĩnh Phúc			
3912	86A-283.38	Bình Thuận	4912	88A-703.03	Vĩnh Phúc			
3913	86A-283.99	Bình Thuận	4913	88A-705.05	Vĩnh Phúc			
3914	86A-305.88	Bình Thuận	4914	88A-716.79	Vĩnh Phúc			
3915	86A-318.13	Bình Thuận	4915	88A-716.89	Vĩnh Phúc			
3916	86B-021.66	Bình Thuận	4916	88A-719.39	Vĩnh Phúc			
3917	86B-022.55	Bình Thuận	4917	88A-724.44	Vĩnh Phúc			
3918	86C-206.89	Bình Thuận	4918	88A-727.66	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3919	88A-671.17	Vĩnh Phúc	4919	88A-733.44	Vĩnh Phúc			
3920	88A-675.86	Vĩnh Phúc	4920	88A-733.79	Vĩnh Phúc			
3921	88A-701.89	Vĩnh Phúc	4921	88A-737.69	Vĩnh Phúc			
3922	88A-702.39	Vĩnh Phúc	4922	88A-762.99	Vĩnh Phúc			
3923	88A-708.69	Vĩnh Phúc	4923	88A-766.55	Vĩnh Phúc			
3924	88A-713.69	Vĩnh Phúc	4924	88A-766.89	Vĩnh Phúc			
3925	88A-717.86	Vĩnh Phúc	4925	88A-774.75	Vĩnh Phúc			
3926	88A-727.39	Vĩnh Phúc	4926	88A-780.86	Vĩnh Phúc			
3927	88A-744.39	Vĩnh Phúc	4927	88B-019.91	Vĩnh Phúc			
3928	88A-746.99	Vĩnh Phúc	4928	88C-299.88	Vĩnh Phúc			
3929	88A-760.89	Vĩnh Phúc	4929	88C-302.39	Vĩnh Phúc			
3930	88A-775.75	Vĩnh Phúc	4930	88C-309.66	Vĩnh Phúc			
3931	88A-780.66	Vĩnh Phúc	4931	89A-428.99	Hung Yên			
3932	88A-782.88	Vĩnh Phúc	4932	89A-440.89	Hung Yên			
3933	88A-784.84	Vĩnh Phúc	4933	89A-482.89	Hung Yên			
3934	88C-298.98	Vĩnh Phúc	4934	89A-486.99	Hung Yên			
3935	88C-306.69	Vĩnh Phúc	4935	89A-491.91	Hung Yên			
3936	89A-432.69	Hung Yên	4936	89A-494.39	Hung Yên			
3937	89A-432.88	Hung Yên	4937	89A-513.68	Hung Yên			
3938	89A-457.77	Hung Yên	4938	89A-524.52	Hung Yên			
3939	89A-471.89	Hung Yên	4939	90A-244.55	Hà Nam			
3940	89A-473.33	Hung Yên	4940	90A-252.89	Hà Nam			
3941	89A-473.37	Hung Yên	4941	90A-258.66	Hà Nam			
3942	89A-475.88	Hung Yên	4942	90A-261.16	Hà Nam			
3943	89A-480.00	Hung Yên	4943	90A-273.73	Hà Nam			
3944	89A-482.28	Hung Yên	4944	90A-279.68	Hà Nam			
3945	89A-492.79	Hung Yên	4945	92A-401.86	Quảng Nam			
3946	89A-501.50	Hung Yên	4946	92A-408.79	Quảng Nam			
3947	89A-517.15	Hung Yên	4947	92A-417.41	Quảng Nam			
3948	89A-529.96	Hung Yên	4948	92A-421.86	Quảng Nam			
3949	89C-336.36	Hung Yên	4949	92C-251.39	Quảng Nam			
3950	90A-265.86	Hà Nam	4950	92C-256.86	Quảng Nam			
3951	92A-380.86	Quảng Nam	4951	92D-008.89	Quảng Nam			
3952	92A-386.38	Quảng Nam	4952	93A-438.68	Bình Phước			
3953	92A-411.88	Quảng Nam	4953	93A-449.49	Bình Phước			
3954	92A-413.99	Quảng Nam	4954	93A-469.88	Bình Phước			
3955	92A-415.55	Quảng Nam	4955	93A-474.89	Bình Phước			
3956	92B-035.79	Quảng Nam	4956	93A-475.66	Bình Phước			
3957	93A-448.84	Bình Phước	4957	93A-482.82	Bình Phước			
3958	93A-450.68	Bình Phước	4958	94C-083.33	Bạc Liêu			
3959	93A-453.68	Bình Phước	4959	95B-013.79	Hậu Giang			
3960	93A-489.69	Bình Phước	4960	97A-082.68	Bắc Kạn			
3961	94A-100.00	Bạc Liêu	4961	97A-088.22	Bắc Kạn			
3962	94A-102.02	Bạc Liêu	4962	97A-094.66	Bắc Kạn			
3963	94A-103.33	Bạc Liêu	4963	97B-012.99	Bắc Kạn			
3964	94B-012.69	Bạc Liêu	4964	98A-700.86	Bắc Giang			
3965	95A-112.79	Hậu Giang	4965	98A-713.69	Bắc Giang			
3966	95A-122.86	Hậu Giang	4966	98A-715.89	Bắc Giang			
3967	95B-015.68	Hậu Giang	4967	98A-733.66	Bắc Giang			
3968	97A-080.08	Bắc Kạn	4968	98A-733.68	Bắc Giang			
3969	97A-088.69	Bắc Kạn	4969	98A-740.99	Bắc Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	98A-705.89	Bắc Giang	4970	98A-745.68	Bắc Giang			
3971	98A-713.33	Bắc Giang	4971	98A-747.66	Bắc Giang			
3972	98A-731.68	Bắc Giang	4972	98A-751.39	Bắc Giang			
3973	98A-747.68	Bắc Giang	4973	98A-761.11	Bắc Giang			
3974	98A-755.56	Bắc Giang	4974	98A-776.76	Bắc Giang			
3975	98A-756.79	Bắc Giang	4975	98A-777.22	Bắc Giang			
3976	98A-758.39	Bắc Giang	4976	98A-784.99	Bắc Giang			
3977	98A-766.22	Bắc Giang	4977	98A-791.69	Bắc Giang			
3978	98A-772.79	Bắc Giang	4978	98A-805.88	Bắc Giang			
3979	98A-780.88	Bắc Giang	4979	98A-823.69	Bắc Giang			
3980	98A-781.89	Bắc Giang	4980	98A-825.52	Bắc Giang			
3981	98A-805.68	Bắc Giang	4981	98A-825.79	Bắc Giang			
3982	98A-835.66	Bắc Giang	4982	98A-830.86	Bắc Giang			
3983	98A-850.05	Bắc Giang	4983	98C-356.39	Bắc Giang			
3984	98C-357.39	Bắc Giang	4984	98C-356.78	Bắc Giang			
3985	99A-701.68	Bắc Ninh	4985	98C-359.88	Bắc Giang			
3986	99A-702.39	Bắc Ninh	4986	98C-365.55	Bắc Giang			
3987	99A-704.44	Bắc Ninh	4987	98C-366.65	Bắc Giang			
3988	99A-707.68	Bắc Ninh	4988	98C-368.89	Bắc Giang			
3989	99A-716.79	Bắc Ninh	4989	99A-716.86	Bắc Ninh			
3990	99A-730.39	Bắc Ninh	4990	99A-718.86	Bắc Ninh			
3991	99A-749.94	Bắc Ninh	4991	99A-750.86	Bắc Ninh			
3992	99A-764.44	Bắc Ninh	4992	99A-764.69	Bắc Ninh			
3993	99A-788.55	Bắc Ninh	4993	99A-793.66	Bắc Ninh			
3994	99A-791.88	Bắc Ninh	4994	99A-795.66	Bắc Ninh			
3995	99A-792.88	Bắc Ninh	4995	99A-803.69	Bắc Ninh			
3996	99A-818.19	Bắc Ninh	4996	99A-823.82	Bắc Ninh			
3997	99A-843.34	Bắc Ninh	4997	99A-826.69	Bắc Ninh			
3998	99A-844.89	Bắc Ninh	4998	99A-837.77	Bắc Ninh			
3999	99C-317.88	Bắc Ninh	4999	99A-843.99	Bắc Ninh			
4000	99D-022.99	Bắc Ninh	5000	99A-845.88	Bắc Ninh			

H.Đ. ★
L.N.